



TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH

Kỷ yếu: **HỘI THẢO KHOA HỌC**

CHỦ ĐỀ

**NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY VÀ HỌC CỦA GIẢNG
VIÊN VÀ SINH VIÊN KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM**

TP. HCM, ngày 18 tháng 6 năm 2022

LỜI MỞ ĐẦU

Chất lượng đào tạo là một nội dung cơ bản thể hiện uy tín và quyết định sự tồn tại, phát triển của một nền giáo dục, một cơ sở đào tạo và được thể hiện thông qua quá trình dạy học. Nhằm đạt mục tiêu trở thành trường đào tạo chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu nhân lực cao của xã hội và hội nhập vào nền kinh tế kinh tế thế giới. Khoa Quản trị kinh doanh tổ chức hội thảo “*Nâng cao chất lượng dạy và học của giảng viên và sinh viên khoa quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công thương TP.HCM*”, với mong muốn nâng cao, đổi mới phương pháp dạy và học theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của sinh viên, chú trọng hướng dẫn sinh viên phương pháp tự học, tự nghiên cứu, phát huy tính chủ động, sáng tạo của sinh viên.

Tham gia đóng góp bài tham luận, báo cáo dự hội thảo nâng cao chất lượng dạy và học tại khoa QTKD năm nay, có thể thấy 4 nhóm vấn đề được quan tâm chủ yếu: chất lượng dạy học, ý thức tự học của sinh viên, vai trò của cố vấn học tập, hoạt động ngoại khóa và chất lượng thực tập của sinh viên. Thông qua hội thảo này cũng là một dịp để các giảng viên trong khoa cùng nhau trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm quý báu trong hoạt động dạy và học vốn đầy khó khăn và thử thách trên con đường nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng các tiêu chuẩn ngày một cao hơn và từng bước hội nhập với khu vực và thế giới.

Tham dự hội thảo lần này, ngoài sự có mặt của tập thể cán bộ, giảng viên trong khoa, còn có sự tham gia và đóng góp ý kiến quý báu từ Ban Giám hiệu nhà trường và các cán bộ quản lý đại diện các phòng ban trong nhà trường, những người trực tiếp quản lý và phục vụ nhu cầu học tập của các em sinh viên.

Để hội thảo được diễn ra thành công tốt đẹp, Ban Tổ chức hội thảo rất mong nhận được ý kiến đóng góp bài viết cho hội thảo cũng như các ý kiến được đề xuất thông qua thảo luận tại hội thảo, góp phần cho việc triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học của khoa ngày càng được tốt hơn. Xin được cảm ơn những đóng góp quý báu, chân tình và to lớn của Quý thầy cô, Quý đại biểu tham dự hội thảo năm 2022 của khoa QTKD.

Chúc Quý thầy cô, Quý đại biểu nhiều sức khỏe và gặt hái được nhiều thành công trong quá trình dạy và học. Chúc Hội thảo khoa QTKD thành công tốt đẹp.

BAN TỔ CHỨC

MỤC LỤC

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY HỌC VÀ VAI TRÒ CỐ VẤN HỌC TẬP NHẢM GIẢM SINH VIÊN BỎ HỌC.....	3
--	----------

GIẢI PHÁP NÂNG CAO TÍNH TÍCH CỰC HỌC TẬP CHO SINH VIÊN HỌC MÔN KINH TẾ VI MÔ TẠI KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH	12
ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN KHOA QTKD HẬU COVID -1919 BÀN VỀ THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐÀO TẠO THEO CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC PHÁP LUẬT TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.....	22
MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO Ý THỨC VÀ HIỆU QUẢ TỰ HỌC CHO SINH VIÊN KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH, TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.....	27
GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG HOẠT ĐỘNG TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN NHẪM NÂNG CAO TỶ LỆ TỐT NGHIỆP	36
NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG CỐ VẤN HỌC TẬP (CVHT) GÓP PHẦN TĂNG TỶ LỆ TỐT NGHIỆP CỦA SINH VIÊN KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH (QTKD)	47
CỐ VẤN HỌC TẬP TƯ VẤN PHƯƠNG PHÁP TỰ HỌC ĐỐI VỚI SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM. 59	
NÂNG CAO VAI TRÒ CỐ VẤN HỌC TẬP TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.....	63
NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG BÁO CÁO THỰC TẬP CỦA SINH VIÊN NGÀNH QTKD TỔNG HỢP.....	67
THỰC TRẠNG VÀ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT VỀ HOẠT ĐỘNG NGOẠI KHÓA CỦA SINH VIÊN KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH HƯỚNG ĐẾN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HỌC TẬP.....	75
CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KHẢ NĂNG THỂ HIỆN NHẪM THU HÚT NHÀ TUYỂN DỤNG CỦA SINH VIÊN MỚI RA TRƯỜNG NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP. HCM.....	87
CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN CHÍNH QUY TẠI KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH – TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.....	93

**NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY HỌC VÀ VAI TRÒ CỐ VẤN HỌC TẬP NHẪM
GIẢM SINH VIÊN BỎ HỌC**

VÕ MINH SƠN

I. GIỚI THIỆU

Việt Nam tham gia Hiệp định TPP và Cộng đồng chung ASEAN (AEC). Trong đó, Hiệp định Đối tác Kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP) được kỳ vọng sẽ trở thành một khuôn khổ thương mại toàn diện, có chất lượng cao và là khuôn mẫu cho các hiệp định thế kỷ 21. Cùng với đó, sự ra đời của AEC cũng được xem là một thành tựu to lớn trong quá trình hình thành, hội nhập và phát triển của ASEAN trong suốt gần 50 năm qua.

Khi hội nhập thì lao động có thể tự do đi lại trong AEC. Vì vậy, doanh nghiệp Việt Nam có thể tiếp cận nguồn lao động chất lượng cao từ các quốc gia có nền giáo dục phát triển như Singapore, Malaysia... Với việc tự do đi lại và yêu cầu nguồn lao động giàu kỹ năng sẽ là một sức ép to lớn với sinh viên Việt Nam.

Năm 2017 các trường cao đẳng của Việt Nam được đào tạo theo chương trình giáo dục nghề nghiệp thuộc quản lý của Bộ Lao Động và Thương Binh Xã Hội, Trường Cao đẳng Công Thương Thành Phố Hồ Chí Minh cũng được chuyển đổi chương trình đào tạo theo diện này.

Cũng từ năm 2017, các trường đại học, cao đẳng, học viện, cơ sở giáo dục nghề nghiệp mở rộng thêm, số ngành nghề đào tạo tăng lên cùng với chỉ tiêu cũng tăng theo, phương thức xét tuyển đầu vào cũng đa dạng, không những dễ hơn mà còn thấp hơn các năm trước đó dẫn đến lượng sinh viên có biến động sau khi đăng ký nhập học. Đặc biệt các trường cao đẳng có khuynh hướng sinh viên bỏ học nhiều hơn so với trước.

Nói chung, đầu vào của sinh viên cao đẳng càng thấp, cơ hội chuyển trường càng dễ cũng có thể là một nguyên nhân dẫn đến sinh viên cao đẳng có khuynh hướng bỏ học nhiều hơn. Tuy nhiên để hiểu rõ các nguyên nhân và có biện pháp khắc phục thì đây là mục tiêu của tham luận này.

II. KHẢO SÁT THỰC TRẠNG TÌM RA CÁC NGUYÊN NHÂN

Khảo sát được thực hiện qua hai phần chính: (1) khảo sát sơ bộ và (2) khảo sát chính thức với phương pháp định tính gián tiếp.

Phần khảo sát sơ bộ qua việc thảo luận cùng sinh viên các lớp ngành quản trị kinh doanh để phát hiện ra tất cả nguyên nhân sinh viên ngành quản trị kinh doanh bỏ học.

Phần khảo sát chính thức bằng phương pháp chia nhóm thảo luận để khẳng định lại các nguyên nhân ảnh hưởng thực sự. Kết quả tìm ra được các nguyên nhân sau:

TT	Nguyên nhân
1	Ảnh hưởng dịch bệnh Covid 19
2	Gia đình khó khăn về kinh tế
3	Gia đình khó khăn vì không ai chăm sóc người thân gặp sự cố

4	Hoãn thời gian nghĩa vụ quân sự (nam)
5	Chuyển trường vì học đại học hoặc trường khác thuận lợi hơn
6	Do bệnh hoặc bị tai nạn
7	Đi làm thêm hấp dẫn, ít áp lực hơn học nên bỏ học
8	Lười học không nguyên nhân
9	Nghỉ năm sau thi lại đại học
10	Nghỉ tạm thời, bảo lưu hoặc không bảo lưu
11	Chưa nhận thức giá trị học tập
12	Chưa nhận thức giá trị nghề nghiệp
13	Việc học tập chưa hấp dẫn
14	Việc học tập áp lực
15	Chương trình học chưa thấy thực tế
16	Gia đình kinh tế ổn, có công việc, chán học về làm việc gia đình
17	Chán học do rớt nhiều môn
18	Khó khăn trong việc lưu trú
19	Chưa giao tiếp được bạn bè, thấy buồn nên về quê
20	Chưa thấy chương trình ngoại khóa cho sinh viên mới
21	Áp lực từ gia đình
22	Đi theo đam mê, ước mơ của bản thân
23	Bị cám dỗ xã hội: tệ nạn, nghiện ngập
24	Giảng viên thiếu quan tâm: ít điểm danh, kiểm tra
25	Rớt môn nhiều lần

Trong 25 nguyên nhân trên, có nhiều nguyên nhân chủ quan thuộc về bản thân sinh viên và gia đình, có nhiều nguyên nhân khách quan tác động đến sinh viên. Nâng cao chất lượng dạy học và vai trò cố vấn học tập là một biện pháp nhằm giảm sinh viên bỏ học.

III. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY HỌC

Mục tiêu đào tạo hiện nay là xây dựng một con người hoàn thiện hơn, các sinh viên ngoài kiến thức sách vở còn có kiến thức cuộc sống, có khả năng sáng tạo, có khả năng làm việc nhóm, biết vận dụng kiến thức vào cuộc sống, có khả năng trình bày và nhận định vấn đề và có trình độ ngoại ngữ.

Chính vì vậy người thầy hiện nay cần phải:

- Làm cho sinh viên biết tự học, tự vận dụng.
- Luôn liên hệ với thực tiễn đang thay đổi.
- Làm cho sinh viên biết hợp tác và chia sẻ.
- Hãy tận dụng sự hỗ trợ của phương tiện dạy học.

Muốn thế người thầy phải đổi mới trong dạy học để nâng cao chất lượng đào tạo và chất lượng đào tạo phải được hiểu toàn diện gồm các lĩnh vực:

- Phẩm chất đạo đức, lý tưởng sống
- Tri thức (chuyên môn, xã hội).
- Khả năng giao tiếp , hợp tác.
- Khả năng thực hành, tổ chức và thực hiện công việc.v.v...

Đổi mới nhằm nâng cao chất lượng trong dạy học là điều cần thiết và cấp bách bao gồm đổi mới: Mục tiêu, chương trình, nội dung, phương pháp, phương tiện và cách đánh giá.

1. Chương trình đào tạo: Chương trình thể hiện rõ mục tiêu cụ thể, chuẩn đầu ra với kiến thức, kỹ năng, thái độ, có các môn học bắt buộc, tự chọn linh hoạt gồm môn cơ bản, cơ sở ngành và môn chuyên ngành, có bổ sung thêm thực hành, thực tế, thực tập.

2. Đổi mới nội dung: Chương trình môn học và giáo trình đổi mới linh hoạt qua các ví dụ vận dụng sao cho phù hợp với tình hình thực tế, vì thực tế sản xuất, kinh doanh ở các doanh nghiệp luôn thay đổi theo hướng tích cực. Xét các môn học thuộc bộ môn chuyên ngành được hiệu chỉnh lại theo hướng nâng cao thực hành, thực tế.

3. Kết hợp nhiều phương pháp dạy học: Phương pháp là cách thức tương tác giữa giảng viên với sinh viên.

Đổi mới cách thức tổ chức hoạt động của học sinh sẽ dẫn đến nhiều hình thức học tập khác nhau trong đó kiểu dạy học truyền thụ thầy giảng trò nghe là một phương pháp. Phương pháp này cũng có mặt tích cực đó là có thể cung cấp kiến thức một cách chính xác và nhanh nhất tuy nhiên nó có mặt tiêu cực đó là sự thụ động và nhàm chán của sinh viên. Đổi mới phương pháp không phải là xóa bỏ hoàn toàn hình thức này mà là xen kẽ hình thức này với các hình thức dạy học khác. Hiện tại có nhiều hình thức dạy học mới giảng viên đã sử dụng:

- Dạy học thuyết trình.
- Dạy học nêu vấn đề nghiên cứu
- Dạy học theo nhóm.
- Dạy học tham quan thực tiễn.
- Dạy học theo tình huống
- Dạy học nghiên cứu

4. Kết hợp nhiều phương tiện : Phương tiện truyền thống đó là phấn trắng bảng đen hoặc công cụ khác. Phương tiện hiện đại không phải chỉ là những dụng cụ hiện đại mà có thể là những vật dụng trong cuộc sống hàng ngày đáp ứng được yêu cầu về mặt dạy học, các mô hình. Trong các vật này thì có máy vi tính, một trong cách sử dụng máy vi tính đó là dùng dưới dạng trình chiếu.

Mặt tích cực của việc trình chiếu:

- Nhanh, sạch, tiện dụng nếu có đủ phương tiện
- Có thể kết hợp với các mô phỏng.
- Lợi dụng đặc trưng về tâm lý của sinh viên, kích thích sự hứng thú, tò mò.

Mặt hạn chế:

- Thông tin vào quá nhanh dẫn đến sinh viên không kịp xử lý.

5. Đa dạng hóa kiểm tra đánh giá: Nếu đã đổi mới mục tiêu và nội dung thì ta cũng sẽ đánh giá theo mục tiêu và nội dung. Thay vì đánh giá sinh viên phải thuộc bài ta sẽ đánh giá sinh viên có thể đưa ra giả thuyết hay không, có thể tiến hành phương án tốt hay không hay là có khả năng quan sát, khả năng phân tích, khả năng báo cáo, thuyết trình, khả năng tổ chức nhóm...vv. Nâng cao chất lượng đề thi, đa dạng hóa hình thức đề thi.

*** a. Các cấp độ kiểm tra đánh giá**

- Dễ: áp dụng kiến thức
- Trung bình: có suy luận tổng hợp
- Khá: mức độ suy luận tương đối cao
- Khó: mức độ suy luận và tổng hợp cao
- Rất khó: mức độ suy luận và tổng hợp rất cao

*** b. Hình thức kiểm tra đánh giá**

- Tự luận
- Trắc nghiệm khách quan
- Tiểu luận
- Thảo luận nhóm
- Xử lý tình huống

- Lập kế hoạch thực hành
- Tham quan thực tế và báo cáo thu hoạch

*** c. Nội dung kiểm tra đánh giá**

- Kiến thức
- Kỹ năng
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm
- + Có trách nhiệm với công việc được giao, làm việc nghiêm túc, cẩn thận, chuẩn bị bài vở đầy đủ trước khi lên lớp.
- + Lịch sự, lễ phép với giảng viên, hòa đồng, giúp đỡ bạn bè, tích cực trả lời câu hỏi, xây dựng bài, nhiệt tình tham gia công việc nhóm.
- + Có tinh thần không ngừng học hỏi, tích cực tìm hiểu công việc bán hàng trong thực tế.
- + Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để sẵn sàng phục vụ khách hàng nhiệt tình và chu đáo.

*** d. Phương pháp kiểm tra đánh giá**

Điểm quá trình chiếm 40%, được đánh giá qua các hình thức như sau:

- + Kiểm diện, kiểm tra giao bài về nhà, phát biểu xây dựng bài, ý thức học tập.
- + Làm bài tập nhóm, thảo luận nhóm; kiểm tra trên lớp.
- + Làm tiểu luận:
- * Hình thức trình bày: kết cấu khoa học, văn phong trong sáng, mạch lạc, độ dài đúng quy định.
- * Nội dung: phải gắn với tên đề tài, giới thiệu về đơn vị kiến tập, phân tích hoạt động thực tiễn, nhận xét, đóng góp ý kiến cho đơn vị kiến tập.
- + Thuyết trình: chuẩn bị chu đáo, trình bày thuyết phục, thể hiện được kỹ năng, thái độ tôn trọng, tác phong nhanh nhẹn.

Điểm thi kết thúc môn học (Thi) chiếm 60%, trong đó:

- Thời gian 90 phút
- Tiêu chí đánh giá:
- + Nội dung: 90%
- + Hình thức: 10%

*** e. Yêu cầu biên soạn bài kiểm tra đánh giá**

- Hình thức trình bày của bài kiểm tra đánh giá đảm bảo các yêu cầu theo Quy định về biểu mẫu.
- Nội dung bài kiểm tra đánh giá bám sát đề cương chi tiết học phần.
- Nội dung bài kiểm tra đánh giá có tính hệ thống và phân bổ hợp lý trong các chương của học phần.
- Bài kiểm tra đánh giá đảm bảo độ chính xác, độ phân biệt và độ tin cậy.

- Bài kiểm tra đánh giá đáp ứng được các yêu cầu về đáp án, thang điểm và thời gian làm bài của thí sinh.
- Nội dung của đáp án đầy đủ, chi tiết, phù hợp và chính xác theo yêu cầu của bài kiểm tra đánh giá
- Lời văn, câu chữ bài kiểm tra đánh giá và trong đáp án rõ ràng, mạch lạc.

6. Hình thức dạy học

Hình thức dạy học truyền thống (trực tiếp) và dạy học trực tuyến

Dạy học trực tuyến là hình thức giáo dục online, giúp sinh viên có thể tiếp nhận thông tin dễ dàng, với các phương tiện như: điện thoại, máy tính hoặc máy tính bảng có kết nối Internet. Sinh viên có thể học tập tại nhà hay bất cứ đâu mà không cần phải tới trường học.

Mục tiêu của dạy học trực tuyến là hỗ trợ hoặc thay thế dạy học trực tiếp trên trường học, giảng đường nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy giúp sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo.

IV. NÂNG CAO VAI TRÒ CỐ VẤN HỌC TẬP

Cố vấn học tập giữ vai trò rất quan trọng trong việc gắn kết sinh viên với nhà trường.

Cùng với hình thức đào tạo theo tín chỉ ngày càng phổ biến ở các trường đại học và cao đẳng trong cả nước thì vai trò người giáo viên làm công tác cố vấn học tập (CVHT) đã hình thành đang ngày một cần thiết hơn. Cố vấn học tập là người tư vấn và hỗ trợ học sinh sinh viên (HSSV) phát huy tối đa khả năng học tập, lựa chọn học phần phù hợp để đáp ứng mục tiêu tốt nghiệp và khả năng tìm được việc làm thích hợp; theo dõi thành tích học tập của HSSV nhằm giúp HSSV điều chỉnh kịp thời hoặc đưa ra một lựa chọn đúng trong quá trình học tập. Có thể nói rằng CVHT có vai trò then chốt trong mối quan hệ nhà trường với HSSV giúp HSSV thành công trong học tập.

Cố vấn học tập – Giáo viên chủ nhiệm (GVCN) là một nhiệm vụ quan trọng nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo – quản lý học sinh sinh viên trong đào tạo tín chỉ. Với vai trò cố vấn, các CVHT là người định hướng, tư vấn, giám sát hoạt động học tập của HSSV, giúp cho HSSV nhận thức được tầm quan trọng của quy chế đào tạo, nhận thức chính xác các khái niệm của quy chế, hiểu được quy chế, chương trình đào tạo, phương pháp học tập từ đó chọn lựa được chương trình kế hoạch học tập phù hợp với sức học và hoàn cảnh cá nhân, tự tìm ra các biện pháp khắc phục các khó khăn xuất hiện khi mới bước vào các trường cao đẳng.

- Giải đáp thắc mắc của sinh viên trong nhiều lĩnh vực học tập.
- Trung tâm cung cấp và phản hồi thông tin với các Phòng, Khoa trong Nhà trường.
- Là Người thầy, Người thân gần gũi của sinh viên trong suốt quá trình học tập, thậm chí sau khi ra trường.
- Là niềm tin, là điểm tựa, là tinh thần của sinh viên.
- Tư vấn và định hướng quá trình học tập và lựa chọn nghề nghiệp của HSSV.
- Giám sát quá trình học tập và lựa chọn nghề nghiệp của HSSV.

– Tham mưu cho lãnh đạo trường, khoa và bộ môn các vấn đề liên quan đến công tác quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học và đào tạo theo nhu cầu xã hội.

* Xác định đúng vai trò, chức năng của giáo viên cố vấn học tập sẽ giúp xây dựng hệ thống các nhiệm vụ của người giáo viên CVHT phù hợp với bản chất của đào tạo theo học chế tín chỉ. Theo đó, giáo viên CVHT có những nhiệm vụ sau:

– Hướng dẫn HSSV nắm vững các quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT và các quy định về đào tạo của trường;

– Tư vấn cho HSSV về chương trình đào tạo: mục tiêu, nội dung,...; đồng thời, tư vấn cho sinh viên chọn ngành nghề phụ;

– Tư vấn cho HSSV cách thức xây dựng kế hoạch học tập cho toàn khóa học đảm bảo sự phù hợp với năng lực và hoàn cảnh của từng HSSV;

– Hướng dẫn HSSV đăng ký học phần ở từng học kỳ để hoàn thành kế hoạch học tập đã lập;

– Tư vấn cho HSSV về phương pháp học tập và nghiên cứu khoa học;

– Hướng dẫn cho HSSV tham gia các hoạt động học thuật, nghiên cứu khoa học;

– Tư vấn hướng nghiệp và việc làm cho HSSV;

– Giúp đỡ HSSV giải quyết những khó khăn trong học tập và nghiên cứu khoa học.

V. TỔNG KẾT

Công tác giảng dạy thể hiện qua việc thực hiện tốt mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện, cách đánh giá và hình thức dạy học. Công tác cố vấn học tập là thực hiện tốt vai trò gắn kết sinh viên với nhà trường. Nâng cao chất lượng dạy học và vai trò cố vấn học tập là một biện pháp nhằm giảm sinh viên bỏ học.

Tài liệu tham khảo:

1. Quy chế đào tạo của Trường Cao đẳng Công Thương TPHCM.
2. Chương trình đào tạo Trường Cao đẳng Công Thương TPHCM.
3. Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng trường đại học, 2016, Cục khảo thí và kiểm định chất lượng.
4. TS. Bùi Quang Xuân, Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo Đại học, Đại học Công nghệ Đồng Nai.
5. PGS.TS Lê Sỹ Trung, Một số giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo của Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên.
6. Ngô Thị Thu Dung, Mô hình tổ chức học theo nhóm trong giờ học trên lớp, tạp chí giáo dục.

7. Nguyễn Thị Hồng Nam, Tổ chức hoạt động hợp tác trong học tập theo hình thức thảo luận nhóm, ĐH cần Thơ
8. Nguyễn Thị Trang, nghiên cứu xây dựng tình huống học tập, ĐHSP Thái Nguyên, 2009
9. GS.TSKH Thái Duy Tuyên, ThS Bùi Hồng Thái, Dạy học tình huống và tình huống dạy học, thuvienkhoahoc.com
10. Lê Trường An, 2015, TPP và AEC cơ hội và những thách thức.
11. Thanh Nhung, 2016, Việt Nam tham gia TPP và AEC: vận hội mới trên vị thế mới.
12. Huy Quang, 2016, Nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế từ AEC và TPP.
13. Thùy Trang, 2015, AEC và TPP có hiệu lực.
14. <https://koolsoftlearning.com/day-hoc-truc-tuyen/>

GIẢI PHÁP NÂNG CAO TÍNH TÍCH CỰC HỌC TẬP CHO SINH VIÊN HỌC MÔN KINH TẾ VI MÔ TẠI KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH

Ths. Nguyễn Thị Bảo Nghi

Ths. Trương Ngọc Hảo

Tóm Tắt

Học phần kinh tế vi mô là môn học đòi hỏi sinh viên phải lĩnh hội một lượng kiến thức khá lớn và mới mẻ. Đồng thời, đặc thù của môn học có tính kế thừa, liên kết chuỗi các kiến thức giữa các bài học trong một chương, cũng như giữa chương sau với chương trước. Do đó sinh viên nếu không tích cực học tập để nắm được kiến thức của bài/chương này thì sẽ rất khó để tiếp thu kiến thức của bài/chương tiếp theo. Hệ quả là nếu không tích cực học tập thì sinh viên sẽ ngày càng cảm thấy chán nản môn học, và kết quả học tập sẽ không như mong đợi. Điều này phản ánh qua thực tiễn là tỷ lệ rớt của môn học này thường xuyên khá cao.

Để cải thiện tính tích cực học tập cho sinh viên học môn kinh tế vi mô thì việc tìm ra cách thức giải quyết những vướng mắc khó khăn trong môn học; giúp các em có thể giải tỏa những khó khăn và hứng thú hơn đối với môn học ngay từ đầu là rất quan trọng. Do vậy, mục tiêu của bài viết này là phân tích thực trạng tính tích cực học tập của sinh viên trong tình huống xem xét cách thức các em chủ động giải quyết những vướng mắc khó khăn trong suốt quá trình học môn kinh tế vi mô; từ đó đề xuất biện pháp giúp sinh viên có phương thức giải quyết các vấn đề gặp phải trong môn học một cách hiệu quả.

1. Giới thiệu

Sinh viên muốn lĩnh hội kiến thức khoa học để hình thành phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của mình thì nhất thiết phải học tập, học tập thật tốt ở nhà trường. Trong bất kỳ hoạt động nào; sự tích cực, say mê của con người đều góp phần quan trọng cho sự thành công. Trong hoạt động học tập, tính tích cực không chỉ là điều kiện để phát triển khả năng tư duy, tưởng tượng, năng lực sáng tạo, mà còn là điều kiện không thể thiếu để nắm vững tri thức, kỹ năng một cách hiệu quả.

Học phần kinh tế vi mô là môn học đòi hỏi người học phải có khả năng tiếp nhận khối lượng kiến thức lớn; người học cần phải có kỹ năng tư duy, tưởng tượng và hệ thống liên kết các kiến thức một cách logic và hiệu quả. Vì vậy, tính tích cực trong học tập đối với môn kinh tế vi mô có ý nghĩa rất quan trọng nhằm đảm bảo và nâng cao kết quả học tập của sinh viên. Nhằm góp phần nâng cao kết quả học tập của sinh viên, đồng thời tìm ra những phương thức giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận để giải quyết những vướng mắc trong quá trình học môn kinh tế vi mô. Bài viết sẽ phân tích tính tích cực học tập của sinh viên trong tình huống xem xét cách thức các em sẽ chủ động giải quyết những vướng mắc khó khăn

trong suốt quá trình học môn kinh tế vi mô tại nhà trường. Trên cơ sở đó, chúng tôi sẽ đưa ra một số giải pháp giúp sinh viên có thể chủ động hơn trong quá trình học môn học này.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Một số khái niệm về tính tích cực học tập

Qua các tài liệu nghiên cứu liên quan thì tính tích cực học tập được trình bày theo nhiều phương diện khác nhau. Theo Hà Thế Ngữ (1998), tính tích cực hoạt động của người học là sự ý thức được nhiệm vụ học tập từng môn, từng bài nói riêng thông qua việc học tập hăng say, nhiệt tình. Từ đó tự mình ra sức hoàn thành nhiệm vụ học tập, tự mình khắc phục khó khăn để nắm vững tri thức, kỹ năng mới và tri giác tài liệu một cách tự giác. Còn theo Thái Duy Tuyên (2001) thì tính tích cực học tập của sinh viên là tập hợp các hoạt động nhằm làm chuyển biến vị trí của người sinh viên từ đối tượng tiếp nhận tri thức sang chủ thể tìm kiếm tri thức để nâng cao hiệu quả học tập.

2.2. Cấu trúc tâm lý tính tích cực học tập

Tính tích cực học tập của sinh viên có cấu tạo tâm lý phức tạp với nhiều thành tố, được tạo nên bởi hai mặt cơ bản bao gồm: mặt động lực bên trong của tính tích cực học tập và mặt biểu hiện của tính tích cực học tập.

2.2.1. Mặt động lực bên trong của tính tích cực học tập

Mặt động lực bên trong của tính tích cực học tập là tổng hợp các yếu tố tâm lý tạo thành hệ thống động lực thúc đẩy sinh viên tích cực tiến hành các hành động học tập, quy định phương hướng, mục đích, cường độ hoạt động học tập của họ. Động lực học tập của sinh viên được hình thành từ nhiều yếu tố, trong đó nhu cầu, động cơ, hứng thú học tập là những yếu tố cơ bản nhất.

▪Nhu cầu học tập

Nhu cầu học tập là những đòi hỏi của sinh viên đối với sự lĩnh hội tri thức, kỹ năng, kỹ xảo nhằm hình thành và phát triển nhân cách của bản thân. Nhu cầu học tập có ý nghĩa quan trọng đối với hoạt động học tập của sinh viên, nó quy định chiều hướng, tính chất của hoạt động học tập, là động lực thúc đẩy sinh viên tích cực, tự giác hình thành thái độ học tập đúng đắn.

▪Động cơ học tập

Động cơ học tập là ý thức của sinh viên trở thành động lực bên trong thúc đẩy quá trình học tập, rèn luyện nhằm thỏa mãn nhu cầu học tập để phát triển và hoàn thiện nhân cách. Động cơ học tập là thành tố chủ yếu nhất của hoạt động học tập, tạo nên động lực thúc đẩy, lôi cuốn và kích thích người học tích cực hoạt động trong quá trình học tập. Động cơ học tập là nội dung tâm lý liên quan chặt chẽ đến thỏa mãn nhu cầu và hình thành thái độ học tập, luôn góp phần quyết định đến chất lượng học tập ở mỗi sinh viên.

▪Hứng thú học tập

Hứng thú học tập là thái độ đặc biệt của sinh viên đối với nội dung các môn học mà họ thấy có ý nghĩa trong cuộc sống, nghề nghiệp tương lai và có khả năng đem lại khoái cảm trong quá trình học tập. Hứng thú học tập là một dạng tình cảm đặc biệt có tác dụng nâng cao tính tích cực học tập, làm tăng hiệu quả hoạt động học tập của sinh viên.

2.2.2. Mặt biểu hiện của tính tích cực học tập

Mặt động lực bên trong của tính tích cực học tập được biểu hiện rõ trong quá trình sinh viên tiến hành hoạt động học tập. Trong đó, rõ nhất là trên các khía cạnh: nhận thức, thái độ, hành động và kết quả học tập.

▪ Nhận thức học tập

Trong quá trình học tập, sinh viên càng nhận thức sâu sắc bao nhiêu về hoạt động thì càng huy động được ở mức độ cao các chức năng tâm lý nhằm thực hiện hoạt động có hiệu quả. Tính tích cực học tập về mặt nhận thức của sinh viên được biểu hiện ở những khía cạnh như: nhận thức rõ mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ học tập; nhận thức rõ về tầm quan trọng, ý nghĩa của môn học trong cuộc sống cũng như trong chương trình đào tạo; nhận thức các điều kiện, phương tiện ảnh hưởng đến hoạt động học tập.

▪ Thái độ học tập

Tính tích cực học tập về mặt thái độ được biểu hiện ở những khía cạnh như: tự giác, chủ động, độc lập, sáng tạo trong học tập; tâm trạng háo hức, chờ đón các giờ học; nhiệt tình, say mê trong quá trình học tập; có nhu cầu và hứng thú khi thực hiện các nhiệm vụ học tập; có động cơ đúng đắn trong học tập và đối với môn học; thích thú với nhiều hình thức và phương pháp học tập; vui sướng, tự hào khi hoàn thành nhiệm vụ và đạt kết quả cao trong học tập; có ý thức phấn đấu khắc phục khó khăn, trở ngại để vươn lên trong học tập; coi trọng khâu đọc thêm các tài liệu, làm thêm các bài tập; vui vẻ hăng hái tham gia các hoạt động ngoại khóa, các câu lạc bộ chuyên ngành, các hội thi,... phục vụ cho việc nâng cao tri thức chuyên ngành và nghiệp vụ mà sinh viên đang theo đuổi; luôn đánh giá, điều khiển, điều chỉnh hành vi của bản thân phù hợp với yêu cầu học tập.

▪ Hành động học tập:

Tính tích cực học tập của sinh viên được biểu hiện rõ ở các hành động học tập cụ thể như: xây dựng kế hoạch học tập khoa học, hợp lý; xác định đúng đắn, có cơ sở khoa học khối lượng tri thức mà sinh viên phải thu nhận, số lượng thời gian dùng để thu nhận tri thức đó, các điều kiện khác về phương tiện, tài liệu học tập. Trên cơ sở đó, sinh viên xây dựng kế hoạch làm việc cho từng ngày, từng tuần, từng tháng, năm; tổ chức thực hiện kế hoạch có hiệu quả. Muốn vậy, sinh viên phải huy động được ở mức độ cao các chức năng tâm lý vào việc giải quyết các nhiệm vụ học tập có hiệu quả.

▪ Kết quả học tập

Tính tích cực học tập cuối cùng được biểu hiện trong kết quả học tập, nghiên cứu khoa học của từng sinh viên. Hay nói cách khác nơi thể hiện tập trung hai mặt bên trong và bên ngoài của tính tích cực học tập là kết quả học tập. Nó không chỉ thể hiện ở điểm số mà còn thể hiện ở mức độ lĩnh hội kiến thức, có thái độ đúng đắn, nắm vững các kỹ năng chúng vận dụng vào thực tiễn.

2.3. Phương pháp tiếp cận tính tích cực học tập của tác giả

Rõ ràng, cấu trúc tâm lý về tính tích cực học tập của sinh viên có cấu tạo phức tạp gồm nhiều thành tố cấu thành như: nhu cầu học tập, động cơ học tập, hứng thú học tập, nhận thức học tập, thái độ học tập, hành động học tập. Các thành tố này có mối liên hệ chặt chẽ, tác động qua lại lẫn nhau. Tuy nhiên, để có thể xem xét và nghiên cứu đến tất cả các thành phần trên thì chúng ta cần phải có một khoảng thời gian rất dài và nghiên cứu chuyên sâu để phân tích từng yếu tố và các tác động của nó.

Một trong những đặc trưng của môn học kinh tế vi mô đó là kiến thức của môn học luôn xuyên suốt, có mối liên hệ chặt chẽ và có sự thừa hưởng từ những kiến thức cũ khi bắt đầu một bài mới. Vì thế, môn học đòi hỏi sinh viên cần phải nắm vững chắc kiến thức từ đầu cho đến cuối. Nếu như vì một lý do nào đó mà sinh viên không nắm được kiến thức mình đang học thì chắc chắn rằng sinh viên sẽ rất khó có thể học tốt và theo kịp kiến thức ở những phần tiếp theo.

Đứng ở góc độ là người giảng dạy môn kinh tế vi mô, tác giả thường xuyên quan sát cách sinh viên thể hiện tính tích cực học tập của mình thông qua thái độ và hành động học tập, qua cách giải quyết những khó khăn, trắc trặc trong học tập bởi vì nếu gặp khó khăn mà các em không có cách giải quyết ngay thì chắc chắn các em sẽ rất khó có thể tiếp cận được những kiến thức ở bài học tiếp theo. Vì thế, các em rất dễ rơi vào trạng thái chán nản và không hứng thú với môn học. Vì vậy, bài viết này chỉ tập trung vào cách tiếp cận nghiên cứu tính tích cực học tập của các em thông qua các cách thức các em chủ động tìm hiểu, giải quyết những vướng mắc kiến thức trong quá trình học môn kinh tế vi mô. Từ đó, tác giả đưa ra những đề xuất để giúp các em có thể chủ động hơn trong suốt quá trình học môn kinh tế vi mô.

3. Kết quả nghiên cứu

Phiếu khảo sát về cách thức giải quyết các vướng mắc khó khăn khi học kinh tế vi mô đã gửi cho khoảng 350 sinh viên, và đã thu được 160 sinh viên phản hồi đầy đủ. Kết quả khảo sát thu được theo bảng sau:

Bảng 1. Phương án giải quyết những khó khăn khi học môn kinh tế vi mô

Các phương án	Hoàn toàn không	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên
---------------	-----------------	--------------	--------------	------------------

Độc lập tìm tòi để giải quyết vấn đề	4,4%	60,6%	31,3%	3,7%
Trao đổi với bạn bè	3,8%	40,6%	45,6%	10%
Nhờ thầy cô giúp đỡ	16,3%	61,3%	20%	2,5%
Độc sách, tìm tài liệu tham khảo để tìm ra cách giải quyết phù hợp	6,9%	55%	35%	3,1%
Chán nản và bỏ qua	50,6%	39,4%	9,4%	0,6%

Thứ nhất, có khoảng 77,6% sinh viên hoàn toàn không và thỉnh thoảng mới nhờ thầy cô giúp đỡ khi gặp vấn đề khó khăn. Chiếm tỷ lệ cao nhất trong số các phương án được đưa ra. Như vậy, chúng ta thấy vẫn có một khoảng cách rất lớn giữa sinh viên và giảng viên trong việc giải quyết những vướng mắc khó khăn của môn học. Nguyên nhân này có thể xuất phát từ nhiều khía cạnh:

✓ Một là lớp học có số lượng sinh viên đông, vì vậy thầy cô sẽ gặp nhiều khó khăn để có thể tương tác và gần gũi với tất cả các bạn sinh viên trong lớp. Việc quản lý quá trình học của sinh viên cũng trở nên khó khăn hơn đối với thầy cô giảng dạy ở một lớp với số lượng sinh viên nhiều.

✓ Hai là do tâm lý e dè của sinh viên. Nếu như lớp học đông nhưng sinh viên chịu khó chủ động tương tác với thầy cô khi gặp khó khăn thì mọi vấn đề đều có thể giải quyết. Tuy nhiên, sinh viên lại có tâm lý ngại ngùng và lo sợ nếu đề thầy cô biết được em đang gặp vấn đề khó khăn đối với môn học, thầy cô sẽ chú ý nhiều hơn, gọi làm bài và giao bài tập nhiều hơn. Vì vậy, các em sẽ bỏ qua phương án trao đổi với giảng viên khi gặp khó khăn.

Thứ hai, tỷ lệ sinh viên thường xuyên trao đổi với bạn bè khi gặp khó khăn trong môn học chiếm tỷ lệ cao nhất trong số các phương án. Rõ ràng, đối với các bạn sinh viên thì bạn bè sẽ gần gũi và dễ trao đổi hơn khi gặp những vấn đề khó khăn trong học tập. Điều này cũng rất dễ hiểu, tình bạn thì dễ gần gũi hơn, nó có thể gắn kết giúp các em cùng nhau chia sẻ những khó khăn, vướng mắc trong học tập cũng như trong cuộc sống.

Thứ ba, có khoảng 65,9% sinh viên hoàn toàn không và thỉnh thoảng mới tìm tài liệu tham khảo để giải quyết những khó khăn trong môn học. Con số này cũng phản ánh được những trở ngại trong việc giảng dạy môn học bởi vì môn kinh tế vi mô là môn học đòi hỏi các em phải đầu tư đọc và nghiên cứu rất nhiều. Nếu như có đọc báo, tìm tòi về các hiện tượng kinh tế thì các em mới có thắc mắc, tìm hiểu để có những động cơ và hứng thú trong việc học.

Thứ tư, có khoảng 48,8% sinh viên thỉnh thoảng và thường xuyên chán nản và bỏ qua các vướng mắc khó khăn đối với môn học. Đây là tỷ lệ rất đáng lo ngại bởi vì khi các em không thể nhờ được sự

hỗ trợ từ bạn bè, thầy cô, và dễ dàng bỏ qua để giải quyết vấn đề của môn học. Vì thế, các em đang rơi vào trạng thái chán nản với môn học và các em sẽ bỏ học.

4. Một số giải pháp đề xuất

Trước những thực trạng đã phân tích ở trên, tác giả có một số đề xuất nhằm tìm ra những cách thức giải quyết các vấn đề trong môn học kinh tế vi mô một cách hiệu quả hơn như sau:

Thứ nhất, cần phát huy tinh thần trợ giúp và hỗ trợ của bạn bè thông qua việc học nhóm. Thông qua nhóm của mình, sinh viên có vấn đề khó khăn trong môn học có thể dễ dàng trao đổi với bạn bè; cùng nhau giải quyết những vướng mắc. Nếu những vướng mắc mà nhóm không thể tự giải đáp hay vẫn chưa hiểu thấu đáo thì nhóm có thể cử đại diện hỏi/trao đổi với thầy cô để thầy cô hỗ trợ, hướng dẫn. Việc phát huy khả năng học nhóm sẽ giúp sinh viên có sự gần gũi, dễ dàng tâm sự, bộc bạch được những khó khăn của môn học; đồng thời giúp giảm bớt được áp lực cho giảng viên trong việc quản lý lớp (giảng viên có thể giảng dạy, quản lý và tương tác qua nhóm).

Thứ hai, để tạo động lực trong việc học, tăng tính tích cực học tập của sinh viên; giảng viên cần phải có những tình huống nghiên cứu thực tế, giao các nhóm đọc bài và nghiên cứu; giảng viên cần phải đặt ra những nguyên tắc và quy định buộc các bạn phải đọc và tìm hiểu giáo trình, bài giảng và các hiện tượng kinh tế. Đồng thời, trong bài giảng, giảng viên cần dẫn dụ các tình huống thực tế vào bài học, phân tích những tình huống này. Điều này giúp cho sinh viên cảm nhận được những ứng dụng của môn học, làm cho bài học sôi động và hấp dẫn hơn.

Thứ ba, tăng cường tính tự học, tự tìm tòi, nghiên cứu của sinh viên bằng cách giới thiệu cho các em các kênh học tập trên youtube, các tạp chí, báo điện tử liên quan đến môn học. Từ đó, giúp các em có nhiều kênh thông tin, kiến thức hơn để có thể tự giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc trong môn học.

Cuối cùng, một khi các em đã có đầy đủ các kênh học tập để có thể nghiên cứu, đồng thời các em có thể dễ dàng trao đổi hơn với nhóm, thầy cô, bạn bè. Điều này sẽ giúp các em tự tin hơn với môn học và dần sẽ cải thiện được tính tích cực trong học tập của các em.

5. Kết luận

Tính tích cực học tập của sinh viên sẽ được cải thiện nếu như các em có thể tìm ra những cách thức giải quyết các khó khăn vướng mắc ngay từ đầu. Thông qua khảo sát những sinh viên đã học và đang theo học môn kinh tế vi mô; bài viết đã chỉ ra một số thực trạng về các phương án giải quyết những vấn đề khó khăn của các em trong suốt quá trình học môn kinh tế vi mô.

Dựa trên những thực trạng đó, tác giả đã đưa ra một số giải pháp để khắc phục và cải thiện tính tích cực trong học tập của các em đối với môn kinh tế vi mô.

Cuối cùng, thông qua việc cải thiện được tính tích cực học tập của các em đối với môn kinh tế vi mô sẽ giúp các em có tinh thần và thái độ học tập thật tốt. Từ đó, các em có thể nâng cao được chất lượng học tập và đạt được kết quả học tập như mong muốn của mình.

TÀI LIỆU KHAM THẢO

1. Hoàng Thế Hải (2011), cấu trúc tâm lý về tính tích cực học tập của sinh viên, *Tạp chí khoa học xã hội nhân văn và giáo dục* 1, 96-101.
2. Trần Thu Hương (2007), tính tích cực học tập của sinh viên trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn, *Tạp chí tâm lý học* 10, 54-58.
3. Hà Thế Ngữ (1998), *giáo dục học*, Hà Nội: Nhà xuất bản giáo dục.
4. Thái Duy Tuyên (2001), *giáo dục hiện đại*, Hà Nội: Nhà xuất bản đại học quốc gia.

ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN KHOA QTKD HẬU COVID - 19

Bùi Thị Thanh Phụng

Giảng viên Khoa QTKD – Trường CĐ Công Thương TP.HCM

Tóm tắt

Sau thời gian giãn cách vì đại dịch Covid 19, giảng viên và sinh viên đã trở lại trường để học tập trực tiếp. Tuy nhiên việc học tập và tiếp thu kiến thức của sinh viên đã gặp một số khó khăn dẫn tới chất lượng học tập bị giảm sút. Bài nghiên cứu đã xem xét, đánh giá và tìm ra giải pháp cho tình trạng này.

Từ khóa: sinh viên, Covid -19, trực tiếp, chất lượng

1. Đặt vấn đề

Sau thời gian hơn 2 năm gián đoạn việc học tập cũng như thay đổi hình thức giảng dạy từ trực tiếp sang trực tuyến. Sinh viên khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công thương Tp. HCM đã trở lại học tập trực tiếp. Tuy nhiên để làm quen trở lại với hình thức học tập trực tiếp, cũng như ổn định tâm lý học tập cho sinh viên là một việc khó khăn. Điều này ảnh hưởng tới chất lượng tiếp thu bài giảng và kết quả học tập cuối học phần của sinh viên. Vấn đề này cần được nghiên cứu cụ thể và chi tiết. Từ đó tìm ra giải pháp để khắc phục nhằm nâng cao chất lượng học tập của sinh viên khoa QTKD trường Cao đẳng Công thương Tp. HCM.

2. Cơ sở lý thuyết và đánh giá thực trạng

2.1 Cơ sở lý thuyết

2.1.1 Tinh thần của sinh viên thời kỳ hậu covid-19

Đại dịch COVID-19 đã gây ra những tổn thất to lớn cho toàn nhân loại suốt 2 năm qua, cướp đi sinh mạng của hơn 4,5 triệu người, gây tổn thất nặng nề về kinh tế, xã hội..., cùng những nỗi đau vô hình không đong đếm nổi.

Định nghĩa về sức khỏe của Tổ chức Y tế thế giới: "Sức khỏe là trạng thái thoải mái toàn diện về thể chất, tinh thần và xã hội và không phải chỉ bao gồm tình trạng không có bệnh hay thương tật"

Vấn đề tinh thần có vai trò quan trọng trong khái niệm sức khỏe. Trong thời kỳ dịch bệnh COVID-19 dài đằng đẵng suốt 2 năm qua, mỗi ngày chúng ta đều thấy tràn ngập những con số đong đếm được như: Ca mắc, ca nặng, rồi tử vong, số người khỏi bệnh... Nhưng còn một thứ vô hình - những hậu quả gián tiếp của đại dịch thì không thể thống kê. Đó là stress, là những sang chấn tâm lý nặng nề, kéo dài, gây ra nhiều rối loạn tâm thần.

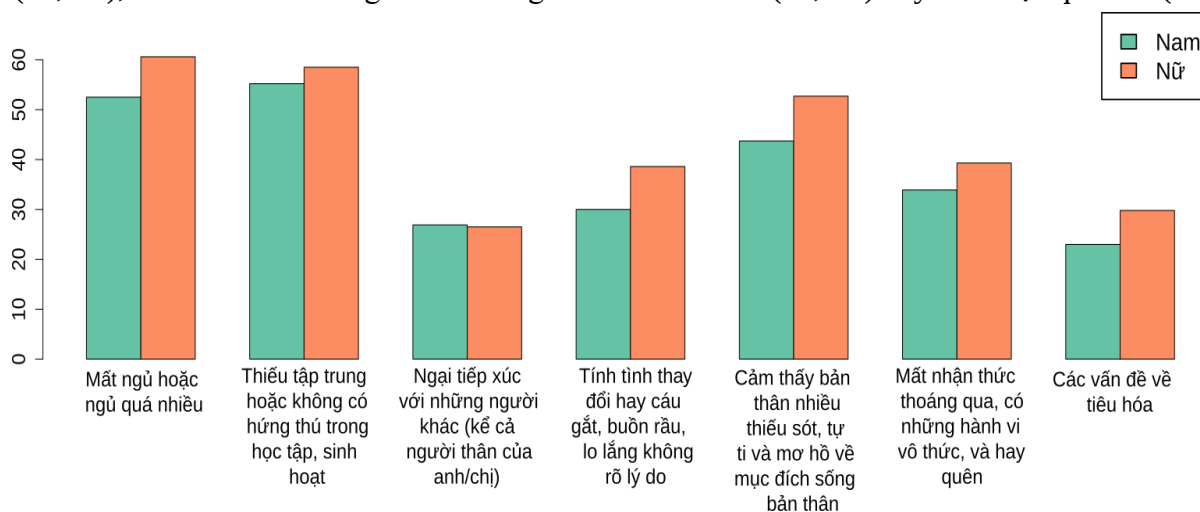
Theo Trung tâm Kiểm soát và phòng ngừa dịch bệnh Hoa Kỳ (CDC), COVID-19 khiến 63% người 18 - 24 tuổi lo âu hoặc trầm cảm, 25% số đó dùng chất kích thích nhiều hơn và khoảng 25% nghĩ đến việc tự tử.

Một khảo sát tại Bệnh viện hồi sức COVID-19 TP.HCM vào năm 2021 ghi nhận 53,3% bệnh nhân điều trị tại đây bị rối loạn lo âu, 20% trầm cảm và 16,7% stress. Đặc biệt, những ca từng thở HFNC (oxy lưu lượng cao), bệnh nhân từng thở oxy qua mặt nạ hoặc thở máy, tỉ lệ trầm cảm và tỉ lệ rối loạn lo âu lên tới 66,7%.

Từ khảo sát của Đại học Quốc gia Tp.HCM với 37.150 sinh viên. Trong đó có 17.969 nữ (48,4%) và 19.181 nam (51,6%). Kết quả khảo sát cho thấy, trong các áp lực tâm lý mà sinh viên phải chịu thì vấn đề áp lực học tập trực tuyến được ghi nhận cao nhất (65,1%). Sinh viên có xu hướng lo lắng về việc

này, cả vì lý do trang thiết bị và căng thẳng liên quan đến đại dịch, cả vì sự mất đi nề nếp của trường học cùng những khoản hỗ trợ chính thức hoặc không chính thức, cũng như đặc biệt lo lắng về sự an toàn khi phải sống trong môi trường, hoàn cảnh khó khăn hoặc nguy hiểm.

Ngoài ra, còn có áp lực tâm thần đáng kể khác lên sinh viên là: nỗi lo lắng khả năng đóng học phí (58,9%); có mâu thuẫn với gia đình trong vấn đề thấu hiểu (27,7%) hay làm việc quá sức (27,1%).



Sự khác biệt về đặc điểm sức khỏe tâm thần ở nam và nữ sinh viên.

Đồ họa: Nhóm Nghiên cứu đại học quốc gia Tp. HCM.

Khảo sát đã ghi nhận sự thiếu tập trung hoặc không có hứng thú trong học tập, sinh hoạt là vấn đề mà đa số các sinh viên mắc phải (chiếm 56,8%), bên cạnh mất ngủ hoặc ngủ quá nhiều (chiếm 56,2%). Đáng chú ý, 48% sinh viên được khảo sát thừa nhận đã cảm thấy bản thân nhiều thiếu sót, tự ti và mơ hồ về mục đích sống của bản thân trong thời gian dịch bệnh. Ngoài ra cũng xảy ra các vấn đề như mất nhận thức thoáng qua, có những hành vi vô thức, hay quên cũng như sự thay đổi tính tình trở nên cáu gắt, buồn rầu, lo lắng không rõ lý do, tương ứng là 36,5% và 35,7%. Vấn đề ngại tiếp xúc với người khác (kể cả người thân) cũng tồn tại trong 26,7% sinh viên được khảo sát bên cạnh các vấn đề về tiêu hóa chiếm 26,3%.

Từ số liệu thu được, cuộc khảo sát đã cho thấy rối loạn giấc ngủ và thiếu định hướng trong học tập và cuộc sống chính là vấn đề phổ biến ở một bộ phận sinh viên ĐHQG-HCM trong thời gian dịch bệnh bên cạnh những vấn đề về hành vi và sức khỏe khác.

2.1.2. Những ảnh hưởng của dịch bệnh tới quá trình học tập của sinh viên trong thời kỳ Covid-19

Về học tập, chất lượng dạy học trực tuyến là một trong những điều sinh viên quan tâm nhất. Một số khó khăn khi tham gia lớp học trực tuyến là chất lượng đường truyền không ổn định, trực trực thiết bị nghe nhìn trên máy tính; vấn đề tương tác với giảng viên và thành viên trong lớp; và tâm lý mệt mỏi, “bão hòa” khi học tập trước màn hình thiết bị điện tử quá lâu trong nhiều ngày. Việc này vừa ảnh hưởng đến sức khỏe và khả năng tiếp thu kiến thức của sinh viên, vừa tác động đến sức khỏe tinh thần khi không thể trò chuyện trực tiếp với bạn bè như khi học tại lớp.

Trước tình hình phức tạp và căng thẳng của dịch bệnh, nhiều trường đại học, cao đẳng cũng như các trung tâm nghiên cứu đã tạm ngừng việc cho sinh viên đến trường và tham gia thực hiện đề tài. Điều này ảnh hưởng rất nhiều đến cơ hội thực hành và giao tiếp trực tiếp của sinh viên. Bởi lẽ, đối với một số ngành và định hướng nghiên cứu, đặc biệt về lĩnh vực khoa học tự nhiên, yêu cầu thực hành và thu thập số liệu tại phòng thí nghiệm để nâng cao năng lực thực tiễn của người học là nhu cầu chính đáng. Sinh viên không chỉ gặp khó khăn khi tạm ngừng lớp học thực hành, mà một số trường hợp đang thực tập, làm luận văn tốt nghiệp hoặc tham gia đề tài cũng không thể tiếp tục triển khai đến khi tình hình dịch bệnh ổn định, điều này làm thay đổi kế hoạch học tập và định hướng tương lai.

COVID-19 còn tác động đến cơ hội nghề nghiệp của mỗi sinh viên, đặc biệt là sinh viên sắp tốt nghiệp. Dịch bệnh làm nhiều đơn vị, doanh nghiệp đóng cửa ngừng hoạt động hoặc cắt giảm nhân sự, nên nhu cầu tuyển dụng không còn nhiều và đa dạng như trước, dẫn đến nỗi lo không có cơ hội việc làm và thất nghiệp. Dịch bệnh cũng ảnh hưởng ít nhiều đến việc làm thêm của một số sinh viên, nhất là các sinh viên xa nhà, dẫn đến những mối lo trong sinh hoạt và chi tiêu hằng ngày. Hơn thế nữa, vì nhu cầu việc làm để trang trải cuộc sống mà có sinh viên đã trở thành nạn nhân của lừa đảo tiền và sức lao động.

Với những khó khăn trên đã tác động rất lớn tới tâm lý và khả năng học tập của sinh viên sau khi trở lại học tập tại trường.

2.2 Thực trạng kết quả học tập của sinh viên khoa QTKD sau khi trở lại trường học

Nhìn chung chất lượng học tập của sinh viên sau đại dịch covid có chiều hướng giảm sút.

Thời gian đầu khi mới học trực tuyến tỉ lệ sinh viên mắc covid và nghỉ học chiếm tới 10-20% sĩ số lớp. Trung bình mỗi sinh viên phải nghỉ học để cách ly 8-10 ngày. Điều này ảnh hưởng tới việc tiếp thu kiến thức của sinh viên.

Bên cạnh khó khăn về sức khỏe, sinh viên gặp khó khăn về mặt tinh thần khi thay đổi thói quen học online vốn hình thành qua hơn 1 năm đại dịch. Vì vậy tinh thần học tập, sự linh hoạt, chủ động cũng được đánh giá giảm sút so với trước khi học online.

Hình thức đánh giá kết thúc học phần bằng hình thức thi offline cũng là một yếu tố tác động tới sinh viên khi trước đó sinh viên đã số thực hiện việc đánh giá kết thúc học phần bằng hình thức thi trắc nghiệm trên máy tính hoặc làm bài tiểu luận.

Những yếu tố trên đã ảnh hưởng rất lớn tới kết quả học tập của sinh viên. Cụ thể: khi so sánh kết quả học tập cuối học phần của 400 sinh viên khoa QTKD (trong đó kết quả học tập môn Giao dịch thương mại quốc tế của 200 sinh viên trước khi học online là 6.5 và 200 sinh viên cùng học môn này sau giai đoạn học online điểm trung bình chỉ còn 5.8 điểm). Có thể thấy điểm trung bình môn học của các sinh viên đã giảm 0.7 điểm. Tỉ lệ sinh viên có điểm học phần dưới 5 điểm tăng lên đáng kể.

3. GIẢI PHÁP VÀ KẾT LUẬN

3.1 Một số giải pháp hỗ trợ sinh viên

Để nâng cao chất lượng đào tạo cho sinh viên trong giai đoạn hậu covid cần có sự hỗ trợ của nhà trường, khoa Quản trị kinh doanh, thầy cô CVHT, thầy cô giảng viên đứng lớp và bản thân sinh viên.

Về phía nhà trường, cần tuyên truyền tới đội ngũ giảng viên, công nhân viên về ảnh hưởng của dịch bệnh covid 19 tới tâm lý và sức khỏe của sinh viên. Tích cực tổ chức các chương trình hoạt động tập thể để sinh viên sớm hòa nhập lại với môi trường sau thời gian gián đoạn vì đại dịch. Tổ chức tư vấn y tế, khám sức khỏe cho sinh viên hậu covid nhằm giúp các em yên tâm học tập và rèn luyện.

Về phía khoa Quản trị kinh doanh, tích cực động viên giảng viên quản lý quan tâm tới sinh viên. Phát hiện kịp thời những khó khăn và hỗ trợ sinh viên sau khi cách ly trở lại học.

Về phía thầy cô cố vấn học tập (CVHT) và giảng viên đứng lớp cần quan tâm sâu sát hơn tới sinh viên, giúp các bạn chia sẻ được những vấn đề tâm lý cũng như sức khỏe. Trong quá trình giảng dạy, giảng viên cần quan sát đánh giá kiến thức của sinh viên. Kịp thời hỗ trợ hoặc hướng dẫn sinh viên tự tìm tòi để bổ sung những kiến thức chưa kịp tích lũy do quá trình học tập trực tuyến của sinh viên chưa hiệu quả. CVHT cần tuyên truyền xác định tư tưởng cho sinh viên ngay từ đầu kì học về hình thức đánh giá offline, hỗ trợ sinh viên lên kế hoạch cho bản thân trong việc học tập, sinh hoạt và chuẩn bị thi kết thúc học phần.

Lồng ghép giáo dục sức khỏe vào các môn học khác - Các môn Khoa học có thể giới thiệu nghiên cứu về virus, sự lây lan của bệnh và tầm quan trọng của vắc xin - Nghiên cứu xã hội có thể tập trung vào lịch sử các đại dịch và tác động gián tiếp của đại dịch, đồng thời tìm hiểu việc các chính sách công thúc đẩy sự bao dung và gắn kết xã hội như thế nào. • Để học sinh tự làm các Thông báo về Dịch vụ công qua các phương tiện truyền thông xã hội, đài phát thanh hoặc thậm chí là chương trình truyền hình địa

phương - Các bài học về kiến thức truyền thông có thể trao quyền cho học sinh trở thành những nhà tư tưởng và nhà sản xuất quan trọng, những người giao tiếp hiệu quả và những công dân tích cực.

Về phía sinh viên. Hơn ai hết, sinh viên cần xây dựng cho mình một động cơ học tập mạnh mẽ. Lên kế hoạch công việc cho bản thân để kịp thời nắm bắt kiến thức theo phương pháp học tập offline. Bên cạnh đó, sinh viên cũng cần tích cực tham gia các hoạt động do khoa và nhà trường tổ chức để tăng tính tương tác trong cuộc sống tiến tới hòa nhập với môi trường mới sau đại dịch.

3.2 Kết luận

Đại dịch Covid-19 đã tạm lắng nhưng hậu quả của nó vẫn còn lại với toàn nhân loại. Sinh viên khoa QTKD trường Cao đẳng Công thương Tp. HCM cũng không nằm ngoài sự ảnh hưởng đó. Tuy nhiên với sức trẻ, sự năng động cùng với hàng loạt các biện pháp hỗ trợ giúp đỡ từ phía nhà trường, khoa QTKD và đội ngũ giảng viên, các bạn sinh viên đang dần lấy lại thói quen học tập, tinh thần phấn chấn để chuẩn bị bước vào đợt thi thứ 2 của học kỳ 2 năm học 2021-2022.

Tài liệu tham khảo

1. Thông điệp chính và Hành động ứng phó nhằm ngăn ngừa và kiểm soát dịch bệnh COVID-19 trong trường học. Unicef Tháng 3 - 2020
2. CV số 3734 /BGDDT-GDCTHSSV Bộ giáo dục và đào tạo
3. Bộ Y tế (2021). Bản tin về tình hình diễn biến dịch COVID-19. Truy cập ngày 1/6/2022 tại: <https://ncov.moh.gov.vn/>
4. Nguyễn, T.T., Nguyễn, T.T.B. (2020). Các yếu tố ảnh hưởng đến stress, lo âu, trầm cảm của sinh viên năm cuối ngành Dược tại Đồng Nai. Tạp chí Khoa học và Công nghệ – Đại học Đà Nẵng, 18(10), 10-13. Vo, P. (2021).
5. Sức khỏe tinh thần tại Việt Nam trong thời kì Covid-19. Trần Anh Quân, Nguyễn Như Quỳnh, Nguyễn Thị Ngọc Huyền (2021)

BÀN VỀ THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐÀO TẠO THEO CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC PHÁP LUẬT TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

Tân Hiếu Nghĩa

1. Đặt vấn đề

Trong hoạt động đào tạo thì 2 yếu tố vô cùng quan trọng là chương trình môn học và tài liệu giảng dạy. Chương trình môn học xác định mục tiêu và nội dung cùng với phương pháp để đạt được những mục tiêu đó, còn tài liệu giảng dạy là hình thức biểu hiện của chương trình môn học. Vì vậy, muốn nâng cao hiệu quả đào tạo thì cả 2 yếu tố trên cần hợp lý về nội dung và chính chu về hình thức.

Chương trình đào tạo chứa đựng mối liên hệ biện chứng giữa mục tiêu, nội dung và phương pháp đào tạo, đồng thời phải đảm bảo yêu cầu mang lại kỹ năng, kiến thức và xa hơn là những lý tưởng, sự thích nghi cho người học. Tùy mục tiêu đào tạo mà khía cạnh nào được nhấn mạnh. Đó chính là lý do về sự đa dạng của chương trình đào tạo. Các chương trình với các khóa học cụ thể là cơ sở đảm bảo cho sự “cạnh tranh” trong giáo dục đại học.

Một chương trình đào tạo tốt có thể cung cấp động lực để việc giảng dạy và học tập được hiệu quả hơn. Ngược lại, chương trình đào tạo không phù hợp có thể tạo ra những cản trở và ràng buộc khả năng sáng tạo và phát triển của người dạy và người học.

Tài liệu môn học không chỉ phục vụ cho việc giảng dạy và học tập mà còn là một trong những nguồn tài liệu tham khảo cần thiết cho các hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên lẫn học viên trên cùng lĩnh vực liên quan.

2. THỰC TRẠNG VIỆC HỌC MÔN PHÁP LUẬT TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

Từ năm 2018 đến nay môn Pháp Luật tại trường Cao đẳng Công Thương thực hiện theo chương trình đào tạo do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành với nội dung và cấu trúc như sau:

TT	Tên chương/ bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật	2	1	1	
2	Bài 2: Hiến pháp	2	1	1	
3	Bài 3: Pháp luật dân sự	5	3	2	
4	Bài 4: Pháp luật lao động	7	5	2	
5	Bài 5: Pháp luật hành chính	4	3	1	
6	Bài 6: Pháp luật hình sự	5	3	2	

TT	Tên chương/ bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ bài tập	Kiểm tra
7	Bài 7: Pháp luật phòng, chống tham nhũng	2	1	1	
8	Bài 8: Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	1	1	0	
9	Kiểm tra	2			2
	Cộng	30	18	10	2

Từ chương trình này, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cũng đã biên soạn Tài liệu dạy học môn Pháp luật trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng gồm có 8 bài (Kèm theo Công văn số 147/TCGDNN-ĐTCQ ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp), làm tài liệu giảng dạy chính thức môn học này tại tất cả các trường cao đẳng trong đó có trường Cao đẳng Công thương thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, theo góc nhìn của tác giả bài viết này thì chương trình đào tạo trên không thật hợp lý còn tài liệu dạy học thì quá nhiều sai sót cụ thể như sau:

- Về chương trình đào tạo: chương trình môn học này không có nội dung nào về các luật tố tụng, điều này là hạn chế đáng kể về kiến thức làm hành trang để sinh viên tham gia các quan hệ xã hội sau này. Khi đối diện với các vấn đề tư pháp thì dù chủ động (đi kiện) hay bị động (bị kiện) thì mỗi người dân đều cần kiến thức căn bản về trình tự, thủ tục và thẩm quyền của cơ quan tiến hành, cần biết về quyền và nghĩa vụ của từng vai trò tham gia tố tụng để chủ động và có giải pháp xử sự đúng. Lượng kiến thức này thuộc hoàn toàn trong các luật tố tụng. Thực tế hiện nay nhiều sinh viên không phân biệt được đâu là vụ án hình sự, đâu là vụ án dân sự, vụ án hành chính, và mơ hồ về nghĩa các thuật ngữ tố tụng rất phổ biến như bị can, bị cáo, nguyên đơn, bị đơn..., đồng thời cũng không biết được thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng, không biết trình tự, thủ tục thực hiện nên khi phát sinh tranh chấp các bạn không biết phải nộp đơn ở đâu và mình có quyền và nghĩa vụ gì. Từ đó có thể dẫn đến những giải pháp xử sự bất lợi cho bản thân, gia đình và tổ chức. Càng ngày các quan hệ xã hội càng hiện đại và phức tạp thì bất cứ ai cũng có thể trở thành chủ thể của những tranh chấp (thậm chí thường xuyên gặp phải) thì theo tôi lượng kiến thức từ các luật tố tụng là vô cùng cần thiết.

- Về tài liệu giảng dạy: tài liệu chính là quyển “tài liệu dạy học môn Pháp Luật trong chương trình đào tạo cao đẳng” do Tổng cục giáo dục nghề nghiệp biên soạn thì quá nhiều lỗi. Bao gồm cả lỗi về kỹ thuật (do đánh máy, in ấn) và cả lỗi về kiến thức tiêu biểu như sau:

* Mục a trang 25 có câu “- *Quyền sống và tự do thân thể:*” chính xác phải là thân thể

* Mục quyền con người ở trang 24 như sau “Quyền con người trong Hiến pháp 2013 gồm: Bình đẳng trước pháp luật (Điều 16); quyền không thể bị trục xuất, giao nộp cho nhà nước khác (khoản 2, Điều 17);” đưa quyền không thể bị trục xuất, giao nộp cho nhà nước khác vào mục quyền con người là sai, vì đây là quyền công dân.

* Mục a trang 25

“a) Các quyền cơ bản của công dân

- Quyền sống và tự do thân thể: Công dân có quyền sống; Được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; Việc bắt, giam, giữ người phải do luật định; Hiến mô, bộ phận cơ thể người và hiến xác theo quy định của luật. (Điều 19, 20, Hiến pháp 2013);

- Quyền tự do nhân thân: Quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở; quyền tự do đi lại và cư trú (Điều 21, 22, 23, Hiến pháp 2013);

- Quyền về dân chủ: Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình theo quy định của pháp luật (Điều 24, 25, Hiến pháp 2013);”

Xác định những quyền trên là quyền cơ bản của công dân là sai vì hầu hết các quyền đó là quyền con người.

* Trang 26 có các mục sau:

“- Quyền kinh tế: Mọi người có quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, phần vốn góp trong doanh nghiệp hoặc trong các tổ chức kinh tế khác; Quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm (Điều 32, 33, Hiến pháp 2013).

- Quyền xã hội: Quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc; Quyền kết hôn, ly hôn; Trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục; Mọi người có quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, bình đẳng trong việc sử dụng các dịch vụ y tế (Điều 34 đến Điều 38, Hiến pháp 2013).

- Quyền văn hóa: Công dân có quyền học tập; quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật; Quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hoá, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa; Quyền xác định dân tộc của mình, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp; Quyền được sống trong môi trường trong lành (Điều 39 đến Điều 43, Hiến pháp 2013)”.

Không thể gọi các tên là “quyền kinh tế”, “quyền xã hội”, “quyền văn hóa” mà phải là “ các quyền về kinh tế”, “các quyền về xã hội”, “các quyền về văn hóa”... vì đây là các nhóm quyền chứ không phải quyền.

* Mục b trang 26 như sau:

“b) Nghĩa vụ công dân

- Nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc (Điều 44, Hiến pháp 2013) và khẳng định “Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của công dân” (Khoản 1, Điều 45);
- Nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng quốc phòng toàn dân (Khoản 2, Điều 45);
- Nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật; Tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng (Điều 46);
- Nghĩa vụ học tập (Điều 39);
- Nghĩa vụ bảo vệ môi trường (Điều 43);
- Nghĩa vụ nộp thuế theo luật định (Điều 47).”

Trình bày như vậy để làm người đọc nhầm tưởng các nghĩa vụ tuân thủ hiến pháp và pháp luật, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, nghĩa vụ nộp thuế... là nghĩa vụ công dân, tức chỉ bắt buộc cho người mang quốc tịch Việt Nam, trong khi những nghĩa vụ đó bắt buộc với cả người nước ngoài sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam.

*Trang 76, mục 2.2.2 hình phạt bổ sung trình bày như sau:

“Theo Điều 32, Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, hình phạt bổ sung đối với người phạm tội gồm có:

- Cấm đảm nhiệm những chức vụ, làm những nghề hoặc công việc nhất định;
- Cấm cư trú;
- Quản chế;
- Tước một số quyền công dân;
- Tịch thu tài sản;
- Phạt tiền và trục xuất (khi không áp dụng hình phạt chính).”

Đây là cách diễn đạt sai. Khoản 2 điều 32 BLHS 2017 quy định có 7 hình phạt bổ sung áp dụng cho người phạm tội. Tài liệu thể hiện 6 mục liệt kê trên có nghĩa là chỉ có 6 hình phạt bổ sung, trong khi “phạt tiền” và “trục xuất” là 2 hình phạt độc lập. Bên cạnh đó, việc trình bày “- Phạt tiền và trục xuất (khi không áp dụng hình phạt chính).” cũng sai. Vì như vậy có nghĩa là 2 hình phạt này chỉ được quyết định khi không có hình phạt chính. Nhưng 2 hình phạt trên thuộc nhóm hình phạt bổ sung, chỉ được quyết định sau khi có ít nhất là 1 hình phạt chính. Bộ luật hình sự thể hiện rất chính xác 2 hình phạt trên như sau:

- “e) Phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính;
- g) Trục xuất, khi không áp dụng là hình phạt chính.”

* Trang 79 tài liệu dẫn các hành vi tham nhũng bị luật xác định là tội phạm như sau:

- “- Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi (Điều 358).
- Tội giả mạo trong công tác (Điều 358).”

Chính xác thì tội giả mạo trong công tác được BLHS 2017 quy định ở điều 359.

Đây là tài liệu giảng dạy chính thức, là giáo trình nhưng lại có quá nhiều lỗi. Điều này gây rất nhiều khó khăn cho sinh viên trong việc tiếp cận kiến thức. Trong quá trình giảng dạy các giảng viên đã cố gắng hiệu chỉnh phần lớn những lỗi trên. Tuy nhiên không đảm bảo tất cả sinh viên đều lĩnh hội được hết, nhất là học chế tín chỉ thì thời gian tự học nhiều hơn, việc ghi chép ít hơn, khi đó các em ôn thi sẽ dựa chủ yếu theo tài liệu giảng dạy chính thức.

3. GIẢI PHÁP

Từ thực trạng trên, tác giả bài viết xin đề xuất những giải pháp sau:

1)Điều chỉnh chương trình môn học theo hướng đưa vào luật Tổ tụng dân sự và luật Tổ tụng hình sự. Vì phạm vi điều chỉnh của 2 ngành luật trên rộng khắp các quan hệ xã hội, lượng kiến thức tổ tụng không những giúp các chủ thể tham gia các vụ án biết cách xử sự đúng mà còn giúp mỗi người nhận thức chính xác các vụ án khác trên các phương tiện truyền thông.

2)Điều chỉnh chương trình môn học theo hướng cắt đi luật Phòng chống tham nhũng và luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Vì phải bổ sung vào 2 luật trên mà thời gian nghiên cứu thì không thể thay đổi. Dù không có lượng kiến thức nào là thừa, tuy nhiên với thời lượng hữu hạn thì cần tập trung cho nội dung cần thiết hơn. So với 2 luật tổ tụng trên thì 2 luật này phạm vi điều chỉnh hẹp hơn, giá trị ứng dụng thấp hơn.

3)Kiến nghị Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội biên soạn mới tài liệu dạy học môn Pháp Luật, vì ngoài những lỗi trên thì nội dung pháp luật lao động ở bài 4 không còn chính xác nữa do luật Lao động đã thay đổi vào năm 2019, trong khi tài liệu dùng nguồn từ luật Lao động 2012.

4. KẾT LUẬN

Để nâng cao chất lượng đào tạo cần trang bị kiến thức tốt và chính xác cho sinh viên. Tài liệu học tập phải là nguồn tra cứu tin cậy cho người học. Việc thể hiện giáo trình quá nhiều lỗi không những hạn chế quá trình lĩnh hội về kiến thức mà còn gây hoài nghi cho người học về năng lực của cơ quan biên soạn, kiểm định. Bên cạnh đó theo tiêu chí giáo dục nghề nghiệp cần ưu tiên lượng kiến thức có tính ứng dụng cao hơn nên rất mong các cơ quan chuyên môn có thẩm quyền cân nhắc những đề xuất trên./.

Tài liệu tham khảo

<https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/dao-cao-truc-tuyen-trong-cac-truong-dai-hoc-o-viet-nam-hien-nay-thuc-trang-va-giai-phap-nang-cao-chat-luong-75924.htm>

<https://www.ueh.edu.vn/khoa-hoc/chuyen-gia-ueh-kinh-nghiem-trien-khai-day-hoc-truc-tuyen-hieu-qua-572>

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NÂNG CAO Ý THỨC VÀ HIỆU QUẢ TỰ HỌC CHO SINH VIÊN KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH, TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lê Thanh Hải- Khoa QTKD

Tóm tắt

1. Đặt vấn đề

Nâng cao chất lượng dạy và học hiện nay đã và đang là vấn đề được quan tâm hàng đầu tại các trường đại học và cao đẳng nói chung, trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) cũng không là ngoại lệ. Để thực hiện đổi mới hiệu quả phương pháp dạy và học, phù hợp với phương pháp đào tạo theo tín chỉ thì vấn đề tự học của sinh viên là thật sự cần thiết. Việc tự học của sinh viên đóng vai trò rất quan trọng, là yếu tố trực tiếp giúp nâng cao chất lượng đào tạo tại các trường đại học, cao đẳng. Bên cạnh đó, việc tự học của sinh viên còn góp phần nâng cao hoạt động trí tuệ trong việc chủ động tiếp nhận tri thức mới, qua đó giúp sinh viên nâng cao tính tự chủ suy nghĩ, tính sáng tạo; độc lập giải quyết các vấn đề khó khăn trong quá trình tự học cũng như pháp huy năng lực vốn có của bản thân sinh viên.

Hiệu quả của quá trình dạy và học là sự tương tác tư duy, hành động và lời nói giữa giảng viên và sinh viên. Theo bản chất của lý luận dạy và học, tự học của sinh viên bao gồm toàn bộ môi trường được tổ chức bởi giảng viên với mục tiêu hướng đến tự đào tạo cho người học. Để vấn đề tự học của sinh viên hiệu quả thì nhà trường, giảng viên và bản thân mỗi sinh viên đóng vai trò vô cùng quan trọng.

Vấn đề tự học là hình thức học tập không thể thiếu đối với sinh viên đang học tập tại các trường đại học, cao đẳng. Tổ chức hoạt động tự học một các khoa học, hiệu quả là trách nhiệm không chỉ người học mà còn là sự nghiệp đào tạo của phía nhà trường

2. Nội dung

Đặc điểm của hoạt động tự học trong phương thức đào tạo tín chỉ

Hoạt động tự học của sinh viên là một hoạt động không thể thiếu và đóng một vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình học tập ở bậc đại học. Tuy nhiên, trong các phương thức đào tạo khác nhau, hoạt động này lại có những nét đặc thù riêng.

Trước hết, trong phương thức đào tạo theo tín chỉ sinh viên có nhiệm vụ và quyền được lựa chọn môn học, thời gian học, tiến trình học tập nhanh, chậm phù hợp với điều kiện của mình. Phương thức này tạo cho sinh viên năng lực chủ động trong việc lập kế hoạch học tập khoa học, xác định thời gian, phương tiện, biện pháp để thực hiện các mục tiêu đề ra trong kế hoạch học tập đó. Khi đó người sinh viên phải ý thức xây dựng kế hoạch tự học, tự nghiên cứu sao cho quá trình học tập hiệu quả nhất.

Thứ hai, hình thức tổ chức dạy học trong phương thức tín chỉ qui định hoạt động tự học của sinh viên như là một thành phần bắt buộc trong thời khóa biểu và là một nội dung quan trọng của đánh giá kết quả học tập. Hoạt động dạy - học theo tín chỉ được tổ chức theo ba hình thức: lên lớp, thực hành và tự học. Để học được 1 giờ lý thuyết hay 2 giờ thực hành, thực tập trên lớp sinh viên cần phải có 2 hay 1 giờ chuẩn bị ở nhà. Đó là yêu cầu bắt buộc trong cơ cấu giờ học của sinh viên.

Thứ ba, nội dung một bài giảng trong hệ thống tín chỉ thường gồm 3 thành phần chính:

- Phần nội dung bắt buộc phải biết (N1) được giảng trực tiếp trên lớp.
- Phần nội dung nên biết (N2) có thể không được giảng trực tiếp trên lớp mà giảng viên có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể sinh viên tự học, tự nghiên cứu ở ngoài lớp.

Phần nội dung có thể biết (N3) dành riêng cho tự học, chuẩn bị bài, làm bài tập, thảo luận nhóm, làm thí nghiệm... và các hoạt động khác có liên quan đến môn học.

Như vậy, kiến thức của mỗi môn học được phát triển thông qua những tìm tòi của người học dưới sự hướng dẫn, giúp đỡ của giảng viên. Nếu sinh viên không tự học thì họ mới chỉ lĩnh hội được 1/3 khối lượng kiến thức của môn học và như vậy đồng nghĩa với việc họ không đạt được yêu cầu của môn học đó. Trên cơ sở động cơ và thái độ học tập đúng đắn, tích cực người học cần lập kế hoạch học tập và xác định/áp dụng được những phương pháp học tập hiệu quả.

Thực trạng hoạt động tự học của sinh viên Khoa Quản trị Kinh doanh, Trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM

Để tìm hiểu về thực trạng hoạt động tự học của sinh viên Khoa Quản trị Kinh doanh, Trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM, tháng 5/2022, tác giả đã thực hiện khảo sát 124 sinh viên từ năm thứ nhất tới năm thứ ba của Khoa, bằng hình thức quan sát, phát phiếu điều tra và kết quả thu được như sau:

2.2.1 Về nhận thức của sinh viên đối với vai trò của hoạt động tự học

Bảng 1. Nhận thức của sinh viên với vai trò của hoạt động tự học

Mức độ cần thiết Số lượng	Rất cần thiết	Cần thiết	Bình thường	Không cần thiết
Số lượng	98	24	2	0
Tỉ lệ	79,0%	19,4%	1,6%	0%

Số liệu ở *bảng 1* cho thấy, sinh viên đã có nhận thức về vai trò và tầm quan trọng của hoạt động tự học đối với quá trình học tập. Phần lớn sinh viên đều nhận thấy rằng tự học là hoạt động cần thiết cho quá trình học tập của mỗi cá nhân. Có 79,0% sinh viên nhận thức hoạt động tự học là rất cần thiết cho quá trình học tập; 19,4% số sinh viên nhận thấy hoạt động tự học là cần thiết. Như vậy, có tới 98,4% sinh viên đã nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động tự học và vai trò của quá trình tự học với hoạt động học tập. Nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động tự học giúp sinh viên nâng cao tinh thần tự giác, chủ động học tập và tăng cường rèn luyện các kỹ năng tự học nhằm nâng cao hiệu quả học tập của bản thân mình, giúp quá trình học tập trở thành quá trình tự học, quá trình đào tạo trở thành quá trình tự đào tạo.

2.2.2 Về thời gian các hoạt động tự học

Bảng 2. Thời gian sinh viên tự học trong ngày

Thời gian tự học/ngày	Không tự học	1-2 giờ	3-4 giờ	> 5 giờ
Số sinh viên	6/124	108/124	10/124	0/124
Tỷ lệ	5,0%	87,0%	8,0%	0%

Số liệu ở *bảng 2* cho thấy, để nắm được kiến thức trong mỗi môn học, các sinh viên hầu như không dành thời gian cho hoạt động tự học chiếm 5,0%; 87,0% sinh viên dành từ 1- 2 giờ; chỉ có khoảng 8,0% sinh viên dành thời gian tự học từ 3 đến 4 giờ, còn thời gian tự học trong sinh viên trên 5 giờ/ngày là 0%. Thời gian sinh viên tự học rất hạn chế, đa số ít hơn so với yêu cầu mỗi giờ học tín chỉ tương ứng với 2 giờ tự học. Với hình thức đào tạo tín chỉ hiện nay của Trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM nói riêng và các trường cao đẳng, đại học khác nói chung, yêu cầu về thời gian tự học cho sinh viên ngày càng được tăng cường. Với mỗi giờ lên lớp, sinh viên được yêu cầu chuẩn bị ít nhất là 2 giờ, song trên thực tế khảo sát cho thấy, một số lượng rất nhỏ sinh viên dành đủ thời gian cho tự học, tự nghiên cứu trước khi lên lớp. Điều này ảnh hưởng đáng kể đến phương pháp và hình thức giảng dạy trong các giờ lên lớp bởi phần lớn sinh viên chưa dành thời gian tự học, chuẩn bị bài trước.

2.2.3 Về một số hình thức tự học cho sinh viên

Bảng 3. Về một số hình thức tự học của sinh viên

STT	Phương pháp, hình thức học tập của sinh viên	Số lượng	Tỷ lệ
1	Tự học ở nhà/phòng trọ	103	83%
2	Học nhóm	9	7,0%
3	Lên thư viện học và tìm kiếm tài liệu	5	4,0%
4	Đọc thêm các tài liệu, tham khảo ngoài giáo trình	2	2,0%
5	Hình thức khác	5	4,0%

Số liệu ở *bảng 3* cho thấy, hình thức tự học của sinh viên thông thường là tự học tại nhà hoặc phòng trọ theo cá nhân, chiếm 83%; còn hạn chế ở các hoạt động trao đổi học tập theo nhóm, tìm kiếm thêm thông tin, tài liệu bên ngoài. Trên thực tế, có nhiều hình thức để sinh viên có thể tìm hiểu, nghiên cứu một nội dung kiến thức trước mỗi giờ học. Với sự tiến bộ của khoa học công nghệ ngày nay, sinh viên hoàn toàn có thể ở nhà vẫn tìm kiếm được rất nhiều tài liệu liên quan đến nội dung học tập một cách đa dạng, phong phú. Một số sinh viên đã biết tạo thành các nhóm học tập, nghiên cứu tìm hiểu và chia sẻ tài liệu học tập. Các hình thức học tập như vậy sẽ giúp sinh viên nhanh chóng tiếp thu được các kiến thức khoa học, đồng thời rèn luyện được kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho bản thân.

2.2.4 Khó khăn của sinh viên trong quá trình tự học

Bảng 4. Khó khăn của sinh viên trong quá trình tự học

3

TT	Khó khăn thường gặp của sinh viên	Số lượng	Tỉ lệ
	Không lập được kế hoạch học tập	41	1,0%
	Không thực hiện được kế hoạch học tập	78	9,0%

	Không có người trao đổi, hướng dẫn	56	87,0%
	Hạn chế về kỹ năng tự học	115	1,0%
	Thiếu tài liệu tham khảo, phương tiện học tập	67	0,0%
	Kiến thức khó tiếp cận	54	2,0%

Số liệu ở *bảng 4* cho thấy, sinh viên gặp nhiều khó khăn trong quá trình tự học. Một trong những yếu tố ảnh hưởng lớn đến quá trình tự học đó là không có người trao đổi, hướng dẫn (chiếm 87,0%), sinh viên có thể lập được kế hoạch học tập song không thực hiện theo kế hoạch đã đề ra (9,0%), Số rất ít sinh viên chưa lập được kế hoạch học tập chi tiết và khả thi (1,0%); thiếu nguồn tài liệu tham khảo và phương tiện học tập (0,0%); kiến thức khó tiếp cận chiếm 2,0%... Những khó khăn trên cho thấy, sinh viên đa phần gặp khó khăn khi chưa có người trao đổi hướng hướng pháp, cách thức tự học. Do vậy, quá trình tự học chưa được thực hiện một cách thường xuyên và liên tục, do đó, chưa hình thành được thói quen của bản thân

2.2.5 Ý thức và phương pháp học tập trên lớp của sinh viên

Nhận thức đúng đắn về vai trò của bản thân trong quá trình học tập là quyết định thái độ của bản thân trong việc học, góp phần xây dựng tương lai vững chắc trong tính chủ động và ý thức độc lập trong học tập. Với những sinh viên có mục tiêu rõ ràng cho từng học kỳ, cho cả khóa học sẽ có cách học khác, chi tiết hơn và quyết tâm thực hiện theo tiến độ kế hoạch đã đề ra so với những sinh viên không tự đưa ra mục tiêu phấn đấu cho bản thân.

Bảng 5. Mức độ tương tác với giảng viên của sinh viên

STT	Mức độ tương tác giữa sinh viên với giảng viên trên lớp	Số lượng	Tỷ lệ
1	Thường xuyên	12	10,0%
2	Đôi khi	110	89,0%
3	Không bao giờ	2	1%

Từ *bảng 5* khảo sát về mức độ tương tác của sinh viên và giảng viên trên lớp cho thấy, chỉ có 10,0% sinh viên thường xuyên tương tác với giảng viên; Đa số sinh viên (89%) chỉ đôi khi tương tác với giảng viên trên lớp; mặc dù mỗi đầu môn học, giảng viên cung cấp đề cương môn học trong đó thể hiện chi tiết từng buổi học; thông báo tài liệu tham khảo để liên hệ thư viện cung cấp hoặc thậm chí cung cấp file mềm sách tham khảo theo đề cương; yêu cầu sinh viên đọc tài liệu trước mỗi khi lên lớp, ghi chú lại các nội dung chưa hiểu, chưa rõ để lên lớp đề nghị giảng viên giải thích, cho ví dụ thêm để sinh viên thông hiểu.

2.2.6 Mức độ chuẩn bị bài của sinh viên.

Mặc dù giờ tự học được bố trí rõ ràng ngay từ đầu kỳ học, nhưng phần lớn thời gian tự học chưa được sinh viên tập trung đúng mức, trọng tâm cho việc này

Với thời gian tự học từ 1-2 giờ/ngày của phần lớn sinh viên theo kết quả khảo sát tại *bảng 2* thì không thể đủ đảm bảo cho khối lượng kiến thức cần tự tìm hiểu của môn học. Đặc biệt một số môn học

có thực hiện chia nhóm thảo luận để rèn luyện khả năng làm việc đồng đội và nâng cao khả năng thuyết trình cho sinh viên đòi hỏi thời gian nhiều hơn mới có thể đảm bảo chất lượng học tập.

Bảng 6. Mức độ chuẩn bị bài của sinh viên

STT	Mức độ thường xuyên chuẩn bị bài trước khi đến lớp	Số lượng	Tỷ lệ
1	Có	29	23,0%
2	Không thường xuyên	95	73,0%
3	Không bao giờ	0	0,0%

Để học tập có hiệu quả đòi hỏi người học chuẩn bị bài trước khi đến lớp. Chuẩn bị bài chỉ đơn giản là đọc trước tài liệu, tóm tắt bài giảng của giảng viên, liệt kê các phần kiến thức chưa hiểu để có thể hỏi trực tiếp giảng viên trên lớp hoặc đưa ra thảo luận cùng bạn bè. Chỉ có 23,0% sinh viên có thói quen chuẩn bị bài trước khi đến lớp trong khi 73,0% sinh viên không thường xuyên chuẩn bị bài trước khi đến lớp và không có sinh viên không bao giờ chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

Qua kết quả khảo sát, nhìn chung việc tự học của sinh viên có những vấn đề cần quan tâm như sau: hầu hết sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động tự học tuy nhiên thời gian dành cho hoạt động tự học còn quá ít, chỉ khoảng 1-2 giờ/ngày so với yêu cầu đối với học tập theo tín chỉ. Đa phần các em chọn cách tự học tại nhà hơn là học nhóm hoặc lên thư viện... Do bởi ít tương tác, chủ động trao đổi với giảng viên hoặc cố vấn học tập nên hầu hết các em đang gặp trở ngại là không có người trao đổi, hướng dẫn cách thức, phương pháp tự học, bố trí thời gian một cách khoa học và hiệu quả. Những hạn chế đó đã làm ảnh hưởng không nhỏ tới năng lực tự học của sinh viên. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số giải pháp phát triển năng lực tự học cho sinh viên

2.3 Giải pháp phát triển năng lực tự học cho sinh viên Khoa Quản trị Kinh doanh, Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM

2.3.1 Giúp sinh viên xác định động cơ và tạo hứng thú trong hoạt động tự học

-Xác định động cơ, thái độ học tập nghiêm túc

Từ đầu khóa học tổ chức các cuộc gặp gỡ giữa các nhà doanh nghiệp với sinh viên, để sinh viên tìm hiểu triển vọng về nghề tương lai của mình cũng như biết mình cần có những kiến thức và kỹ năng gì để đáp ứng được yêu cầu của xã hội; tổ chức giao lưu giữa sinh viên cũ và sinh viên mới để tìm hiểu về nhà trường về cách học...; khi lên lớp, giáo viên cần dành một ít thời gian trao đổi với sinh viên về mục đích của việc học tập, trao đổi với họ những kinh nghiệm học tập của mình. Qua đó cũng tạo được sự gần gũi, tin tưởng của sinh viên đối với thầy cô, từ đó các em mạnh dạn, thoải mái đặt câu hỏi, thảo luận đối với các vấn đề chưa hiểu.

Sinh viên có ý thức tự học đúng thể hiện ở chỗ sinh viên xác định đúng động cơ và có thái độ học tập đúng đắn, nghiêm túc. Một sinh viên có ý thức học tập tốt phải là người biết cách sắp xếp thời gian học tập, biết phân phối sức lực để học tập, khát khao tìm hiểu nghiên cứu, biết kết hợp hài hòa giữa học tập và giải trí. Sinh viên có ý thức tự học tốt thể hiện rõ qua việc học trên lớp và việc tổ chức tự học tập tại nhà. Trên lớp, họ chính là người tập trung nghe giảng, suy nghĩ, ghi chép, tích cực phát biểu...

Còn thời gian tự học, tự nghiên cứu tại nhà, hoặc ở thư viện ... là lúc sinh viên tư duy, hệ thống lại toàn bộ kiến thức đã học, liên kết chúng với thực tế để vận dụng, qua đó xây dựng kế hoạch nghiên cứu các tài liệu sao cho những kiến thức là có ích và sát thực tiễn xã hội

- Tạo hứng thú và phát huy mạnh mẽ tính chủ động của sinh viên

- Trong buổi học đầu tiên giảng viên cần trao đổi với sinh viên về đề cương và tài liệu dùng cho học phần, về mục tiêu cần đạt được của học phần và cách đánh giá học phần đó;
- Đầu mỗi buổi học, giảng viên xác định mục đích yêu cầu của bài học, phác thảo, định rõ, nhắc lại những khái niệm quan trọng nhất, có minh họa phù hợp và tóm tắt ngắn gọn, có bài tập ứng dụng và liên hệ thực tiễn;
- Giảng viên có thể tạo sự tham gia tích cực của sinh viên bằng cách đưa ra nhiều câu hỏi và khuyến khích họ đặt câu hỏi;
- Thường xuyên thay đổi các kỹ thuật dùng trong giảng dạy (thuyết trình, thảo luận nhóm, xem clip tình huống, ...). Dùng nhiều kỹ năng giảng dạy khác nhau, trong đó có sử dụng các phương tiện nghe nhìn để gây hứng thú cho sinh viên

2.3.2 Rèn luyện cho sinh viên một số kỹ năng tự học

2.3.2.1 Kỹ năng lập kế hoạch học tập

- Việc tự học sẽ thật sự có hiệu quả khi mục đích, nhiệm vụ và kế hoạch học tập được xây dựng cụ thể, rõ ràng và có tính hướng đích cao, sao cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cá nhân. Người có kỹ năng tự học phải xác định được kế hoạch học tập ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của mình. Thậm chí, kế hoạch phải được tạo lập theo từng môn học, từng phần, trong môn học, theo từng thời điểm, giai đoạn học tập cụ thể. Trong lập kế hoạch, phải chọn đúng vấn đề trọng tâm, cốt lõi, quan trọng để ưu tiên tác động trực tiếp và dành thời gian công sức cho nó. Nếu việc học dàn trải, thiếu tập trung thì chắc chắn hiệu quả sẽ không cao.

- Hoạt động đầu tiên trong lập kế hoạch đó là người học cần xác định mục đích của hoạt động học tập. Mục đích hoạt động học tập của người học hướng tới mục đích gì, kết quả đạt được là bao nhiêu. Từ việc cụ thể hóa mục đích của cá nhân người học gắn theo cam kết bản thân đầu tư nguồn lực như thế nào cho quá trình học tập, người học cần phải hạn chế bớt những hoạt động nào để dành thời gian cho mục tiêu học tập đã được đề ra. Khi xác định mục tiêu rõ ràng thì người học sẽ có động lực tốt hơn để phấn đấu và cụ thể hóa các hoạt động học tập.

- Để tạo điều kiện cho sinh viên lập kế hoạch học tập hiệu quả, giảng viên cần xây dựng đề cương chi tiết học phần một cách rõ ràng cụ thể. Trong đó, yêu cầu các mục tiêu sinh viên cần đạt được ở mỗi nội dung học tập, nêu rõ các nhiệm vụ học tập sinh viên cần thực hiện, giới thiệu thêm các tài liệu tham khảo sinh viên có thể tìm đọc thêm, thiết kế bài tập lớn có tính khái quát yêu cầu sinh viên phải huy động kiến thức tổng hợp của một bài/ chương hoặc kết hợp giải quyết theo nhóm. giảng viên yêu cầu sinh viên xây dựng kế hoạch học tập cá nhân cho mỗi học phần dựa trên đề cương chi tiết học phần. Cụ thể hóa cách thức thực hiện và thời gian thực hiện nhằm đạt được các yêu cầu được đề ra trong đề cương chi tiết học phần. Giảng viên có thể kiểm tra kế hoạch học tập cá nhân một cách thường xuyên hoặc đột xuất

nhằm giúp sinh viên duy trì hoạt động tự học thường xuyên và liên tục.

2.3.2.2 Kỹ năng đọc tài liệu và ghi chép

-*Đọc có suy nghĩ*

- Muốn hiểu những điều sách viết, người đọc phải hết sức tập trung tư tưởng khi đọc. Những đoạn chưa hiểu, cần phải đọc lại nhiều lần, đến khi thông suốt rồi mới đọc đến phần khác.

- Khi đọc và suy nghĩ mãi nhưng vẫn không hiểu được những gì sách viết, thì phải tìm và đọc những sách khác có liên quan. Bởi lẽ, cùng một chủ đề nhưng các tác giả khác nhau có cách diễn đạt khác nhau, giúp cho người đọc hiểu sâu thêm vấn đề, làm phong phú thêm vốn kiến thức của bản thân.

-*Đọc có hệ thống*

- Xem qua phần mục lục và đọc lướt nhanh toàn bộ phần tổng quát của sách để nắm sơ bộ nội dung cuốn sách;

- Đọc kỹ, tùy theo mục đích đọc mà có thể đọc kỹ một lần hoặc nhiều lần. Khi đọc các lần sau, chỉ cần đọc lại những nội dung cơ bản hoặc các nội dung mà lần đầu chưa hiểu, chưa nắm vững. Những lần đọc sau sẽ làm người đọc nắm sâu hơn, hiểu kỹ hơn;

- Trên lớp học phần nào thì về nhà tìm tài liệu đọc ngay phần đó để bổ sung phần kiến thức đã học được sâu hơn

-*Đọc có chọn lọc*

Tìm những điểm cốt lõi, chọn ý tưởng hay nhất, đúng nhất và có ích cho việc học. Để làm được điều này, sinh viên phải hết sức tập trung suy nghĩ và phải tinh lọc được những kiến thức cơ bản cần thiết cho mình.

-*Đọc có ghi chép*

- Đọc sách là hình thức học tập tích cực nên cần phải ghi chép để nhớ lâu;
- Đọc sách để tìm tài liệu bổ sung thì cần ghi chép phần bổ sung đó, đồng thời đánh dấu để tra cứu khi cần thiết;

- Các ý chính cần ghi chép cẩn thận, gạch chân hoặc tô màu vì đó là ý cơ bản mà từ đó có thể suy luận ra các ý khác liên quan. Những phần chưa hiểu hoặc chưa nắm vững cũng cần đánh dấu để tiếp tục suy nghĩ, tìm người giải đáp.

-*Ghi chép khi nghe giảng*

- Chuẩn bị vở ghi và bút đầy đủ;
- Ghi rõ tiêu đề bài giảng, ngày tháng;
- Lắng nghe giảng viên giảng một cách chăm chú;
- Ghi chép thật ngắn gọn. Cố gắng ghi những ý chính bằng ngôn ngữ của chính mình chứ không nên chép y nguyên lời của giáo viên. Hãy nhớ là mục tiêu của ta là hiểu bài giảng chứ không phải là cố ghi lại chính xác từng từ giảng viên nói;

- Ghi đầy đủ những ví dụ minh họa, ví dụ áp dụng; đặc biệt chú ý đến những chi tiết không có trong sách giáo khoa và đánh dấu làm nổi bật lên những nội dung quan trọng của bài

giảng để dễ tra cứu;

2.3.3 Đổi mới các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

Để quá trình học tập không chỉ là quá trình tiếp thu và lĩnh hội tri thức mà đưa quá trình học tập thành quá trình chủ động chiếm lĩnh tri thức của người học, bản thân mỗi giảng viên cần thực hiện các phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động học tập phù hợp. Ví dụ: nếu giảng viên thường xuyên sử dụng phương pháp thuyết trình truyền thống sẽ không tạo được động lực và nhu cầu tự học cho sinh viên, bởi các nội dung cần nghiên cứu tìm hiểu đã được giảng viên thuyết trình và giải đáp.

Với các phương pháp dạy học phù hợp, giảng viên sẽ khơi dậy hứng thú trong học tập, tạo nhu cầu tự học, định hướng người học tới các hoạt động: tự đặt mục tiêu, xây dựng kế hoạch, tìm kiếm - nghiên cứu tài liệu, phát hiện và xây dựng những tri thức cho bản thân... Phương pháp dạy học thích hợp biến quá trình giảng dạy thành quá trình dạy tự học, giúp người học trở thành chủ thể để khám phá và làm chủ tri thức. Khi khơi gợi hứng thú, nhu cầu, động cơ học tập của người học thì người học sẽ nhanh chóng thích ứng và tìm ra những phương pháp tự học hiệu quả.

Giảng viên có thể vận dụng đa dạng các phương pháp dạy học như dạy học dự án, dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề, dạy học nghiên cứu trường hợp, dạy học tình huống... trong quá trình dạy học. giảng viên cần đặt ra yêu cầu cho người học cần tự học, tự nghiên cứu các vấn đề, thông qua đó rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu cho người học.

Giảng viên cần thường xuyên nghiên cứu, tự học để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và tìm tòi sáng tạo phương pháp trong mọi hoạt động giáo dục học sinh nhằm góp phần đổi mới mạnh mẽ sự nghiệp giáo dục, góp phần vào công cuộc xây dựng đất nước. Để trở thành một tấm gương tự học và sáng tạo trong tương lai, ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường, mỗi sinh viên cần được định hướng và xác định rằng: năng lực tự học là năng lực thiết yếu cho bản thân, bởi sự nghiệp của cá nhân sẽ gắn liền với việc học tập. Ngoài việc hướng dẫn học sinh phương pháp học tập hiệu quả thì mỗi thầy cô cũng phải không ngừng học tập, rèn luyện bản thân, cập nhật những phương pháp dạy học mới, những sự thay đổi và phát triển của xã hội, của thực tiễn để đưa vào những bài học ý nghĩa, giá trị và thiết thực cho người học.

Để sinh viên hiểu và thực hiện được những điều trên, giảng viên cần lồng ghép nội dung một cách phù hợp trong từng bài giảng và hướng dẫn SV thực hiện các nhiệm vụ, yêu cầu được đề ra một cách cụ thể, chi tiết, nhuần nhuyễn, tránh gượng ép. Bản thân mỗi giảng viên trong quá trình giảng dạy cũng cần luôn ý thức mình đang đào tạo ra thế hệ các giáo viên trong tương lai, do đó, cần rèn luyện cho SV thái độ, tinh thần và phương pháp tự học hiệu quả.

Trước mỗi hoạt động cho bài học mới, giảng viên có thể dành thời gian để kiểm tra hoạt động chuẩn bị bài của sinh viên. Trong quá trình học tập, giảng viên giao những bài tập lớn theo nhóm, để sinh viên tự hoàn thiện và sau đó báo cáo kết quả tự học. Trước khi giảng viên đánh giá, yêu cầu sinh viên tự đánh giá trong nhóm thông qua trình tự: sinh viên tự đánh giá bản thân, thành viên trong nhóm tự đánh giá nhau và sau đó, giảng viên đánh giá, tổng kết. Quá trình đánh giá được triển khai thông qua nhiều kênh thông tin sẽ giúp sinh viên có động lực tự học và thúc đẩy quá trình tự học của sinh viên được diễn ra thường xuyên và liên tục.

3. Kết luận

Tự học là vấn đề quan trọng đối với sinh viên ở các trường đại học. Để việc tự học của sinh viên đạt hiệu quả, bên cạnh việc nâng cao ý thức tự học của sinh viên thì giảng viên cũng đóng vai trò rất quan trọng trong việc định hướng, hướng dẫn sinh viên những phương pháp tự học cơ bản để các em có thể tự học đạt hiệu quả. Khi có những động cơ, ý thức tự học tốt kết hợp với phương pháp tự học khoa học, sinh viên sẽ dễ dàng chiếm lĩnh kiến thức, là hành trang để sinh viên có thể chủ động trong quá trình học tập của mình đồng thời là kỹ năng thật sự cần thiết phục vụ làm tốt công việc sau này khi các em đi làm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Đình Duy Nghĩa, Phan Thanh Hùng, Trần Phúc (2019), *Các biện pháp nâng cao hiệu quả tự học cho sinh viên trong mô hình đào tạo tín chỉ của khoa giáo dục thể chất – ĐH Huế*
- [2] Dương Văn Danh (2013), *Giải pháp giúp sinh viên nâng cao ý thức và chất lượng tự học*

GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG HOẠT ĐỘNG TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN NHẪM NÂNG CAO TỶ LỆ TỐT NGHIỆP

Hà Minh Phước

TÓM TẮT

Sinh viên biết cách tự học có ý nghĩa hết sức quan trọng trong suốt quá trình học Cao đẳng. Khi nắm được phương pháp tự học sẽ là tiền đề để sinh viên học tốt những môn học khác và là cơ sở để các em “học tập suốt đời”. Trong bài viết này, tác giả đề cập tới thực trạng việc tự học của sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công thương TP.HCM, nguyên nhân của việc tự học chưa hiệu quả và đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực tự học cho sinh viên. Từ đó, giúp sinh viên có phương pháp tự học phù hợp và hiệu quả giảm tỷ lệ nợ môn và tăng tỷ lệ tốt nghiệp.

Từ khóa: tự học, dạy cách tự học, năng lực tự học

1. Đặt vấn đề

Trong giáo dục, yếu tố tự học luôn được đề cao và khuyến khích. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy “về cách học phải lấy tự học làm cốt”, Nguyên Tổng Bí thư Đỗ Mười có viết trong thư gửi Hội thảo Khoa học Nghiên cứu và Tự học như sau “Chất lượng và hiệu quả giáo dục được nâng lên khi tạo ra được năng lực sáng tạo của người học, khi biến quá trình giáo dục thành quá trình tự giáo dục. Quy mô giáo dục được mở rộng khi có phong trào toàn dân tự học”. Luật Giáo dục (2005) chỉ rõ: “Phương pháp giáo dục phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, tư duy sáng tạo của người học; bồi dưỡng cho người học thời gian tự học, khả năng thực hành, lòng say mê học tập và ý chí vươn lên”.

Tự học là quá trình cá nhân người học tự giác, tích cực, độc lập tự chiếm lĩnh tri thức ở một lĩnh vực nào đó trong cuộc sống bằng hành động của chính mình nhằm đạt được mục đích nhất định (Nguyễn Hữu Tuyển). Khả năng tự học của SV không chỉ là một yếu tố cần thiết để đạt được Chuẩn đầu ra, mà chính khả năng tự học này trở thành một thành tố của Chuẩn đầu ra, trở thành một yêu cầu của Mục tiêu đào tạo (Nguyễn Thạc San). Như thế, khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên (SV) không những là yếu tố “cần” trong lúc đang theo học ở nhà trường, mà trở thành một thành tố của Mục tiêu đào tạo, của Chuẩn đầu ra sau khi đã tốt nghiệp, rời ghế nhà trường, bước vào cuộc sống xã hội, cuộc sống nghề nghiệp đang diễn ra hết sức sinh động như theo Gettinger (1985), kiến thức và kỹ năng của sinh viên trước khi vào trường đại học có tác động tích cực đến năng lực tự học và khả năng tiếp thu kiến thức của sinh viên. Glaser (1991), việc thiết kế chương trình đào tạo theo hướng tối thiểu hóa thời gian dạy trên lớp có tác dụng tối ưu hóa quá trình tự học của sinh viên, sinh viên có thời gian đi làm thêm càng nhiều thì thời gian dành cho học tập càng ít và kết quả học tập của sinh viên càng kém và thậm chí bỏ học. Bản chất của việc học là tiếp nhận, “tiêu hóa” kiến thức, biến kiến thức của nhân loại thành kiến thức của mình, hình thành được kỹ năng, kỹ xảo, những phẩm chất và thái độ theo yêu cầu của Chuẩn đầu ra và Mục tiêu đào tạo, từ đó đóng góp hữu ích cho cộng đồng và xã hội. Nói cách khác, bản chất của việc tự học là sự “tự vươn mình” của từng chủ thể để thấu đạt được những giá trị đích thực của việc học cho chính chủ thể đó. (Nguyễn Thạc San).

Không ai “làm thay” được việc học của từng cá nhân. Xã hội, nhà trường, và các giảng viên, đồng nghiệp và bạn bè chỉ hướng dẫn, trợ giúp cho sự tự vươn mình của từng con người. Như thế, việc học nói chung và việc đi học ở nhà trường nói riêng thực chất là việc tự học.

Khoa Quản trị kinh doanh (QTKD) trường Cao đẳng Công thương TP.HCM luôn quan tâm đến việc đổi mới dạy và học để nâng cao chất lượng đào tạo trong đó hoạt động tự học của sinh viên nhận được nhiều sự quan tâm của ban lãnh đạo cùng các Thầy cô trong nỗ lực nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên. Mục tiêu của bài viết này là nhằm đánh giá hoạt động tự học của sinh viên; phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động tự học của sinh viên; và đề xuất các giải pháp nhằm tạo điều kiện, khai thác hợp lý thời gian tự học của sinh viên.

2. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động tự học của sinh viên

Hoạt động tự học của SV là hoạt động tự giác, tích cực, chủ động sáng tạo dưới sự hướng dẫn gián tiếp của giảng viên nhằm chiếm lĩnh những tri thức khoa học bằng hành động của bản thân và đạt được mục tiêu của giáo dục và đào tạo.

Hoạt động tự học là một hoạt động làm chủ kiến thức, tạo ra cầu nối nhận thức trong tình huống học tập; tự biến đổi mình, tự làm phong phú mình bằng cách thu lượm và xử lý thông tin từ môi trường sống xung quanh mình; tự tìm kiến thức bằng hành động của chính mình, cá nhân hoá việc học tập đồng thời hợp tác với bạn bè trong cuộc sống cộng đồng lớp học dưới sự hướng dẫn của thầy cô giáo.

Tự học của SV là một hoạt động thúc đẩy bởi động cơ và hướng tới mục đích với đối tượng cụ thể đồng thời được thực hiện thông qua hành động cụ thể bằng những thao tác trí tuệ linh hoạt, sáng tạo trong những điều kiện hoàn cảnh khác nhau. Tự học của SV là hoạt động mang tính chất nghiên cứu (tự tìm tòi tự phát hiện tự nghiên cứu mức độ cao).

Như vậy trong hoạt động tự học, việc tích cực, độc lập nhận thức của SV không tách rời vai trò tổ chức điều khiển của giảng viên đảm bảo sự thống nhất biện chứng giữa hoạt động dạy của thầy và hoạt động học của trò. Quá trình dạy tự học là một hệ thống toàn vẹn bao gồm ba thành tố: Thầy (dạy) – Trò

(tự học) và tri thức, chúng tương tác, thâm nhập vào nhau và qui định lẫn nhau... tạo ra chất lượng và hiệu quả của giáo dục và đào tạo.

Có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động tự học của sinh viên. Các yếu tố chủ quan bao gồm nhận thức của sinh viên, lên kế hoạch học tập, sự nỗ lực thực hiện kế hoạch, khả năng tham gia; cơ sở vật chất, môi trường, mục tiêu đào tạo của trường Cao đẳng, phương pháp đánh giá kết quả của giảng viên theo quy định của nhà trường đối với sinh viên.

2.1. Nhận thức của sinh viên

Nhận thức là nhu cầu về tri thức, nhu cầu hiểu biết, nhu cầu về thông tin có liên quan đến sự tồn tại và phát triển của con người. Sự thỏa mãn những nhu cầu này có ý nghĩa to lớn đối với đời sống cá nhân và xã hội. Như vậy, nhu cầu nhận thức là đòi hỏi của con người về việc tìm tòi tiếp thu cái mới, cái chưa có trong kinh nghiệm cá nhân mà họ cần được thỏa mãn để phát triển. Nhu cầu nhận thức được phản ánh vào ý thức dưới dạng cảm giác thiếu thốn thông tin. Đối tượng của nhu cầu nhận thức là những kinh nghiệm, kiến thức, kỹ năng (KN), kỹ xảo (KX) mới, chưa từng có trong hệ thống kinh nghiệm cá nhân. Những đối tượng này được phản ánh trong ý thức, trở thành động cơ nhận thức. Trong điều kiện đó, động cơ nhận thức được hiểu là nội dung đối tượng của nhu cầu nhận thức, nghĩa là trong điều kiện nội dung kiến thức, kỹ năng kỹ xảo được chủ thể ý thức, có tác dụng thúc đẩy hoạt động của chủ thể thì trở thành động cơ nhận thức.

Nhu cầu nhận thức có mối quan hệ chặt chẽ với nhu cầu học tập. Theo nghĩa rộng nhất, học tập là học và luyện tập để hiểu biết, để có kỹ năng. Dưới góc độ tâm lý học, sinh viên điều khiển một cách tự giác để lĩnh hội tri thức, kỹ năng, kỹ xảo mới, những hình thức hành vi mới.... Học tập xuất hiện với tư cách là một hoạt động nhờ phương pháp nhà trường. Học tập là một dạng của hoạt động nhận thức của SV. Cả hoạt động nhận thức và hoạt động học tập đều là điều kiện tất yếu cho sự phát triển của SV, làm phong phú hơn các tri thức, kỹ năng, kỹ xảo cho SV và đều là sự phát hiện ra một cái gì đó mới mẻ một cách khách quan đối với họ. Nếu xem xét trong phạm vi của hoạt động học tập, thì nhu cầu nhận thức là nhu cầu đối với việc tiếp nhận đối tượng hoạt động học. Do đó, đối tượng thỏa mãn nhu cầu nhận thức đồng thời là đối tượng của nhu cầu học tập. Và như vậy, lúc này nhu cầu nhận thức trở thành nhu cầu học tập. Đây là kết quả của quá trình phát triển của nhu cầu nhận thức trong tiến trình phát triển của sinh viên.

Sinh viên Cao đẳng đặc trưng bởi sự khả năng tư duy sâu sắc, năng lực trí tuệ cao, vốn kiến thức về môi trường xã hội rộng. Sinh viên rất quan tâm đến việc phát triển các kỹ năng, cách ứng xử mới, mong muốn thể hiện mình trong mọi lĩnh vực của cuộc sống, chuẩn bị sẵn sàng đối diện với xã hội. Đây là thời kỳ có nhiều biến đổi mạnh mẽ về động cơ, về thang giá trị xã hội. Sự trưởng thành về mặt xã hội cùng với nỗ lực, sự kỳ vọng đối với nghề nghiệp tương lai cho thấy nhu cầu và khả năng tự giáo dục của sinh viên cần được nâng cao. Tự ý thức của SV phụ thuộc vào sự hiểu biết về mục đích ý nghĩa và vai trò của tự học, nội dung cách thức của tự học và nhân tố ảnh hưởng tới tự học của bản thân. Từ đó SV biết tự tổ chức, tự kiểm tra - đánh giá kết quả tự học của mình để đáp ứng mục tiêu của giáo dục & đào tạo.

2.2. Thái độ tự học của sinh viên

Thái độ tự học của SV được thể hiện ở nhu cầu tự học, động lực tự học, hứng thú, tính tích cực, tự lực học tập, sự say mê với tinh thần quyết tâm cao và ý chí khắc phục khó khăn để thực hiện được nhiệm vụ học tập. Những cử chỉ hành vi có thể quan sát được cũng là biểu hiện của thái độ tự học (cần mẫn, chăm chỉ...). Vấn đề hình thành và phát triển tư duy không chỉ là vấn đề nắm vững tri thức kỹ năng kỹ xảo, trí tuệ và phương thức hành động mà xen vào đó là biểu hiện sâu sắc của xúc cảm và tình cảm, thái độ tích cực của người học.

Những thành phần bên trong của thái độ tự học bao gồm: Nhu cầu tự học, động cơ tự học, hứng thú tự học, ý chí khắc phục khó khăn trong tự học... Khả năng tự học: Cùng với hệ thống các yếu tố trên SV phải có khả năng tự học thông qua việc thực hiện kế hoạch tự học, cách thức tổ chức tự học, đặt biệt dựa vào kết quả học tập để quyết tâm phấn đấu. Như thế SV phải tích cực tự học, tự thu thập tài liệu về nội dung, phương pháp, bản thân mình có nhu cầu tích lũy tri thức và kỹ năng.

2.3.Kỹ năng tự học của sinh viên

Là phương thức để đạt được mục đích, nhiệm vụ học tập theo một cách thức nào đó. SV phải có kế hoạch học tập hợp lý, có sự phân phối thời gian và áp dụng các hình thức tự học phù hợp. Phương pháp học tập có tính quyết định đến kết quả học tập của SV. Bên cạnh những yếu tố trên, khả năng tư duy, khái quát, tổng hợp, phân tích vấn đề là yếu tố bên trong quyết định trực tiếp đến hiệu quả của hoạt động tự học.

❖ Kỹ năng lập kế hoạch tự học

Lập kế hoạch tự học là biết xây dựng một chương trình hợp lý, có cơ sở khoa học phù hợp với từng cá nhân, tối ưu hoá hoạt động tự học của bản thân. Kỹ năng (KN) này bao gồm KN phát hiện, xác định và lựa chọn vấn đề tự học, các thứ tự công việc cần làm, sắp xếp thời gian cho từng công việc một cách hợp lý với điều kiện và phương tiện hiện có, cụ thể là sinh viên biết đặt kế hoạch tự học phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ học tập.

❖ Kỹ năng đọc sách, tài liệu tham khảo

Đây là KN đặc trưng của KN tự học trong hoạt động tự học của SV. SV có KN đọc sách tốt không những nâng cao kết quả tự học mà còn là điều kiện để giáo dục và hình thành nhân cách hoàn hảo. Thực tế có nhiều loại sách khác nhau, do đó SV phải có KN đọc sách, khai thác thông tin quý giá từ nhiều nguồn sách, nhằm tiếp thu lĩnh hội tri thức. Để có KN đọc sách thuần thục, SV phải trang bị cho mình những tri thức về phương pháp, cách thức làm việc độc lập với sách. Muốn vậy, giáo viên phải trang bị cho SV cách đọc sách một cách khoa học, phối hợp các KN hợp lý.

❖ Kỹ năng hệ thống hóa kiến thức

Là KN tập hợp nhiều yếu tố đơn vị tri thức cùng loại, cùng chức năng có mối quan hệ hay liên hệ chặt chẽ với nhau làm thành một thể thống nhất. Tự hệ thống hoá kiến thức trong hoạt động tự học là tự bản thân SV biết phân tích tổng hợp xâu chuỗi từng nội dung chính thành tổ hợp hệ thống hoá logic dựa trên kết quả điểm tiếp cận cấu trúc hệ thống và có thể trình bày bằng bảng hay sơ đồ hệ thống và trình bày theo logic nhất định. Thực hiện KN này giúp SV Cao đẳng, Đại học rèn luyện KN ghi chép tài liệu tham khảo và sách phát triển năng lực nhận thức, tự học và có thói quen tự học suốt đời.

❖ Kỹ năng ôn tập, dự thi và kiểm tra

Kỹ năng ôn tập và dự thi là khả năng thực hiện có kết quả các hành động ôn tập (xác định thông tin, bổ sung thông tin và vận dụng chúng bằng cách lựa chọn, vận dụng tri thức và kinh nghiệm phù hợp với điều kiện phương tiện đã xác định trong mục đích ôn tập. Nó là tổ hợp các hành động ôn tập được người học nắm vững biểu hiện mặt kỹ thuật và năng lực của hành động ôn tập có ý nghĩa quyết định kết quả của hoạt động tự học... KN ôn tập là một hệ thống mở rộng tính phức tạp nhiều tầng bậc và mang tính phát triển.

❖ Kỹ năng tự kiểm tra - tự đánh giá rút kinh nghiệm tự học của bản thân

Tự kiểm tra, tự đánh giá rút kinh nghiệm hoạt động tự học của bản thân sinh viên là KN không thể thiếu trong việc thực hiện mục đích đề ra. Tự kiểm tra là bản thân SV xem xét lại tất cả các hành động tự học bằng KN tự học để biết kết quả thực hiện của mình như thế nào?

Nhiệm vụ của tự học tự nghiên cứu của sinh viên không chỉ dừng lại ở chỗ lĩnh hội tri thức mà phải biết kiểm tra - đánh giá kết quả của sự lĩnh hội đó. Tự đánh giá trong hoạt động tự học của bản thân giúp SV viên phát hiện những sai sót, tìm ra nguyên nhân chủ quan, khách quan ảnh hưởng đến hiệu suất của quá trình tự học, tự nghiên cứu. Từ đó cần phải điều chỉnh kịp thời bằng cách bổ sung, nếu cần phải thay đổi cả phương pháp, kỹ năng kỹ xảo để phù hợp với tình huống tự học. Tự kiểm tra, tự đánh giá, tổng kết kinh nghiệm với thái độ khách quan “khi thành công phải xem xét vì sao thành công, khi thất bại cũng phải xem xét để mà tránh đi”. Việc tự kiểm tra, tự đánh giá có thể tiến hành thường xuyên theo từng kỳ, từng môn, từng KN cụ thể.

Tự kiểm tra, tự đánh giá rút kinh nghiệm các KN tự học hay các công việc tự học thông qua kết quả học tập của bản thân. SV có thể thực hiện KN này bằng nhiều cách khác nhau: So sánh tri thức về vấn đề trước và sau khi vận dụng các phương pháp, KN tự học, so sánh tỉ lệ kiến thức cần thiết đã biết, chưa biết với những bài viết có tính khoa học, tính thực tế cao, những bài kiểm tra, thi học phần, học trình tốt nghiệp... SV xác định đúng và sai những điều cần làm và tự kiểm tra, tự đánh giá kết quả của mình, so sánh kết quả điểm, nhận xét của thầy cô và những người xung quanh..

2.4. Phương pháp dạy học của giảng viên

Các yêu cầu về học tập, đòi hỏi phương pháp giảng dạy của giáo viên phải phù hợp với trình độ nhận thức và đặc điểm tâm sinh lý của mỗi cá nhân mới hình thành và phát triển KN tự học cho SV. Khi các KN tự học hình thành rồi phải được rèn luyện và củng cố thường xuyên. Việc đổi mới phương pháp giảng dạy phù hợp với trình độ nhận thức và đặc điểm tâm sinh lý của cá nhân là yếu tố tác động trực tiếp đến việc rèn luyện KN tự học cho SV nhằm phát huy tính tích cực, tự giác độc lập sáng tạo của sinh viên. Các nghiên cứu cho rằng: chất lượng tự học phụ thuộc vào trình độ tổ chức và điều khiển hoạt động học của thầy cô giảng dạy.

- Việc tổ chức, quản lý sinh viên tự học cũng có tác dụng tới quá trình hình thành rèn luyện, nâng cao KN tự học cho SV. Giảng viên cần đổi mới phương pháp dạy học, thực hiện nghiêm túc qui chế thi cử và kiểm tra – đánh giá theo từng năm học, từng kỳ học, từng tháng và từng tuần.

- Các yếu tố khác: Môi trường tự học (sự phát triển xã hội, yêu cầu của thời đại, mối quan hệ bạn bè, môi trường tập thể...); Thời gian tự học (để rèn luyện và nâng cao KN tự học cho SV không những phải sắp xếp thời gian hợp lý vào thời điểm trong ngày mà còn phù hợp với đặc điểm tâm lý cá nhân); Điều kiện sống, điều kiện sinh hoạt, các phương tiện học tập, tài liệu tham khảo; Nhân tố gia đình, bạn bè người thân...

3. Hoạt động tự học của sinh viên khoa Quản trị kinh doanh trường Cao đẳng Công thương TP.HCM

Hiện nay sinh viên khoa Quản trị kinh doanh trường cao đẳng công thương TP.HCM đã và đang áp dụng rất nhiều biện pháp tự học khác nhau. Một số hình thức tự học ở đây có thể là học theo nhóm, hay áp dụng theo hình thức học cá nhân, mỗi sinh viên luôn cố gắng tìm cho mình phương pháp tự học hiệu quả nhất.

Tuy nhiên, bên cạnh đó hoạt động tự học vẫn còn mang tính hình thức, học kiểu đối phó với các bài kiểm tra. Nhiều sinh viên chưa có thói quen chuẩn bị bài trước khi đến lớp hay giảng viên giao chủ đề thì làm qua loa cho xong không nghiên cứu kỹ vấn đề. Thực tế cho thấy một số bộ phận sinh viên khi học rất lười đọc giáo trình và tìm hiểu tài liệu tham khảo nên đây là trở ngại khiến các sinh viên sợ học các môn học. Đa số sinh viên chưa lập được kế hoạch tự học còn trông chờ vào sự hướng dẫn của giảng viên, SV học một cách thụ động. SV ngày càng không chú tâm nhiều vào học hành, học theo kiểu đối phó, chỉ để thi lấy điểm, học chỉ để lấy bằng. SV học ào ào, đại khái, không sâu, không kỹ, không quan tâm tới tư duy, kỹ năng chuyên môn sau này làm việc.

Nguyên nhân của thực trạng nói trên là *thứ nhất*, khi còn là học sinh phổ thông trung học, các em không phải lo lắng đến việc học gì và học như thế nào bởi hàng ngày đến lớp đều được các thầy cô chỉ dẫn kỹ lưỡng. Việc học những môn nào, học phần nào, phần nào sát với đề thi đều được các thầy cô hoạch định sẵn. Chính vì thế khi mới lên Cao đẳng đại học, các em rất hoang mang khi phải tự chọn môn học, tự sắp xếp thời gian và tự nghiên cứu. Các em SV chưa được chú trọng xây dựng thói quen, ý thức và kỹ năng tự học.

Thứ hai, các em SV còn mãi mê vui chơi Một bộ phận sinh viên, đặc biệt là sinh viên năm nhất coi học cao đẳng là để “xả hơi”, không có mục tiêu, kế hoạch cụ thể. Chính môi trường mới với nhiều trò vui chơi giải trí đã khiến một số sinh viên vốn là con ngoan trò giỏi trở nên lười biếng, bỏ bê việc học hành. Và thay vì lên thư viện đọc sách, nhiều sinh viên dành thời gian để lướt Facebook, Zalo hay các trang mạng xã hội khác. Cơn sốt cuồng like, selfie mọi lúc, đăng status câu like là những gì đang diễn ra trong xã hội “sống ảo”, nơi mà các bạn sinh viên chiếm một phần không nhỏ.

Thứ ba, thiếu sự quản thúc điều này đặc biệt diễn ra với các sinh viên đi học xa nhà. Khi còn là học sinh, các bạn được gia đình, nhà trường và thầy cô phối hợp để quản lý chuyện học hành. Nhưng khi bước chân vào Cao đẳng Đại học, các em phải tự lập cả về cuộc sống lẫn việc học tập, từ đó đòi hỏi một tinh thần tự giác rất cao. Thế nên không phải ai cũng có thể tự đưa mình vào khuôn khổ học tập khi không có sự quản thúc từ gia đình và thầy cô.

Thứ tư, Sinh viên phần nhiều chưa chủ động học, không đam mê việc tự học và chưa có ý thức tự học là xuất phát từ giảng viên. Nếu giảng viên không khuyến khích tự học, động viên sinh viên tự học thì không thể khơi gợi sự đam mê tự học của sinh viên. Chính giảng viên tác động đến sự đam mê tự học của sinh viên. Đặc biệt giảng viên chưa thực sự nhiệt tình khai thác bài học, đưa ra nhiều tình huống vì thế không khơi gợi được sự đam mê của sinh viên trong tìm tòi tri thức liên quan đến bài học. Nếu giảng viên không đặt vấn đề, nêu vấn đề, định hướng nội dung cũng như gợi mở, hỗ trợ hướng dẫn và kiểm tra đánh giá sát sao thì người học sẽ không chủ động tự học. Việc hình thành thói quen tự học chịu ảnh hưởng nhiều từ giảng viên. Bởi, suy ra cả quá trình học của người học có đạt được mục tiêu hay không phụ thuộc nhiều vào vai trò của giảng viên. Giảng viên cần đặt ra việc tự học, giao các nội dung để sinh viên tự học, kiểm tra việc tự học và có chế tài nhất định đối với những người không chủ động học. Làm được điều này tức là giảng viên hình thành thói quen tự học cho sinh viên.

4. Giải pháp tăng cường hoạt động tự học của sinh viên khoa QTKD trường Cao đẳng Công thương TP.HCM

4.1. Giải pháp từ sinh viên

Trước hết, cần khẳng định rằng chính bản thân sinh viên đóng vai trò quyết định trong việc nâng cao năng lực tự học của mình. Để có thể nâng cao năng lực tự học cần quan tâm thực hiện tốt những nội dung sau.

Thứ nhất, cần có nhận thức đúng, rõ ràng về mục đích, động cơ học tập: Nhận thức đúng thì hành động mới đúng, vì thế ngay từ đầu sinh viên phải xác định rõ ràng là học để có tri thức và kỹ năng phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp, hoạt động thực tiễn và cuộc sống sau này; đồng thời học ở bậc Cao đẳng, nhất là trong điều kiện đào tạo theo tín chỉ thì tự học là một yêu cầu bắt buộc và đòi hỏi ở mức cao, thiếu nó quá trình học tập khó có thể đạt được kết quả tốt. Từ nhận thức như vậy người học mới có tinh thần tích cực đối với hoạt động tự học và do đó, mới có ý thức thường xuyên nâng cao năng lực tự học của bản thân.

Thứ hai, phải hình thành thói quen học tập tích cực: Việc hình thành thói quen học tập tích cực là rất quan trọng, nó giúp cho quá trình học tập, đặc biệt là tự học diễn ra liên tục và lâu dài. Để có được một thói quen tự học tốt, sinh viên cần: học có chọn lọc, học có đam mê và học có quá trình.

- Học có chọn lọc: Lượng tri thức hiện nay vô cùng phong phú, không một cá nhân nào có thể hấp thụ hết tinh hoa của nhân loại, ngay cả những bậc vĩ nhân cũng vậy. Do đó, sinh viên khi tự học, cần tìm hiểu kỹ, lựa chọn đúng những tri thức và kỹ năng cần được trang bị, tránh cách học dàn trải, hời hợt, cái gì cũng biết nhưng chỉ loáng thoáng, không hiểu rõ bản chất của vấn đề. Mặt khác, trong quá trình tự học, tư duy nên tích cực hoạt động với tinh thần tìm tòi, khám phá cái bản chất, cái mới, hợp lý và giá trị, đặc biệt là có óc phê bình và tán thưởng. Não bộ luôn tư duy và vận động như thế chính là yếu tố giúp việc tự học diễn ra liên tục, lâu dài và không nhàm chán.

- Học có đam mê: Nếu không có đam mê, rất khó để sinh viên hứng thú tiếp tục học hỏi. Một khi có đam mê với môn học hay ngành nghề yêu thích, sinh viên sẽ sẵn sàng dành thời gian tìm hiểu, kiên nhẫn và tập trung vào vấn đề học tập mà bản thân quan tâm. Nhưng làm thế nào để khơi dậy đam mê của sinh viên trong quá trình học tập? Rõ ràng vai trò của việc định hướng môn học, ngành học là rất quan trọng. Nếu như giảng viên thường đưa ra những vấn đề hay và khuyến khích sinh viên tìm hiểu sâu hơn về môn học, thì chắc chắn sẽ kích thích tinh thần học tập của sinh viên hơn. Bên cạnh đó, sinh viên cũng có thể tìm hiểu qua sách và thông qua các buổi tọa đàm, chia sẻ kinh nghiệm để hiểu hơn về bản thân, từ đó xây dựng được đam mê trong học tập của chính mình. Nhờ có đam mê, năng lực tự học sẽ được cải thiện rõ rệt.

- Học có quá trình: Tự học là một quá trình, vì thế nếu như sinh viên xây dựng được một thời gian biểu học tập cụ thể và hợp lý, quá trình tự học sẽ diễn ra thuận lợi, không bị gián đoạn, năng lực tự

học vì thế cũng sẽ được tích lũy dần dần. Ngược lại, nếu sinh viên học không có quy củ hay phân bổ thời gian không hợp lý sẽ gây ra tình trạng mau chán và dễ quên, thói quen tự học sẽ dần dần mai một.

Thứ ba, nâng cao năng lực trí tuệ và tư duy, rèn luyện khả năng tự học: Năng lực trí tuệ và tư duy phụ thuộc không chỉ vào tư chất bẩm sinh mà còn ở việc học tập, rèn luyện tư duy của mỗi người. Vì vậy, cùng với việc quan tâm chăm sóc và bồi dưỡng não bộ, rèn luyện trí nhớ, cần tích cực học tập, thường xuyên rèn luyện tư duy mạch lạc, rõ ràng, chính xác, hệ thống, logic, tư duy phê phán, tư duy sáng tạo, năng lực phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề, tìm ra cái bản chất là hết sức cần thiết để nâng cao năng lực trí tuệ và tư duy, qua đó nâng cao năng lực tự học. Việc rèn luyện khả năng tự học cũng rất quan trọng đối với việc cải thiện năng lực tự học. Việc này có thể thực hiện theo ba cách:

- *Nâng cao khả năng tự học thông qua khả năng tiếp thu bài giảng:* Để có thể tiếp thu bài giảng tốt, sinh viên cần đi học đầy đủ, ghi chép cẩn thận. Trong giờ học cần cố gắng tập trung và tích cực tương tác với giảng viên, luôn đặt câu hỏi khi có thắc mắc. Điều này sẽ giúp sinh viên ghi nhớ lâu hơn, góp phần kích thích tư duy, đặc biệt là tư duy sáng tạo. Năng lực tự học vì thế sẽ dần được nâng cao thông qua sự phát triển của tư duy, của khả năng tiếp thu. Bên cạnh đó, để cải thiện khả năng, tố chất của bản thân, sinh viên cũng có thể tìm đến các khóa học ngắn hạn về kỹ năng hoặc kiến thức để bổ sung những điều cần thiết. Hoặc đơn giản hơn, có thể tham khảo sách và kinh nghiệm từ mọi người cũng như trên mạng Internet hay các kênh báo chí.

- *Nâng cao khả năng tự học thông qua khả năng hiểu và giải quyết vấn đề:* Bậc cao đẳng có lượng kiến thức lớn, nhiều môn, vì thế để quá trình tự học đạt hiệu quả, cần tránh tình trạng học vẹt, thay vào đó là học hiểu với các câu hỏi luôn thường trực trong đầu như: Bản chất là gì? Tại sao lại như vậy? Liệu có thể khác được không?... Thêm nữa, nên tăng cường làm bài tập, nhất là các bài tập tình huống mà giảng viên đề cập, ghi chép các ví dụ, ghi nhớ đề cương, các từ khóa và tập trung suy nghĩ để luôn chủ động và hiểu đúng bản chất.

- *Nâng cao khả năng tự học thông qua việc vận dụng kiến thức vào thực tiễn:* Học không chỉ để biết mà còn để làm và để chung sống. Thành công của việc nâng cao năng lực tự học còn được thể hiện bằng sự tiến bộ của sinh viên trong quá trình vận dụng thực tiễn. Vận dụng thực tiễn không chỉ thể hiện ở việc hoàn thành bài tập mà cao hơn là biến tri thức nhận được trở nên có ích trong đời sống. Tham gia các cuộc thi nghiên cứu khoa học, các cuộc thi do các câu lạc bộ tổ chức, hoặc hoạt động trong các câu lạc bộ chuyên môn cũng chính là cơ hội cho sinh viên thử sức với đam mê và vận dụng kiến thức để khẳng định khả năng học hỏi, sáng tạo, qua đó góp phần kích thích việc tự học của sinh viên. Viết khóa luận, đi thực tập, hay đi làm thêm đúng chuyên môn ở những năm cuối cũng sẽ là những cơ hội để tôi luyện khả năng vận dụng kiến thức vào thực tế.

Thứ tư, rèn luyện kỹ năng tự học với các phương pháp học tập hiệu quả: Trước hết, cần nhận thức rõ ràng để có được kỹ năng tự học tốt, sinh viên cần được trang bị và thực hành tốt các phương pháp học tập cần thiết như: phương pháp tìm tài liệu; đọc tài liệu (đọc lướt, đọc kỹ, đọc nhanh); ghi chép (các loại ghi chép: đề cương, trích dẫn, tóm tắt, tự do cùng với các quy tắc trong ghi chép); nghe giảng; sơ đồ hóa kiến thức; học với giáo trình; học với phương tiện dạy học (các phương tiện nghe, nhìn, tính toán...); học qua việc hỏi và đặt câu hỏi; học qua việc hợp tác với thầy và bạn; học thông qua xêmina; học trên thư viện; học thông qua nghiên cứu khoa học; học khi đi thực tập, thực tế;... Cùng với đó là các phương pháp ghi nhớ thông tin, diễn đạt ý kiến, viết các đoạn văn khoa học; các phương pháp tự kiểm tra, đánh giá;... Đồng thời, sinh viên cũng cần được trang bị và thực hiện tốt các kỹ năng mềm như kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giải quyết vấn đề,...

Mặt khác, cũng cần thấy rằng tự học là một quá trình, do đó để có thể rèn luyện được những kỹ năng tự học cần thiết, cần chú ý trong cả ba giai đoạn: trước, trong và sau quá trình tự học.

- Trước khi tự học, cần tạo điều kiện thoải mái về không gian học tập. Sẽ rất khó khăn cho hoạt động tự học nếu phải học tập trong một môi trường không đảm bảo những yếu tố cần thiết về phương tiện vật chất, an ninh và văn minh. Lựa chọn không gian học tập phù hợp, thuận lợi, có đầy đủ nguồn tài liệu là một điều cần thiết đối với người học, nhưng cần thiết hơn nữa là phải duy trì được sự trật tự, ngăn nắp và xây dựng được các mối quan hệ tích cực với mọi người xung quanh để năng lực tự học phát triển. Cùng với đó, phải định trước những mục đích, kết quả và thời gian cụ thể để thực hiện.

- Trong khi tự học, cần tập trung tinh thần cao độ, đọc, suy ngẫm để hiểu bản chất vấn đề và ghi chép một cách khoa học phù hợp với mục đích đặt ra. Hoạt động này sẽ giúp ghi nhớ tốt hơn, tư duy nhanh nhẹn và mạch lạc. Cần áp dụng các phương pháp học tập phong phú, đa dạng, phù hợp và thường xuyên thay đổi. Ví dụ như các cách học về sơ đồ tư duy, học theo mẹo,... sẽ giúp ghi nhớ nhanh chóng một lượng kiến thức lớn, thích hợp với môn học nặng lý thuyết, hoặc học vào thời gian trước khi thi. Nên phân loại các môn học để đưa ra cách học hợp lý nhất. Chẳng hạn, đối với các môn đại cương, cần dành nhiều thời gian đọc và ngẫm nghĩ vì các môn học này có nhiều kiến thức trừu tượng, song lại là những kiến thức cơ bản, có tính nền tảng. Đối với các môn chuyên ngành, nên thường xuyên cập nhật các tình huống và case study để áp dụng; đồng thời tăng cường vận dụng vào thực tiễn để hiểu sâu vấn đề và bước đầu tích lũy kinh nghiệm cho công việc sau này. Nói chung, để tự học có hiệu quả nên học với tinh thần chủ động, đọc trước bài giảng trong giáo trình, tích cực chuẩn bị cho thảo luận, làm bài tập đầy đủ,... trước khi lên lớp.

- Sau khi tự học, để giải đáp những thắc mắc hay mở rộng kiến thức, sinh viên cần trao đổi và hỏi lại bạn bè, giảng viên để nắm bắt và chốt lại những nội dung cơ bản nhất.

Thứ năm, lập kế hoạch học tập hợp lý, chăm sóc và rèn luyện não bộ, để năng lực tự học được duy trì và phát triển, vấn đề sức khỏe của người học cần được đảm bảo. Điều này đòi hỏi sinh viên phải biết lập kế hoạch, phân bổ và quản lý thời gian hợp lý, khoa học, hiệu quả cho công việc học tập bên cạnh các hoạt động cá nhân cũng như kết hợp với thư giãn tinh thần; thường xuyên luyện tập cơ thể, thực hiện lối sống lành mạnh, tích cực. Mặt khác, nên tăng cường bồi dưỡng và rèn luyện não bộ để não bộ thường xuyên ở trạng thái khỏe mạnh và hưng phấn, duy trì tâm trạng tốt, hứng thú, say mê với hoạt động tự học, tự nghiên cứu.

4.2.Nhóm giải pháp từ phía giảng viên

❖Giải pháp từ thầy cô giảng dạy

Giảng viên là nhân tố rất quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp tới việc hình thành và phát triển năng lực tự học của sinh viên. Vì thế, nhóm giải pháp này đề cập những nội dung làm tăng hiệu quả quá trình tương tác giữa thầy và trò, nhờ đó giảng viên không chỉ mang đến cho sinh viên kiến thức mà còn cả động lực và phương pháp phù hợp để họ học hỏi và áp dụng trong quá trình nâng cao năng lực tự học của bản thân.

Một là, kiến thức là yếu tố quan trọng hàng đầu trong quá trình tương tác giữa thầy và trò. Do đó, giảng viên phải thường xuyên nâng cao chất lượng bài giảng, thể hiện ở nội dung học thuật và tính cập nhật của kiến thức chuyên môn cũng như thực tiễn.

Hai là, áp dụng tốt các phương pháp giảng dạy tích cực, phù hợp với đặc thù môn học và khai thác có hiệu quả các phương tiện giảng dạy hiện đại. Thực tiễn giảng dạy cho thấy, đối với các ngành thuộc khoa học xã hội, để giờ giảng đạt được hiệu quả và góp phần nâng cao năng lực tự học của sinh viên, phải sử dụng tổng hợp nhiều phương pháp như: thuyết trình, nêu vấn đề, gợi mở, tạo tình huống, người học cùng tham gia,... Tuy nhiên, thuyết trình vẫn là phương pháp chủ đạo, nhưng phải là thuyết trình có đổi mới, cách tân theo hướng kích thích tính tích cực, sáng tạo của người học, buộc người học phải luôn động não, nghĩa là trong thuyết trình có nêu vấn đề, phát vấn, tạo tình huống,... để người học suy nghĩ, tự lý giải, tự liên hệ, vận dụng vào thực tiễn, qua đó tạo hiệu ứng tốt cho lớp học và năng lực tự học của sinh viên cũng được trực tiếp bồi đắp. Cũng cần lưu ý rằng, việc lựa chọn, sử dụng những phương pháp nào và mức độ sử dụng ra sao tùy thuộc vào nội dung và đặc điểm môn học (thậm chí phụ thuộc vào từng bài trong môn học), vào mục tiêu mà chủ thể giảng dạy đặt ra, vào đối tượng người học và điều kiện, phương tiện vật chất cần thiết phục vụ cho quá trình dạy và học. Mặt khác, cần nhận thức rõ rằng, dù áp dụng phương pháp giảng dạy nào thì cũng phải nhằm đạt được mục tiêu là giúp cho người học dễ hiểu bài, nắm được bản chất của vấn đề và đặc biệt là kích thích được tư duy sáng tạo, tính tích cực và năng lực tự học của họ. Ngoài ra, cần tăng cường dạy sinh viên cách học, có cách dạy để sinh viên buộc phải tích cực tự học và kiểm tra sát sao việc tự học của sinh viên.

Ba là, tăng cường tổ chức cho sinh viên thảo luận, đảm bảo đủ thời lượng theo qui định. Đây là một hình thức dạy và học tích cực thông qua trao đổi, chất vấn, đối thoại giữa giảng viên với sinh viên, giữa sinh viên với sinh viên, qua đó giúp sinh viên nắm kiến thức lý thuyết và thực tiễn của môn học tốt

hơn, nhất là buộc sinh viên phải tăng cường hoạt động tự học, tự nghiên cứu để phục vụ cho việc thảo luận. Trong trường hợp thảo luận nhóm, giảng viên nên chia nhóm nhỏ và hoạt động với cường độ cao (cho nhiều câu hỏi cùng một lúc để mọi người cùng tham gia) để tất cả sinh viên đều động não, tích cực tìm hiểu và nghiên cứu. Đồng thời, thực hiện hình thức sinh viên thuyết trình những phần giảng viên không giảng. Hình thức này giúp cho năng lực tự học của sinh viên được cải thiện rõ rệt vì sinh viên phải tự nghiên cứu, hiểu rõ vấn đề và tự trình bày. Tuy nhiên, hạn chế của nó là không đủ thời gian cho tất cả sinh viên và thường chỉ những sinh viên đã có năng lực thực hiện. Để giải quyết tình trạng này, giảng viên nên yêu cầu bài thuyết trình ngắn gọn, súc tích và đặt câu hỏi tương tác với các sinh viên không có cơ hội thuyết trình,... Trong thảo luận, thuyết trình, giảng viên cần khuyến khích chất vấn, tranh luận, lôi cuốn sự tham gia đông đảo của sinh viên; có nhận xét, đánh giá tinh thần làm việc, chất lượng bài thảo luận, thuyết trình...; khích lệ, động viên đúng mức, tạo động lực (cộng điểm cho sinh viên chẳng hạn) để gia tăng tinh thần học tập của sinh viên.

Bốn là, tích cực hướng dẫn sinh viên viết tiểu luận môn học, làm các bài tập lớn. Hình thức này có tác dụng giúp sinh viên làm quen với nghiên cứu khoa học, hiểu sâu hơn những vấn đề cơ bản của môn học, bước đầu biết gắn lý luận với thực tiễn, góp phần rèn luyện kỹ năng viết của sinh viên. Để làm tiểu luận và các bài tập lớn, sinh viên phải thu thập và xử lý thông tin, phải đọc, phải viết, nghĩa là phải sử dụng các phương pháp học tập và nghiên cứu khoa học, qua đó góp phần nâng cao năng lực tự học.

Năm là, thông qua hoạt động giảng dạy, giảng viên cần làm cho sinh viên có nhận thức đúng về vai trò to lớn của hoạt động tự học, tự nghiên cứu và truyền đam mê cho họ.

Đồng thời, chủ động và tích cực hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu, đây là một nhiệm vụ mà giảng viên phải thực hiện khi áp dụng đào tạo theo tín chỉ. Ngay từ buổi lên lớp đầu tiên, giảng viên cung cấp cho sinh viên đề cương môn học; nêu rõ những nội dung sinh viên tự học, tự nghiên cứu; giới thiệu tài liệu học tập; có biện pháp thường xuyên kiểm tra, đánh giá hoạt động tự học của sinh viên (một trong những biện pháp đó là các vấn đề thảo luận, đề kiểm tra, đề thi luôn có những nội dung giao cho sinh viên tự học, tự nghiên cứu), qua đó buộc họ phải tự giác trong công việc tự học, tự nghiên cứu.

Sáu là, đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo quá trình, gồm đánh giá việc học tập trên lớp và thông qua các bài thi, kiểm tra, tiểu luận. Dù thi dưới hình thức nào thì trong đề thi, đề kiểm tra luôn có 2 phần: kiến thức môn học và liên hệ, vận dụng vào thực tiễn. Theo đó, khi đánh giá bài thi, bài kiểm tra, không dừng lại ở việc xem xét mức độ thuộc bài của người học, mà phải nhìn nhận và đánh giá cao sự hiểu biết bản chất vấn đề, năng lực tư duy và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, nhất là những kiến thức mà người học có được nhờ việc tự học, tự nghiên cứu.

❖ Giải pháp từ thầy cô cố vấn học tập

Trước hết, CVHT là người giúp sinh viên hiểu rõ hơn ngành học mà sinh viên đã lựa chọn, giúp sinh viên khẳng định lại quyết định lựa chọn ngành nghề mà trước đây do thiếu thông tin có thể họ chưa thật hiểu hết những ngành nghề mà họ đã chọn. CVHT làm cho sinh viên hiểu rõ hơn ngành nghề tương lai của mình, những đặc thù nghề nghiệp, cơ hội việc làm trong tương lai và cả những phẩm chất cần có để hành nghề được thuận lợi nhất để tạo động lực cho SV. CVHT giúp sinh viên ổn định tâm lý, chuẩn bị tâm thế cho một chương trình học tập của sinh viên trong trường Đại học.

Thứ hai, CVHT giúp sinh viên xây dựng định hướng và kế hoạch học tập, trong đó CVHT phải giúp sinh viên hiểu rõ mục tiêu, nội dung, chương trình môn học, lộ trình học tập của các giai đoạn, các năm học. CVHT tư vấn giúp sinh viên hiểu rõ mục tiêu của từng môn học, những điều kiện tiên quyết khi lựa chọn môn học và xác định môn nào học trước, môn nào học sau và những nội dung cần giải quyết để hoàn thành tốt nhất môn học. Nếu CVHT là giảng viên trực tiếp giảng dạy các môn học cụ thể của nhóm hay lớp mình làm cố vấn thì có thể tư vấn cho sinh viên những vấn đề cụ thể hơn như xác định những vấn đề nào cần giải quyết ở trên lớp, vấn đề nào làm việc theo nhóm, vấn đề nào sinh viên tự học ở nhà và hướng dẫn những hoạt động tự học cho sinh viên...

Thứ ba, CVHT là người hướng dẫn sinh viên lựa chọn và tìm kiếm các phương tiện học tập, các nguồn tài liệu tham khảo phục vụ cho học tập một cách có hiệu quả. Hơn ai hết CVHT cũng là các giảng viên nắm rõ tình hình trang thiết bị, phòng thí nghiệm và các nguồn tài liệu phục vụ học tập của cơ sở đào tạo rõ nhất, vì vậy họ sẽ là người tư vấn, hướng dẫn tốt nhất cho sinh viên trong quá trình học tập ở

trên lớp và tự học ở nhà. CVHT giúp sinh viên rút ngắn quá trình tìm kiếm tài liệu và lựa chọn những tài liệu đáng tin cậy nhất để học tập và tham khảo. CVHT cũng có thể là người trọng tài phân xử những tranh luận của sinh viên trong việc lựa chọn tài liệu, phương tiện học tập.

Thứ tư, đội ngũ CVHT là người theo dõi sự tiến bộ trong quá trình học tập của sinh viên và kế hoạch, tiến độ học tập của sinh viên. CVHT không chỉ kiểm tra quá trình học tập ở trên lớp mà còn kiểm tra quá trình tự học của sinh viên, kịp thời uốn nắn những lệch lạc trong học tập và thực hiện kế hoạch, tiến độ học tập của sinh viên, kịp thời đưa ra những lời khuyên bổ ích, giúp sinh viên tự điều chỉnh những lệch lạc có thể xảy ra.

Thứ năm, với sự gần gũi với sinh viên, hiểu rõ tâm tư, nguyện vọng của họ, CVHT có thể là người mà sinh viên tin cậy để tư vấn cho họ những vấn đề trong cuộc sống, là tấm gương để thực hiện nhiệm vụ giáo dục đạo đức cho sinh viên, thực hiện nhiệm vụ giáo dục toàn diện trong đào tạo của nhà trường.

4.3.Nhóm giải pháp từ phía Nhà trường, Đoàn thanh niên và Hội sinh viên

Đối với Nhà trường, trước hết cần tiếp tục hoàn thiện phương thức đào tạo theo tín chỉ; tổ chức những hội thảo khoa học, những buổi tọa đàm, trao đổi xoay quanh vấn đề nâng cao năng lực tự học của sinh viên, qua đó giúp sinh viên có thể học hỏi được những phương pháp và kinh nghiệm để vận dụng vào quá trình tự học của bản thân. Đồng thời, tiếp tục hoàn thiện và phát triển hệ thống học trực tuyến cả về nội dung và hình thức, bảo đảm tính chính xác, hệ thống, logic, phong phú và cập nhật; nhà trường thành lập website E-learning để sinh viên dễ tiếp cận tức là biến việc học trực tuyến trở thành phổ cập như học trên lớp. Để thu hút nhiều sinh viên hơn tham gia vào website, phát huy được tính tự học, tự nghiên cứu của họ, nên đưa ra các câu hỏi, bài tập mang tính thử thách, tổ chức những cuộc thi trên trang và có thưởng.

Mặt khác, tăng cường hỗ trợ sinh viên về mặt tài liệu học tập bằng cách tiếp tục phát triển hệ thống thư viện đọc và thư viện online với nguồn tài liệu phong phú và cập nhật, khai thác thuận tiện và dễ dàng, đáp ứng được nhu cầu học tập của sinh viên. Cùng với đó, hỗ trợ sinh viên về mặt cơ sở vật chất, trang thiết bị, môi trường học tập thông qua việc tiếp tục mở rộng không gian tự học (phòng đọc, phòng tự học,...) với môi trường yên tĩnh, tiện nghi và học thuật cần thiết; nâng cấp hệ thống trang thiết bị, bảo đảm hệ thống wifi, phòng máy dành cho tra cứu trực tuyến,... luôn vận hành tốt. Ngoài ra, có các chính sách, hoạt động cổ vũ phong trào tự học trong sinh viên, động viên, khen thưởng những tấm gương tự học. Tất cả những điều này sẽ tạo ra một môi trường thuận lợi cho hoạt động tự học, tự nghiên cứu của sinh viên, thu hút họ đến với không gian học tập, nghiên cứu của Nhà trường nhiều hơn, qua đó góp phần nâng cao năng lực tự học của sinh viên.

Đối với Đoàn thanh niên và Hội sinh viên, trước hết cần quan tâm giúp sinh viên có được những nhận thức đúng đắn về mục đích học tập, về sự cần thiết phải tăng cường tự học ở bậc đại học, về những tác động nhiều mặt của môi trường xung quanh đến sinh viên khi phần đông họ phải sống xa nhà. Đó là, góp phần định hướng cho sinh viên xây dựng lộ trình học tập hướng tới công việc trong tương lai và đáp ứng yêu cầu xã hội; tổ chức các hội thảo, các lớp học, các sinh hoạt câu lạc bộ, các buổi trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm,... về các kỹ năng mềm, về kiến thức chuyên môn, về phương pháp cũng như kinh nghiệm học tập và nghiên cứu khoa học, từ đó định hướng, truyền cảm hứng đến sinh viên qua những tấm gương thành công bằng việc tự học, tự nghiên cứu. Cùng với đó, tạo ra sân chơi, môi trường, kể cả môi trường cạnh tranh (cạnh tranh cá nhân, cạnh tranh nhóm trong lớp hoặc trong câu lạc bộ, hay rộng hơn là toàn trường,...) để sinh viên học tập, rèn luyện, góp phần nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu. Ví như: phát động phong trào tự học trong sinh viên; thành lập các nhóm bạn cùng tiến và thi đua với nhau để kích thích quá trình tương tác, tự học có hiệu quả hơn và trở thành một thói quen tốt trong sinh viên; các câu lạc bộ tích cực tổ chức các cuộc thi chuyên môn;... Những hoạt động này không chỉ giúp sinh viên mở mang kiến thức và rèn luyện kỹ năng mà còn kích thích họ có thêm hứng thú và động lực đối với hoạt động tự học, tự nghiên cứu.

5.KẾT LUẬN

Hoạt động tự học của sinh viên là một đòi hỏi thiết yếu, có vai trò đặc biệt quan trọng trong phương thức đào tạo theo tín chỉ. Kết quả và hiệu quả của hoạt động tự học phụ thuộc chủ yếu vào năng lực tự học của bản thân người học. Tuy nhiên, năng lực tự học lại chịu sự tác động của các yếu tố bên trong thuộc về bản thân người học cũng như các yếu tố bên ngoài như sự giảng dạy của giảng viên, nhà trường, gia đình, xã hội, môi trường xung quanh,... Vì vậy, nâng cao năng lực tự học của sinh viên chính là nâng cao các yếu tố thuộc nội hàm khái niệm năng lực tự học và nâng cao tính tích cực của các yếu tố tác động đến năng lực tự học của sinh viên. Để nâng cao năng lực tự học của sinh viên Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM, cần thực hiện đồng bộ hàng loạt các giải pháp từ phía bản thân sinh viên đến phía giảng viên, Nhà trường, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, gia đình và xã hội, trong đó bản thân sinh viên giữ vai trò quyết định. Hạn chế bài viết này còn mang tính chủ quan của tác giả, chưa có khảo sát sinh viên để làm cơ sở cho giải pháp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đinh Thị Hoa và các cộng sự (2018), Thực trạng hoạt động tự học của sinh viên trường đại học Hoa Lư, Ninh Bình. *Tạp chí Giáo dục*, Số 443 (Kì 1 - 12/2018), tr 22-25
- [2] Phan Thị Tố Oanh và Lê Thị Thương (2020), Thực trạng kỹ năng tự học của sinh viên trường đại học công nghiệp thành phố hồ chí minh đáp ứng yêu cầu cách mạng công nghiệp 4.0. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, Số 43B, 2020
- [3] Nguyễn Thạc San (2014), Quản trị chất lượng tự học của sinh viên một giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục đại học Việt Nam. *Hội thảo khoa học Giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục đại học và cao đẳng Việt Nam. Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh*
- [4] Nguyễn Thị Thu An và các cộng sự (2016), Những nhân tố ảnh hưởng kết quả học tập của sinh viên năm 1-2 trường đại học kỹ thuật - công nghệ cần thơ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*
DOI:10.22144/ctu.jvn.2016.560

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG CỐ VẤN HỌC TẬP (CVHT) GÓP PHẦN TĂNG TỶ LỆ TỐT NGHIỆP CỦA SINH VIÊN KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH (QTKD)

Đinh Thị Diệu Thuý

Tóm tắt

Đảm bảo sinh viên (SV) tốt nghiệp đúng hạn là một trong những mục tiêu quan trọng của bất kỳ cơ sở giáo dục nào. Trong những năm gần đây, tỷ lệ SV nghỉ học, tốt nghiệp trễ hạn tại Khoa QTKD – Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh có xu hướng tăng, trở thành vấn đề cấp thiết cần giải quyết. Bên cạnh nâng cao chất lượng dạy và học, công tác CVHT cũng đóng một vai trò không nhỏ trong việc giúp SV hoàn thành các kế hoạch học tập và tốt nghiệp ra trường như mong muốn. Bài viết này phân tích vai trò của CVHT nói chung, thực trạng công tác CVHT tại Khoa QTKD nói riêng, cũng như đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động CVHT góp phần tăng tỷ lệ tốt nghiệp cho SV.

1. Đặt vấn đề

Kể từ năm 2015, khi Luật Giáo dục nghề nghiệp có hiệu lực, tất cả các trường Cao đẳng trong cả nước thuộc hệ thống Giáo dục nghề nghiệp, không còn thuộc hệ thống Giáo dục đại học như trước đây nữa. Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh đang đào tạo theo hệ thống tín chỉ theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và đào tạo thì chuyển sang đào tạo theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Mặc dù có nhiều khác biệt so với trước kia, nhưng trường vẫn tiếp tục theo hệ thống tín chỉ, có nghĩa là người học được chủ động lựa chọn và tích lũy đủ các mô-đun hoặc tín chỉ theo quy định thì được tốt nghiệp ra trường.¹ Để phát huy tính chủ động của người học, vai trò hướng dẫn, tư vấn của CVHT là vấn đề quan trọng hàng đầu.

Tuy vậy, hiện nay các văn bản pháp luật quy định về CVHT còn quá ít, nhận thức của các cơ sở giáo dục về CVHT vẫn chưa đầy đủ, và thực tế đội ngũ CVHT vẫn chưa phát huy được hết vai trò của mình trong quá trình đào tạo, đồng thời hỗ trợ SV đạt được mục tiêu quan trọng khi vào trường, đó là tốt nghiệp đúng thời hạn.

2. Cơ vấn học tập và quy định về công tác CVHT tại Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh

2.1. Khái quát về Cơ vấn học tập

Theo tác giả Terry L. Kuhn trong cuốn *Academic Advising, A Comprehensive Handbook (Chapter one)*, thì lịch sử hoạt động *Academic advising* (cố vấn học tập) được chia thành 3 giai đoạn:

Giai đoạn đầu tiên từ năm 1636 đến khoảng 1870: giáo dục đại học trước khi hoạt động cố vấn học tập được định nghĩa. Thời kỳ này tất cả SV học chung các khoá học, không có các môn học tự chọn. Các trường đại học nhỏ không có các bộ phận chuyên môn phục vụ sinh viên, không có các quản trị viên, thư ký hay nhân viên tạp vụ. Hiệu trưởng và các giảng viên chịu trách nhiệm về tất cả các vấn đề trong học tập và cuộc sống của các sinh viên.

Vào những năm 1870, sự ra đời của các môn tự chọn trong chương trình học đã làm nảy sinh nhu cầu phải có các những người cố vấn (*advisors*) để hướng dẫn sinh viên theo đuổi thành công con đường mà họ đã chọn. Ngoài ra, chương trình giảng dạy mở rộng hơn đòi hỏi sự chuyên môn hóa của giảng viên, các khoa chuyên ngành ngoài các giảng viên về học thuật, còn có các nhân viên phục vụ. Các trách nhiệm truyền thống của đội ngũ giảng viên dần dần được tách ra, hình thành các vai trò và vị trí mới, một trong số đó là Cố vấn học tập (*Academic advisor*).²

Giai đoạn thứ hai từ năm 1870 đến khoảng 1970: cố vấn học tập (*Academic advising*) trở thành hoạt động đã được định nghĩa nhưng chưa được kiểm tra. Từ những năm 1870 hệ thống giáo dục đại học Hoa kỳ đã bắt đầu có những khoá học thực hành như là những khoá học thay thế cho các khoá học truyền thống. Nhiều trường Đại học bắt đầu thành lập các đội ngũ cố vấn học tập với nhiều tên gọi khác nhau như: *Board of Freshman Advisers* – *Hội đồng cố vấn cho SV năm nhất* (Đại học Harvard) hoặc *faculty advisors* – *giảng viên cố vấn* (Đại học Johns Hopkins).³ Sau đó, hàng loạt các trường Đại học khác cũng hình thành các hệ thống cố vấn. Cùng với học thuyết lấy người học làm trung tâm (*student-centered philosophy*), Hội đồng giáo dục Hoa Kỳ xuất bản ấn phẩm *Student Personnel Point of View*

¹Khoản 2 Điều 2 Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH

²Virginia N. Gordon, *Academic Advising, A Comprehensive Handbook*, p4-5

³Virginia N. Gordon, *Academic Advising, A Comprehensive Handbook*, p5

(SPPOV) đã thiết lập tính hợp pháp của cố vấn học tập bên cạnh các hoạt động tư vấn cá nhân, hướng nghiệp, giới thiệu việc làm trong giáo dục đại học.

Giai đoạn thứ ba từ những năm 1970 cho đến nay: cố vấn học tập (*Academic advising*) là hoạt động đã được định nghĩa và kiểm tra. Từ 1970 cố vấn học tập không chỉ rất phổ biến trong các trường Đại học, mà nó còn là hoạt động được kiểm tra, đánh giá. Đặc biệt, Hiệp hội cố vấn học tập quốc gia (NACADA) được thành lập và nhiều bài nghiên cứu khoa học về CVHT được xuất bản. Tác giả Habley còn mô tả và giới thiệu các mô hình và sự phát triển các thể chế CVHT khác nhau.

Về vai trò của CVHT, mỗi trường trình bày một cách hiểu khác nhau và thường công khai rõ ràng trên cổng thông tin của trường hoặc của Trung tâm cố vấn học tập của trường đó. Song hầu hết các trường đều khẳng định các CVHT có vai trò chủ yếu là giúp SV các vấn đề sau đây:

- Hiểu về chương trình đào tạo nhằm đạt được các mục tiêu nghề nghiệp/ học tập của SV
- Xác định được các yêu cầu của chương trình đào tạo và lập kế hoạch học tập phù hợp
- Thay đổi kế hoạch học tập
- Khám phá các cơ hội nghề nghiệp/ kế hoạch chuyển trường và mối quan hệ của chúng với chương trình/ khóa học
- Kết nối với các nguồn lực thích hợp khác⁴

Hoặc Trung tâm cố vấn học tập của trường Đại học Iowa xác định:

Cố vấn học tập cung cấp sự hỗ trợ tư vấn chuyên sâu thông qua việc liên hệ thường xuyên với những người được cố vấn. Các cố vấn giúp sinh viên khám phá sở thích học tập của mình, xác định các nguồn thông tin bổ sung và hỗ trợ, phát triển các kế hoạch học tập phù hợp với mục tiêu giáo dục của họ. Các cố vấn học tập cũng giới thiệu sinh viên đến các phòng ban khác của trường để được hỗ trợ thêm các vấn đề về học thuật, cá nhân, tư vấn nghề nghiệp; phát triển kỹ năng học tập; và hỗ trợ tài chính.⁵

Như vậy, hoạt động CVHT ở Hoa Kỳ đã trải qua một chặng đường dài hình thành và phát triển. Mặc dù tên gọi không hoàn toàn giống nhau, cách định nghĩa khác nhau, nhưng nhìn chung, các Cố vấn học tập thường được gọi là *Academic advisor*, và được hiểu là một thành viên của khoa, người hỗ trợ và tư vấn cho sinh viên về các vấn đề học tập.⁶

Ở Việt Nam, CVHT xuất hiện gắn liền với học chế tín chỉ, trở thành nhân tố đặc biệt quan trọng, không thể thiếu trong đào tạo theo học chế tín chỉ. Thuật ngữ cố vấn học tập cũng đã được ghi nhận chính thức trong các văn bản pháp luật. Cụ thể, trong Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo có quy định như sau:

⁴<https://www.tompkinscortland.edu/academics/academic-advisors-roles-and-responsibilities>

⁵<https://advisingcenter.uiowa.edu/what-we-do>

⁶Từ điển Collins dictionary: <https://www.collinsdictionary.com/dictionary/english/academic-advisor>

Cố vấn học tập: Căn cứ Điều kiện cụ thể, Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học hoặc Trường khoa phân công giảng viên kiêm nhiệm công tác cố vấn học tập cho sinh viên để tư vấn, hướng dẫn sinh viên thực hiện tốt quy chế, quy định về đào tạo. Cơ sở giáo dục đại học có thể phân công một giảng viên kiêm nhiệm công tác cố vấn học tập và chủ nhiệm lớp sinh viên.⁷

Theo nghiên cứu của tác giả, đây là quy phạm pháp luật quy định rõ nhất về CVHT. Ngoài quy định này, có một số điều luật có đề cập đến CVHT nhưng không định nghĩa thế nào là CVHT, ví dụ như điểm c khoản 2 Điều 7, khoản 6 Điều 10, điểm b khoản 2 Điều 11 Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT. Kể cả văn bản đang điều chỉnh hoạt động đào tạo trong các trường Cao đẳng, Trung cấp hiện nay như Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH cũng không quy định về CVHT.

Từ quy định Khoản 3 Điều 19 Quy chế công tác sinh viên ban hành kèm Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT trên, hầu hết các trường Đại học, Cao đẳng trong cả nước đều bổ nhiệm các CVHT, xây dựng Quy chế về CVHT, và nêu khái niệm cũng như chức năng, nhiệm vụ của CVHT khác nhau. Tuy nhiên, hầu hết các trường đều có cách hiểu chung về CVHT, đó là *những người tư vấn, hướng dẫn sinh viên thực hiện tốt quy chế, quy định về đào tạo*.

2.2. Quy định về công tác CVHT tại Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh

Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh bắt đầu đào tạo theo hệ thống tín chỉ từ năm 2010 và đã đưa công tác cố vấn học tập vào hoạt động từ rất sớm. Ban đầu, mỗi khoa chỉ cử một vài giảng viên vào ban cố vấn. Những giảng viên này sẽ cố vấn cho số lượng lớn tất cả SV trong khoa. Chính vì vậy, hoạt động CVHT chưa thực sự hiệu quả, nhiều SV ra trường mà vẫn không biết CVHT của mình là ai. Đến ngày 15 tháng 11 năm 2017, nhà trường ra Quyết định số 429/QĐ-CDCT ban hành Quy định về Công tác CVHT đồng thời thành lập Ban CVHT. Đây cũng là văn bản quan trọng nhất quy định về CVHT tại Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay.

Theo Quy định về Công tác CVHT của trường, *Cố vấn học tập là người được Hiệu trưởng bổ nhiệm để đảm nhận công việc tư vấn và hỗ trợ sinh viên phát huy tối đa khả năng học tập, nghiên cứu khoa học và định hướng nghề nghiệp; thực hiện công tác quản lý sinh viên của lớp học chuyên ngành được phân công*.⁸

Như vậy, so với quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo, Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh đã mở rộng vai trò của CVHT. Ngoài vai trò *tư vấn, hướng dẫn sinh viên thực hiện tốt quy chế, quy định về đào tạo* của CVHT nói chung, CVHT tại trường còn có vai trò *quản lý sinh viên* của Chủ nhiệm lớp sinh viên được quy định tại khoản 2 Điều 19 Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT.

⁷Khoản 3 Điều 19 Quy chế công tác sinh viên ban hành kèm Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT

⁸Khoản 3 Điều 3 Quy định về Công tác CVHT

Mặc dù vai trò của *Chủ nhiệm lớp* và *Cố vấn học tập* trên thực tế là khác nhau theo quy định tại Quy chế công tác sinh viên ban hành kèm theo Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT, tuy vậy trên thực tế Thông tư này cho phép giảng viên kiêm nhiệm công tác CVHT và chủ nhiệm lớp sinh viên.

Về nhiệm vụ của CVHT, Quy định của nhà trường chia làm ba vấn đề chính, cụ thể như sau:

1. Nhiệm vụ chung

- a. Thực hiện theo kế hoạch và các chương trình do Ban cố vấn học tập ban hành.
- b. Xây dựng kế hoạch hoạt động theo năm học và tổ chức sinh hoạt lớp định kỳ theo thời khóa biểu do Phòng Quản lý đào tạo sắp xếp;
- b. Tổ chức bình bầu và phê chuẩn danh sách Ban cán sự lớp;
- c. Đề nghị khen thưởng sinh viên có thành tích xuất sắc trong học tập và rèn luyện, kiến nghị kỷ luật sinh viên theo Quy định của Trường;
- d. Chủ động, sáng tạo, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, tư vấn, hướng dẫn sinh viên nhằm tạo điều kiện giúp đỡ sinh viên hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập của mình;
- e. Tham gia các cuộc họp, tập huấn về công tác cố vấn học tập theo yêu cầu của trường;
- f. Nắm vững mục tiêu, chương trình đào tạo, các hình thức đào tạo, các quy định liên quan đến công tác đào tạo và quản lý sinh viên;
- g. Báo cáo định kỳ bằng văn bản (hoặc email) với trưởng Ban cố vấn học tập sau mỗi lần sinh hoạt lớp định kỳ theo lịch do phòng Quản lý Đào tạo sắp xếp.

2. Tư vấn, hỗ trợ sinh viên

- a. Tổ chức triển khai thực hiện các quy chế, quy định về học chế tín chỉ, về quyền và nghĩa vụ của sinh viên;
- b. Tư vấn cho sinh viên phương pháp học ở bậc cao đẳng, phương pháp tự học và kỹ năng nghiên cứu khoa học, kỹ năng thu thập, xử lý thông tin, tài liệu học tập; hỗ trợ sinh viên xây dựng kế hoạch, phương pháp học tập phù hợp với mục tiêu và năng lực;
- c. Hướng dẫn cho sinh viên hiểu rõ về chương trình đào tạo, cách lựa chọn các môn học đăng ký học ở các học kỳ, tuân thủ các điều kiện học trước của từng môn học, quy trình, thủ tục đăng ký môn học, hủy đăng ký môn học và các vấn đề học vụ khác;
- d. Thảo luận và trợ giúp sinh viên trong việc lựa chọn nơi thực tập, lựa chọn đề tài khóa luận, tiểu luận, đề tài nghiên cứu khoa học phù hợp với năng lực, nguyện vọng và định hướng nghề nghiệp của sinh viên;
- e. Lưu ý sinh viên về sự cố gắng học tập khi thấy kết quả học tập của họ giảm sút.

3. Công tác quản lý sinh viên

a. Theo dõi, đánh giá ý thức, kết quả học tập của sinh viên; tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên;

b. Thống kê, cập nhật sĩ số sinh viên của lớp 1 lần/tháng. Tìm hiểu nguyên nhân sinh viên bỏ học, vắng học thường xuyên (nếu có), báo cáo cho Ban cố vấn và phụ huynh để có biện pháp xử lý kịp thời.⁹

Có lẽ do xuất phát từ quan điểm của nhà trường, thực hiện kiêm nhiệm công tác *cố vấn học tập* và công tác *chủ nhiệm lớp*, vì thế rất nhiều SV, thậm chí các GV và các phòng ban đã nhầm lẫn vai trò của CVHT với các giáo viên chủ nhiệm. Không những thế, trên thực tế các CVHT còn phải thực hiện những công việc nằm ngoài nhiệm vụ được quy định, và không đúng chức năng cốt lõi của một CVHT. Ví dụ như:

- Gia hạn học phí cho SV
- Kiểm tra thông tin đóng học phí cho SV
- Đăng ký môn học, huỷ môn học cho SV
- Thu Hồ sơ nhập học của SV

...vv

Như vậy, ngoài các nhiệm vụ mang tính hành chính như báo cáo, tham gia cuộc họp, thực hiện kế hoạch của Ban cố vấn,... nhiệm vụ của các CVHT chủ yếu gồm các lĩnh vực sau:

- Cố vấn học tập: tư vấn, hướng dẫn SV thực hiện quy chế đào tạo
- Quản lý sinh viên: thống kê sĩ số, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện
- Là cầu nối giữa SV với các phòng ban, nhà trường
- Tư vấn, hỗ trợ cho SV các vấn đề khác trong cuộc sống

3. Thực trạng công tác CVHT tại khoa QTKD hiện nay

Khoa QTKD hiện nay có tất cả 19 giảng viên đang phụ trách công tác CVHT. Các CVHT của khoa chủ yếu có trình độ thạc sỹ (84,2%), tiến sỹ (0,05%) và cử nhân (17,75%). Tất cả các CVHT đều có ít nhất 2 năm tham gia giảng dạy hoặc tham gia hoạt động quản lý đào tạo tại trường và đã được tập huấn về các quy chế, quy định liên quan đến đào tạo theo học chế tín chỉ, về công tác sinh viên, chế độ chính sách đối với sinh viên.

Do số lượng SV khoa QTKD quá đông nên hiện nay toàn khoa có tất cả 134 lớp chuyên ngành. Trừ các lớp Chất lượng cao, hầu hết các lớp chuyên ngành này sẽ được ghép với một lớp khác thành một lớp lớn. Tổng cộng hiện nay 19 CVHT của khoa phải phụ trách đến 71 lớp lớn, như vậy trung bình mỗi CVHT phụ trách 3,7 lớp lớn, tức là vượt quá yêu cầu của nhà trường là chỉ được phụ trách tối đa 02 lớp chuyên ngành.

⁹Điều 6 Quy định về Công tác CVHT

Về chất lượng của hoạt động CVHT, tác giả đã tiến hành khảo sát 230 SV, trong đó khoá 2020 (56,5%), khoá 2019 (35,2%), và khoá 2018 (8,3%) ở 3 chuyên ngành như: QTKD tổng hợp (71,3%), QTKD Xuất nhập khẩu (2,2%), và Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống (26,5%). Nội dung các câu hỏi khảo sát đều liên quan đến hoạt động cơ bản của CVHT và đã được nhà trường quy định là nhiệm vụ của CVHT.

Bảng 1. Ý kiến của SV về nội dung CVHT

TT	Nội dung khảo sát	Kết quả khảo sát (%)				
		Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Bình thường	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
	CVHT giúp SV hiểu rõ các quy chế, quy định về học chế tín chỉ, về quyền và nghĩa vụ của sinh viên	3,5	0,4	4,3	32,6	59,2
	CVHT hướng dẫn cho sinh viên hiểu rõ về chương trình đào tạo của ngành học	3,5	0	4,3	35,7	56,5
	CVHT giúp bạn hiểu rõ cơ hội nghề nghiệp và chuẩn đầu ra ngành học	3,5	0,4	8,7	42,2	45,2
	CVHT phổ biến kế hoạch đào tạo/ kế hoạch đăng ký môn học của trường, khoa cho SV	2,6	0,9	3,9	36,5	56,1
	CVHT hướng dẫn SV lựa chọn và đăng ký môn học phù hợp mục tiêu và năng lực của SV	3	1,3	7,8	40	47,9
	CVHT hướng dẫn SV về phương pháp tự học và kỹ năng nghiên cứu khoa học, kỹ năng thu thập, xử lý thông tin, tài liệu học tập	3	0,9	10,4	40	45,7
	CVHT hỗ trợ đăng kí, hủy đăng kí học phần cho SV	2,6	0,4	6,1	34,3	56,6

CVHT trợ giúp sinh viên trong việc lựa chọn nơi thực tập, lựa chọn đề tài khóa luận phù hợp với năng lực, nguyện vọng và định hướng nghề nghiệp của SV	2,1	2,6	12,6	37	45,7
CVHT đôn đốc, lưu ý SV cố gắng học tập, nhất là khi kết quả học tập của họ giảm sút	3	0,4	10	37,8	48,8
CVHT phối hợp với các phòng ban chức năng trong nhà trường để giải quyết các vấn đề cho SV	2,2	1,3	6,5	39,1	50,9
CVHT tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện của SV khách quan, minh bạch	2,1	0	3,5	40,9	53,5
CVHT tư vấn, hỗ trợ SV giải quyết các vấn đề cá nhân khác trong cuộc sống	2,2	3	13,5	39,1	42,2

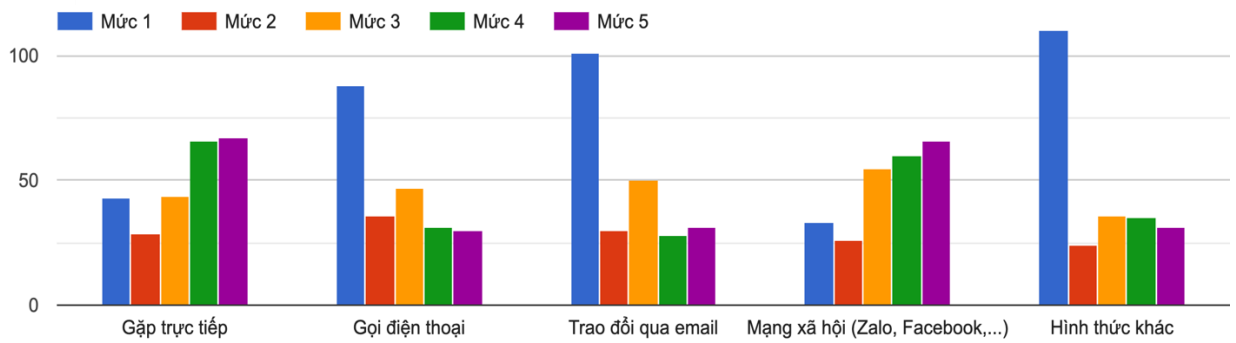
Nguồn: khảo sát của tác giả

Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết SV đồng ý và hoàn toàn đồng ý với các nội dung CVHT, tỷ lệ SV hoàn toàn đồng ý rất cao và thường trên 50%. Tuy vậy vẫn có nhiều ý kiến SV hoàn toàn không đồng ý về các nội dung CVHT. Phân tích kỹ hơn cho thấy có 5-7 SV hoàn toàn không đồng ý về hầu hết các nội dung CVHT. Các SV này gồm cả khoá 2018, 2019, và cả khoá 2020, có cả SV đã ra trường, có SV sắp xét tốt nghiệp, và cũng có SV học chưa xong chương trình. Các SV rất không hài lòng về hoạt động CVHT có em sinh hoạt CVHT đầy đủ (mỗi tháng gặp 01 lần), có em chỉ gặp CVHT khi cần, 01 em khoá 2018 không gặp CVHT bao giờ, còn lại là những SV sinh hoạt CVHT không đầy đủ (2-3 lần/kỳ).

Điều này cho thấy, bên cạnh một số SV vì lý do cá nhân nào đó mà không hài lòng với CVHT, không sinh hoạt CVHT theo quy định nên không thấy được vai trò của CVHT, thì cũng có những SV tham gia sinh hoạt CVHT đầy đủ nhưng không thấy được vai trò của CVHT hoặc đánh giá chưa cao chất lượng CVHT.

Về phương thức giao tiếp giữa CVHT và SV, ngoài gặp mặt trực tiếp mỗi tháng 01 lần theo quy định của nhà trường, hình thức trao đổi qua mạng xã hội như Zalo, Facebook... được SV đánh giá phổ biến. Bên cạnh đó, giao tiếp qua điện thoại, email cũng được một số CVHT sử dụng.

Hình thức trao đổi giữa bạn và cố vấn học tập là gì? (Đánh giá mức độ phổ biến: thấp nhất mức 1 - cao nhất mức 5)



Biểu 1. Hình thức trao đổi giữa SV và CVHT

Đánh giá chung về hoạt động CVHT, hầu hết SV cho rằng CVHT nhiệt tình, tạo điều kiện thuận lợi để gặp gỡ, trao đổi và giúp đỡ khi SV gặp khó khăn (89,1%), một số SV cảm thấy bình thường (6,5%) và rất ít SV không cảm thấy CVHT nhiệt tình trao đổi, giúp đỡ SV (4,4%).

Về vai trò của CVHT, SV nhìn nhận vai trò quan trọng nhất của CVHT là người quản lý lớp học và đánh giá điểm rèn luyện (192 phiếu mức 4 và 5), kế đến là trung gian giúp SV làm việc với các phòng ban (190 phiếu mức 4 và 5), rồi đến người tư vấn, hỗ trợ SV về ngành học, định hướng nghề nghiệp (181 phiếu mức 4 và 5), cuối cùng là GV chủ nhiệm hỗ trợ SV về học vụ và cuộc sống (171 phiếu mức 4 và 5).

Như vậy, thay vì nhìn nhận CVHT là người tư vấn và hỗ trợ về ngành học và định hướng nghề nghiệp, nhiều SV khoa QTKD lại coi CVHT có vai trò quan trọng trong quản lý lớp học, đánh giá điểm rèn luyện và giúp SV làm việc với các phòng ban, không nhiều sinh viên cho rằng CVHT có thể hỗ trợ họ trong cuộc sống.

4. Giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động cố vấn học tập góp phần tăng tỷ lệ tốt nghiệp của SV khoa QTKD

Mặc dù số lượng tuyển sinh của khoa QTKD trong những năm gần đây có xu hướng tăng, tuy nhiên số lượng SV nợ môn học và chưa tốt nghiệp đúng thời hạn khá lớn, yêu cầu nhà trường và Ban chủ nhiệm khoa phải áp dụng đồng bộ nhiều biện pháp để khắc phục tình trạng này.

Theo số liệu từ Phòng Quản lý đào tạo, số lượt SV còn nợ các môn trong đợt xét tốt nghiệp tháng 4 năm 2022 như sau:

Bảng 2. Số lượt SV còn nợ môn của các khoá 2017-2018-2019
(tính theo môn học)

Ngành/năm	2017	2018	2019
QTKD TH	937	1439	1771
QTKD XNK	225	592	675
QT KS	415	817	1201
QT NH – DVAU	466	741	1108

Nguồn: Tính toán của tác giả theo số liệu của Phòng Quản lý đào tạo

Trên đây là số lượt SV còn nợ môn và tính theo các môn học. Đây không phải là số lượng SV chưa tốt nghiệp ra trường, vì có thể một SV còn nợ nhiều môn dẫn đến lượt nợ môn của toàn khoa tăng cao. Trong số đó, một số môn có lượt SV nợ môn cao như:

Bảng 3. Một số môn học có lượt SV nợ môn cao

STT	Môn học	Tổng lượt SV nợ môn		
		Khoá 2017	Khoá 2018	Khoá 2019
1	Anh văn chuẩn đầu ra	203	672	1082
2	Kỹ năng mềm	0	45	335
3	Nhóm môn tự chọn	331	543	427
4	Thực tập tốt nghiệp	93	351	757
5	Tin học chuẩn đầu ra	201	670	1082

Nguồn: Tính toán của tác giả theo số liệu của Phòng Quản lý đào tạo

Như vậy, xét cho đến cùng, nguyên nhân các SV không tốt nghiệp đúng thời hạn là do SV chưa hoàn thành các môn học. Ngoài các nguyên nhân khách quan như: hoàn cảnh gia đình khó khăn, SV đau ốm bệnh tật, SV kết hôn, chuyển trường, bỏ học... Các SV còn nợ môn do các nguyên nhân chủ quan: SV không nắm được kế hoạch học tập và chương trình đào tạo, SV không có hứng thú nghề nghiệp, SV không biết cách quản lý thời gian, SV không có phương pháp học tập khoa học... có thể tác động thông qua vai trò tư vấn của các CVHT.

Vì thế, để nâng cao chất lượng hoạt động của CVHT, đồng thời góp phần giảm tỷ lệ SV nợ môn, tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn, tác giả đề xuất một số giải pháp sau đây:

4.1. Về phía nhà trường

Thứ nhất, mặc dù nhà trường đã có văn bản quy định rõ ràng tiêu chuẩn, nhiệm vụ của CVHT. Tuy vậy, trên thực tế một số phòng ban vẫn chưa nhận thức đúng đắn về vai trò của CVHT, nhầm lẫn vai trò của CVHT với vai trò của giáo viên chủ nhiệm, nhầm lẫn hoạt động của CVHT với chức năng riêng biệt của các phòng ban và yêu cầu CVHT thực hiện những công việc ngoài chức năng và nhiệm vụ của mình.

Ví dụ cụ thể:

- CVHT có nhiệm vụ *tư vấn* cho SV đăng ký môn học theo đúng Chương trình đào tạo và phù hợp với hoàn cảnh SV, nhưng việc *thực hiện* đăng ký môn học cho SV là chức năng của Phòng Quản lý đào tạo.

- *Tư vấn* cho SV gia hạn học phí nếu hoàn cảnh gia đình khó khăn là nhiệm vụ của CVHT, nhưng Phòng Tài chính kế toán phải là đơn vị thực hiện việc gia hạn cho SV.

- SV có sai sót thông tin về nộp học phí thì CVHT có nhiệm vụ tư vấn cho SV liên hệ Phòng Tài chính kế toán để giải quyết, còn việc liên hệ trực tiếp phòng này để giải quyết là trách nhiệm của SV, không phải của CVHT.

- Tương tự như thế, SV có các thắc mắc về điểm học tập, về xếp loại tốt nghiệp, về nộp bảo hiểm y tế, về thủ tục vay vốn..., CVHT là người có trách nhiệm hướng dẫn SV liên hệ các phòng ban tương ứng như Phòng Đào tạo, Phòng Y tế, Phòng Tài chính kế toán, hay Phòng Công tác sinh viên để được giải quyết, còn phụ thuộc nhiệm vụ chuyên trách của từng phòng ban mà các phòng ban này có trách nhiệm giải quyết thắc mắc cho SV. Một số phòng ban không chịu làm việc trực tiếp với SV mà đòi hỏi làm việc qua CVHT là hết sức vô lý.

Thứ hai, cần thực hiện đúng chế độ trong cùng một thời điểm mỗi cố vấn học tập phụ trách tối đa 02 lớp chuyên ngành. CVHT hầu hết đều là GV kiêm nhiệm, điều này có nghĩa là ngoài hoạt động CVHT, các GV còn phải thực hiện nhiệm vụ dạy học khác. Trong khi đó, quỹ thời gian lao động theo quy định là 08 tiếng/ngày, GV cũng cần có thời gian nghỉ ngơi mỗi ngày và nghỉ hàng tuần. Việc giao cho CVHT quá nhiều việc linh tinh không đúng vai trò, và phải phụ trách nhiều lớp chuyên ngành cùng lúc dẫn đến CVHT không có thời gian nắm bắt đầy đủ hoàn cảnh của mỗi SV để tập trung vào nhiệm vụ quan trọng nhất là tư vấn cho SV lựa chọn con đường học thuật phù hợp với bản thân mình.

Thứ ba, tạo cơ chế hoạt động đồng bộ giữa CVHT với các phòng ban. Nên xây dựng website riêng về CVHT để SV trực tiếp liên hệ khi cần. Có thể xây dựng mô hình CVHT cấp trường, cấp khoa, và các CVHT là GV kiêm nhiệm. Đồng thời xem xét tuyển dụng các CVHT chuyên trách, chỉ chuyên làm nhiệm vụ tư vấn cho SV, hoạt động thường trực và sẵn sàng trao đổi trực tiếp với SV, qua điện thoại, email, hoặc website về CVHT.

Thứ tư, phối hợp với Phòng Quản lý đào tạo xây dựng cơ chế cảnh báo sớm những trường hợp SV có nguy cơ nợ môn, tốt nghiệp trễ hạn. Mỗi học kỳ, Phòng Quản lý đào tạo gửi cho CVHT danh sách SV rớt môn, nợ môn để CVHT có biện pháp tư vấn SV đăng ký học bù, học lại cho kịp tiến độ.

Thứ năm, cần phát huy vai trò của CVHT ngay từ khi SV bắt đầu nhập học. Lúc này CVHT sẽ tư vấn cho SV chọn ngành, chuyên ngành và lộ trình học tập cho SV ngay từ những bước đầu tiên. Đồng thời nhà trường cần có biện pháp tuyên truyền, giới thiệu về vai trò của CVHT đến SV để các em biết và liên hệ khi có nhu cầu.

Thứ sáu, xây dựng chính sách hợp lý để khuyến khích hoạt động CVHT như khen thưởng định kỳ đối với những CVHT hoàn thành tốt nhiệm vụ, ngoài giảm định mức giờ chuẩn thì tính tiết sinh hoạt CVHT như giờ dạy bình thường, trợ cấp chi phí điện thoại, văn phòng phẩm để CVHT yên tâm công tác.

4.2. Về phía các CVHT

Thứ nhất, bản thân các CVHT cần nhận thức rõ vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của bản thân khi đảm nhiệm vị trí CVHT. Bản thân các CVHT không được nhầm lẫn vai trò của CVHT với vai trò của giáo viên chủ nhiệm hoặc chỉ thực hiện vai trò giáo viên chủ nhiệm mà quên mất vai trò CVHT.

Thứ hai, CVHT cần sắp xếp thời gian hợp lý để gặp gỡ, trao đổi với SV, đồng thời xây dựng kênh liên lạc phù hợp để thuận tiện cho cả GV và SV. Trong thời đại công nghệ bùng nổ như hiện nay, CVHT có thể đa dạng hoá các phương thức liên lạc như điện thoại, email, Zalo, Facebook, Skype... các phương thức liên lạc này nên được thông báo rộng rãi đến SV; bảo đảm SV có thể liên lạc được với CVHT lúc cần thiết mà không ảnh hưởng đến thời gian nghỉ ngơi cũng như cuộc sống cá nhân của CVHT.

Thứ ba, CVHT cần thường xuyên tìm hiểu, nghiên cứu quy chế đào tạo, chương trình đào tạo, ngành học, và các quy định liên quan khác để có kiến thức đầy đủ, bao quát nhiều lĩnh vực để có thể tư vấn cho SV khi cần. Trên thực tế, hầu hết những nội dung SV thắc mắc đều liên quan đến quy chế đào tạo hoặc những vấn đề mà Ban cố vấn đã dự liệu sẵn trong cuốn Sổ tay CVHT. CVHT nên nghiên cứu kỹ tài liệu này trước khi đặt câu hỏi cho Ban cố vấn.

Thứ tư, CVHT nên tạo ra môi trường vui vẻ, thân thiện để SV thấy thoải mái khi gặp gỡ CVHT. Ngoài ra, để thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, CVHT ngoài có “tâm”, còn phải có “tâm” nữa. CVHT cần quan tâm đến hoàn cảnh của SV, kịp thời động viên và hỗ trợ SV vượt qua khó khăn, uốn nắn, nhắc nhở các em khi SV có dấu hiệu lười học, rớt môn, bỏ học...vv

Thứ năm, CVHT nên thường xuyên nhắc nhở, đôn đốc SV tuân thủ quy định của nhà trường, tích cực học tập, rèn luyện. CVHT cũng nên hướng dẫn SV kịp thời đăng ký các khoá học tin học, ngoại ngữ và thi lấy chứng chỉ để đảm bảo chuẩn đầu ra, đủ điều kiện xét công nhận tốt nghiệp ra trường đúng thời hạn.

Kết luận

CVHT là nhân tố giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ, CVHT là cầu nối giữa SV với nhà trường, là người hoa tiêu dẫn dắt SV trên con đường học thuật và định hướng nghề nghiệp trong tương lai. SV học tập có đúng tiến độ hay không, học tập có đúng hướng hay không, một phần lớn nhờ vào vai trò hướng dẫn, tư vấn của CVHT.

Về cơ bản, SV khoa QTKD đánh giá cao chất lượng công tác CVHT và khẳng định vai trò của CVHT trong việc giúp SV tốt nghiệp đúng hạn. Tuy vậy, để công tác CVHT đạt hiệu quả hơn trong thời gian tới, ngoài nỗ lực của mỗi CVHT tự bồi dưỡng kiến thức liên quan đến chuyên ngành, các quy chế quy định, CVHT cũng cần đổi mới phương pháp tư vấn, hỗ trợ để phù hợp với từng đối tượng SV. Bên cạnh đó, cần có sự hợp tác giữa CVHT với SV và sự phối hợp giữa các phòng ban, bộ phận trong trường; sự chỉ đạo, quan tâm, hỗ trợ từ phía nhà trường, khoa để đội ngũ CVHT yên tâm hoàn thành nhiệm vụ của mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT* ngày 15 tháng 8 năm 2007 Ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT* ngày 05 tháng 4 năm 2016 ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy

3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, *Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH* ngày 13 tháng 3 năm 2017 quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp

4. Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh, *Tài liệu tập huấn CVHT năm 2022*

5. Virginia N. Gordon, Wesley R. Habley, Thomas J. Grites (2008), *Academic Advising, A Comprehensive Handbook*, A publication of the National Academic Advising Association

6. <https://www.tompkinscortland.edu/academics/academic-advisors-roles-and-responsibilities>

7. <https://advisingcenter.uiowa.edu/what-we-do>

8. <https://www.collinsdictionary.com/dictionary/english/academic-advisor>

CỐ VẤN HỌC TẬP TỰ VẤN PHƯƠNG PHÁP TỰ HỌC ĐỐI VỚI SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM

Vũ Nhật Tân

ĐẶT VẤN ĐỀ

Quý Thầy cô và các bạn Sinh viên Khoa Quản trị kinh doanh Trường Cao đẳng Công thương Thành phố Hồ Chí Minh chắc hẳn đã được nghe nói nhiều về sự khác nhau giữa môi trường cao đẳng và môi trường phổ thông? Phương pháp giảng dạy và môi trường học tập cũng có nhiều điều khác biệt. Vậy, làm thế nào để thích nghi với phương pháp giảng dạy và môi trường học tập mới? Đó chính là điều mà các sinh viên cần phải có phương pháp, kỹ năng học tập ở bậc cao đẳng một cách thích hợp.

Để hỗ trợ các bạn sinh viên trường Cao đẳng Công thương Thành phố Hồ Chí Minh xác định được mục tiêu học tập đúng, phương pháp học tập hiệu quả, xin giới thiệu đến quý thầy cô Cố vấn học tập (mới) và các bạn sinh viên năm nhất Khoa Quản trị kinh một số nội dung cơ bản về học tập ở bậc cao đẳng và phương pháp power.

I. SỰ KHÁC BIỆT GIỮA HỌC Ở BẬC PHỔ THÔNG VÀ CAO ĐẲNG

Hầu hết các tân sinh viên (SV) đều đã từng có phương pháp học tập hiệu quả tại trường phổ thông. Tuy nhiên khi bước vào trường cao đẳng SV thường gặp những khó khăn trong giai đoạn đầu bởi có sự khác biệt trong môi trường sống, môi trường học tập, mục tiêu học tập và kể cả những khác biệt khác về bạn bè và thầy cô . . .

1. Khác biệt về môi trường học tập

Khi học cao đẳng, đa số các bạn SV đều phải rời xa gia đình, trong môi trường mới này SV luôn phải tự tổ chức cho việc học của mình; SV phải tự nhận thức được sự cần thiết của việc chủ động nghiên cứu, tự tìm kiếm những tài liệu bổ trợ cần thiết, tự chủ động liên hệ với giảng viên nếu cần hỗ trợ để có thể hoàn tất bài tập và nộp chúng theo đúng thời gian quy định của trường; tùy vào từng chương trình môn học, SV sẽ phải tham gia làm bài tập nhóm, tiểu luận hay làm bài thi để đánh giá điểm quá trình hay điểm thi cho môn học đó, thay vì những bài kiểm tra định kỳ ở trường trung học... Ngoài những giờ học chính, SV có rất nhiều sự lựa chọn về những hoạt động ngoại khóa.

Học theo tín chỉ, tự do và tự giác là những sự thay đổi lớn đối với mỗi SV. Vì vậy, khi học cao đẳng SV cần có kế hoạch phân bổ thời gian hợp lý giữa học trên lớp, tự học ở nhà, tham gia các hoạt động Đoàn thể, ngoại khóa, vui chơi . . .

2. Khác biệt về khối lượng kiến thức tích lũy

- Khối lượng kiến thức lớn: Khối lượng kiến thức ở cấp độ cao đẳng tăng lên một cách đáng kể so với ở bậc phổ thông. Sự tăng lên đáng kể về khối lượng kiến thức sẽ khiến SV gặp phải những khó khăn và thậm chí có thể bị sốc. Chính vì thế tân SV hãy chủ động tìm hiểu và chuẩn bị sẵn sàng để thích nghi với sự thay đổi và khác biệt này.

- Kiến thức đa dạng: Không chỉ có sự khác biệt về khối lượng kiến thức, học cao đẳng và học phổ thông còn có sự khác biệt về sự đa dạng kiến thức. Học cao đẳng SV phải học nhiều môn học, nhiều học phần và tham gia nhiều hoạt động rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp. Đây vừa là cơ hội nhưng cũng là thách thức cho SV và chỉ có ở SV. . .

Sự đa dạng về kiến thức khiến SV cần biết cách khai thác cũng như tiếp cận một cách khôn ngoan và khoa học để có thể có kết quả học tập tốt nhất.

- Cường độ học tập cao: Đi cùng với việc khối lượng kiến thức tăng lên, kiến thức đa dạng hơn thì cường độ học tập của SV cũng phải tăng lên. Thời gian học một môn kéo dài hơn, kiến thức được các thầy cô truyền đạt nhanh hơn, SV cần đọc nhiều loại tài liệu hơn, tư duy nhiều hơn, tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa hơn . . .

3. Cao đẳng là tự học

Tự học là yếu tố khác biệt quan trọng nhất giữa học phổ thông và học cao đẳng. SV phải tự chịu trách nhiệm cho việc học tập của mình và phải “Học tích cực”.

Có bốn nguyên lý then chốt của phương pháp “Học tích cực”: SV có thể thay đổi năng lực học tập của họ qua nỗ lực của chính họ chứ không ai khác; SV có thể thành công ở trường và trong cuộc sống bằng học tích cực; SV trở nên một thành viên tích cực của “xã hội tri thức” nơi họ liên tục học cả đời; và học tích cực làm tăng giá trị của họ cho xã hội, cung cấp cho họ mục đích trong cuộc sống.

4. Cao đẳng là đạt mục tiêu đào tạo

Mục tiêu đào tạo về kiến thức, về kỹ năng, về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm trong chương trình đào tạo, trong chương trình môn học được CVHT, được các thầy cô lên lớp giới thiệu và chỉ dẫn phương pháp học tập để đạt mục tiêu.

Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng động lực lớn nhất thôi thúc sinh viên theo đuổi một khóa học ở bậc cao đẳng là để nhận được một tấm bằng tốt nghiệp, tấm bằng có thể giúp SV kiếm được những công việc tốt khi ra trường.

Thực tiễn cho thấy, trong công việc chúng ta chỉ dùng đến một phần kiến thức chúng ta học ở trường. Có nhiều SV tốt nghiệp rồi làm những công việc không liên quan trực tiếp tới chuyên ngành mà SV đó học nhưng vẫn thành công. Đối với những SV làm những công việc có liên quan tới chuyên ngành thì cũng phải học hỏi thêm nhiều từ công việc hiện tại.

Bậc cao đẳng không chỉ dạy cho SV thái độ, kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp mà điều quan trọng hơn là dạy SV phương pháp tự học để học tập suốt đời, dạy kỹ năng sống, học tập và làm việc hiệu quả, còn gọi là các kỹ năng mềm khác.

II. TƯ VẤN HỌC TẬP THEO PHƯƠNG PHÁP POWER

Phương pháp Power là phương pháp học tập bậc đại học của Giáo sư Robert Feldman (Đại học Massachusetts – Mỹ) đề xướng nhằm hướng dẫn SV, đặc biệt là các SV năm một có cách học tập có hiệu quả nhất.

Phương pháp POWER bao gồm 5 yếu tố cơ bản là chữ viết tắt ghép thành POWER: Prepare, Organize, Work, Evaluate, Rethink

1. Chuẩn bị học tập - Prepare

Học cao đẳng không bắt đầu từ bài giảng đầu tiên của thầy cô, mà là bắt đầu từ trước đó. Đối với tân SV khoa Quản trị kinh doanh cần khởi động sớm hơn cho những bài học. Quá trình học tập ở cao đẳng không phải chỉ bắt đầu ở giảng đường khi SV nghe thầy cô giảng bài hoặc trao đổi, tranh luận với các bạn cùng học. Quá trình này chỉ thật sự bắt đầu khi SV chuẩn bị một cách tích cực các điều kiện cần thiết để tiếp cận môn học như: đọc trước giáo trình, bài giảng, tìm tài liệu có liên quan đến môn học.

Sự chuẩn bị tư liệu này càng trở nên hiệu quả hơn khi đi liền với nó là một sự chuẩn bị về mặt tâm thế để có thể tiếp cận kiến thức một cách chủ động và sáng tạo. Với sự chuẩn bị tâm thế này, SV có thể chủ động tự đặt trước cho mình một số câu hỏi liên quan đến nội dung, đến vấn đề sẽ được đặt ra trên lớp, thậm chí có thể tự tạo cho mình một cái “khung tri thức” để trên cơ sở đó có thể tiếp nhận bài học một cách có hệ thống.

Với cách chuẩn bị tích cực này, tri thức mà SV có được không phải là một tri thức được truyền đạt một chiều từ phía người dạy mà còn do chính SV tự tạo ra bằng cách chuẩn bị các điều kiện thực thể và tâm thế thuận lợi cho sự tiếp nhận tri thức. Nói “học là quá trình hợp tác giữa người dạy và người học” có nghĩa là như vậy.

** Sinh viên cần chuẩn bị các nội dung sau:*

- Danh mục tất cả các tài liệu tham khảo cho môn học.
- Tham khảo các thông tin về giảng viên và môn học.
- Đọc các tài liệu cần thiết trước khi lên lớp.
- Tham khảo các website chuyên ngành có thông tin liên quan đến môn học.

2. Tổ chức học tập - Organize

Sự chuẩn bị nói trên sẽ được nâng cao hơn nữa khi SV bước vào giai đoạn thứ hai, giai đoạn người SV biết tự tổ chức, sắp xếp quá trình học tập của mình một cách có mục đích và hệ thống. Bạn biết đấy, đến với bậc cao đẳng trước mỗi học kỳ, bạn phải tự xây dựng một thời khóa biểu cho việc học của mình. Trước khi tham gia các lớp học, bạn phải tìm hiểu về kỹ năng, kiến thức, thái độ để phân bổ cường độ học tập của môn nhiều kiến thức với kỹ năng với môn ít kiến thức và kỹ năng hơn nhằm tránh tạo áp lực cho bản thân với quỹ thời gian giới hạn trong ngày. Bạn nên biết ưu tiên cái gì trước, cái gì sau để có một kết quả như ý muốn. Đối với từng môn học, bước chuẩn bị cho phép bạn xây dựng kế hoạch phân bổ thời gian cho đọc sách – vì bạn đã biết mình phải tham khảo tài liệu nào, dày bao nhiêu trang rồi; hay thời gian làm bài tập nhóm, thời gian đi thực tập...

** Sinh viên cần làm các công việc sau:*

- Lập kế hoạch học tập chi tiết
- Lập kế hoạch đọc các tài liệu cho môn học
- Lập kế hoạch tuần cho việc học tập và phát triển bản thân

3- Học tập - Work

Một trong những sai lầm của việc học tập cũ là tách rời việc học tập ra khỏi làm việc. Trong khi làm việc chính là một quá trình học tập có hiệu quả nhất. Trong giai đoạn này SV phải biết cách làm việc một cách có ý thức và có phương pháp ở trong lớp và trong phòng thí nghiệm, thực hành. Các hình thức làm việc trong môi bậc cao đẳng rất đa dạng, phong phú: Lắng nghe và ghi chép bài giảng, thuyết trình hoặc thảo luận, truy cập thông tin, xử lý các dữ liệu, bài tập, thực tập các thí nghiệm... Tất cả đều đòi hỏi phải làm việc thật nghiêm túc, có hiệu quả.

*** Sinh viên cần thực hiện các công việc sau:**

- Chăm chỉ thực hiện các cam kết trong kế hoạch học tập
- Ứng dụng các kỹ năng để phát triển bản thân và trong học tập
- Ghi chép, nghe giảng và tương tác với giảng viên
- Tham gia các nhóm học tập và làm các nhiệm vụ được giao
- Hợp tác để phát triển kỹ năng làm việc nhóm

4. Đánh giá học tập - Evaluate

Ngoài hệ thống đánh giá của nhà trường, SV còn phải biết tự đánh giá chính bản thân mình cũng như sản phẩm do mình tạo ra trong quá trình học tập. Chỉ có qua đánh giá một cách trung thực, SV mới biết mình đang đứng ở vị trí, thứ bậc nào và cần phải làm thế nào để có thể cải thiện vị trí, thứ bậc đó. Tự đánh giá cũng là một hình thức phản tỉnh để qua đó nâng cao trình độ và ý thức học tập.

*** Sinh viên cần làm những việc sau:**

- Rút kinh nghiệm về phương pháp
- Tổng kết các kiến thức cốt lõi

5. Rút kinh nghiệm học tập - Rethink

Khả năng suy nghĩ lại này giúp SV luôn biết cách cải thiện điều kiện, phương pháp và kết quả học tập của mình. Về bản chất, tư duy cao đẳng không phải là một thứ tư duy đơn tuyến, một chiều mà đó chính là hình thức tư duy đa tuyến, phức hợp đòi hỏi người học, người dạy, người nghiên cứu phải có tính sáng tạo cao, luôn biết cách lật ngược vấn đề theo một cách khác, soi sáng vấn đề từ những khía cạnh chưa ai đề cập đến. Khả năng suy nghĩ lại này cũng gắn liền với khả năng làm lại và tái tạo quá trình học tập trên căn bản nhận thức mới đối với vấn đề và kết quả đã đặt ra.

*** Sinh viên nên làm những việc sau:**

- Dành thời gian suy nghĩ về bản thân
- Tham gia một môn thể thao mà mình yêu thích
- Tham gia các hoạt động xã hội, tình nguyện ...

KẾT LUẬN

Cao đẳng là môi trường mới mẻ với các bạn SV. Ở đây, các bạn SV sẽ phải dung nạp nhiều điều, kiến thức, kỹ năng, thái độ hay đạo đức ngành và hàng loạt kỹ năng mềm chuẩn bị cho việc ra trường. Học cao đẳng đúng phương pháp sẽ truyền cho bạn cảm hứng học tập, cảm hứng nghề nghiệp, giúp bạn tiếp tục nỗ lực để vững tin bước đến thành công trong tương lai. Giáo dục nghề nghiệp cao đẳng không chỉ cung cấp cho bạn kiến thức mà điều quan trọng bạn sẽ rèn cho mình tư duy tự học, tư duy phản biện, tư duy sáng tạo và khả năng sắp xếp cho cuộc đời và công việc.

Ngày nay bằng cấp không còn là đảm bảo cho việc làm nhưng tri thức và kỹ năng là yếu tố then chốt mở ra cánh cửa việc làm. Có được việc làm tốt chỉ là bắt đầu nhưng duy trì và thăng tiến trong nghề nghiệp là mục đích tối thượng. Do đó, SV phải liên tục đọc nhiều hơn, học nhiều hơn và phát triển những kỹ năng, năng lực cần thiết để hòa nhập vào môi trường làm việc./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO VÀ TRÍCH DẪN

1- Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 của Quốc hội ngày 27/11/2014.

2- Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

3- Nguyễn Đông Triều “Kỹ năng học tập bậc đại học”, Tài liệu môn học kỹ năng mềm (lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn Hiến.

4- TS. Vũ Nhật Tân - Trưởng bộ môn quản trị “Báo cáo tổng kết khóa học đào tạo đầu tiên theo học chế tín chỉ” Hội thảo khoa học cấp khoa ngày 22 tháng 12 năm 2013.

5- TS. Vũ Nhật Tân - Khoa QTKD “Tìm thêm giải pháp trong việc điểm danh, giao bài về nhà, kiểm tra đánh giá chất lượng tự học của sinh viên trong dạy học theo học chế tín chỉ” Hội thảo khoa học cấp khoa 8/2015.

6- Trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM các Quy định, kế hoạch, cố vấn học tập, hướng dẫn hoạt động của cố vấn học tập năm học 2020-2021, năm học 2021-2022

NÂNG CAO VAI TRÒ CỐ VẤN HỌC TẬP TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Ngọc Linh

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Công tác cố vấn học tập đóng vai trò đặc biệt quan trọng, không thể thiếu trong đào tạo theo học chế tín chỉ. Mỗi CVHT là một nhân tố then chốt trong mối quan hệ nhà trường-sinh viên-thị trường lao động; là một chuyên gia tư vấn về học tập và việc làm cho sinh viên, đồng hành cùng sinh viên trong suốt quá trình học tập. Tuy nhiên hiệu quả của công tác cố vấn tại trường vẫn còn hạn chế bởi nhiều nguyên nhân. Mỗi cố vấn học tập được xem như một “mắt xích” trong mối liên hệ giữa Sinh viên, chương trình đào tạo và nhà trường. Nhận thấy tầm quan trọng và sự quan tâm sâu sắc của nhà trường về công tác cố vấn học tập, bài viết dưới đây trình bày và phân tích về hoạt động của cố vấn học tập, qua đó đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy và nâng cao hiệu quả công tác cố vấn học tập trong đào tạo tín chỉ.

2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC CỐ VẤN HỌC TẬP TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Cho đến thời điểm hiện nay công tác cố vấn học tập của nhà trường đã tương đối đi vào nề nếp, phần lớn giảng viên được phân công làm nhiệm vụ cố vấn học tập đã quen dần với việc thực hiện những nhiệm vụ theo quy định và sinh viên cũng ý thức rõ hơn về vai trò của cố vấn học tập ngay từ khi vào trường cho đến lúc tốt nghiệp ra trường. Vì vậy, những vấn đề vướng mắc nảy sinh trong quá trình học tập của sinh viên đã được giải quyết kịp thời thông qua sự phối hợp của cố vấn học tập với các đơn vị, phòng ban chức năng. Bên cạnh những kết quả đạt được trên, công tác CVHT vẫn còn nhiều bất cập, hạn chế.

Các CVHT của trường đều là giảng viên, thời gian làm việc chủ yếu của giảng viên là giảng dạy và nghiên cứu khoa học, đồng thời còn tham gia công việc của bộ môn khoa, trường. Một số CVHT lại vừa làm cố vấn học tập cho hàng trăm sinh viên. Vì vậy, một số CVHT đôi khi không thể hoàn thành tốt nhiệm vụ cố vấn của mình. Hiện nay, thời gian làm việc của CVHT ở các trường là khác nhau. Tại Trường Cao đẳng công thương TP HCM, CVHT mỗi học kỳ được xếp lịch họp gặp lớp 4 lần, mỗi lần 45 phút. Ngoài ra, ở những thời gian khác, sinh viên hoàn toàn có thể liên hệ với CVHT thông qua điện thoại, mạng xã hội, email... nên thời gian làm việc của CVHT khó có thể tính được chính xác, chủ yếu phụ thuộc vào số lượng sinh viên mà họ trực tiếp quản lý.

Công việc của CVHT vừa phải nắm bắt quá trình học tập của sinh viên, vừa thực hiện công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các công tác khác. Việc gánh vác một lúc nhiều vai trò, đồng thời phải quản lý và tư vấn cho một nhóm sinh viên khá lớn sẽ gây khó khăn trong quá trình giúp sinh viên xây dựng kế hoạch học tập cá nhân cũng như định hướng nghề nghiệp ... và trực tiếp ảnh hưởng đến chất lượng quản lý của CVHT. Vì vậy, việc ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ CVHT

là điều cần thiết. Số buổi tập huấn công tác CVHT tại Trường còn rất hạn chế nên các CVHT mới vẫn chưa hiểu hết nội dung vai trò, nhiệm vụ của mình.

Một số CVHT là những giảng viên trẻ mới công tác tại trường chưa lâu nên chưa nắm bắt hết các quy định liên quan đến công tác đào tạo, công tác sinh viên cũng như nhiều quy định khác có liên quan. Thường thì CVHT chỉ mới dừng lại ở việc hướng dẫn sinh viên cách thức đăng ký thời khóa biểu ở mỗi học kỳ mà chưa đủ kinh nghiệm để giúp sinh viên bố trí, sắp xếp kế hoạch học tập phù hợp cho toàn khóa. Mặc dù có các phong trào và những hoạt động ngoại khóa của sinh viên như lao động, văn nghệ, thể thao, giúp CVHT tìm hiểu tâm tư tình cảm của sinh viên nhưng rất ít CVHT tham gia.

Hiện tại, CVHT chưa kiểm tra được kết quả học tập của sinh viên, phân loại học lực của từng sinh viên qua mạng làm hạn chế việc tư vấn học tập và điều chỉnh kế hoạch học tập của sinh viên một cách kịp thời và hiệu quả.

Những quy định, ràng buộc về điểm số cần đạt trong mỗi học kỳ của mỗi năm học cũng như điều kiện để học theo hình thức tín chỉ tuy đã được CVHT hướng dẫn nhưng vẫn chưa rõ ràng, cụ thể nên có những trường hợp sinh viên đăng ký quá nhiều tín chỉ dẫn đến việc học quá tải dẫn đến kết quả học tập không được tốt.

3. GIẢI PHÁP NÂNG CAO VAI TRÒ CỐ VẤN HỌC TẬP TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Để nâng cao vai trò của cố vấn học tập trong đào tạo theo học chế tín chỉ xin đề xuất những giải pháp sau đây:

3.1. Về phía cố vấn học tập

CVHT phải tạo được sự tin cậy đối với sinh viên. Để có thể đạt được điều này, CVHT phải quán xuyến được toàn bộ nội dung chương trình học. Có thể thấy được yêu cầu quan trọng này đối với vai trò CVHT quản lý sinh viên năm thứ nhất. Mới chuyển từ môi trường Trung học phổ thông sang cao đẳng, sinh viên bỡ ngỡ rất nhiều. Từ chỗ hoàn toàn lệ thuộc vào giáo viên chủ nhiệm và học tập theo kế hoạch sắp xếp, sinh viên phải tự lập hoàn toàn: phải tự sắp xếp kế hoạch học tập các năm học của mình hợp lý, khoa học. Do đó, họ thường xuyên cần sự tư vấn hỗ trợ của CVHT. Có nắm bắt được cụ thể, chính xác chương trình học của sinh viên, CVHT mới có thể tư vấn chi tiết cho sinh viên những điều cần biết. CVHT chính là chỗ dựa duy nhất của sinh viên trong giai đoạn này. Vì vậy, sự hướng dẫn kĩ càng, thông tin chính xác từ CVHT sẽ giúp cho sinh viên đi những bước đầu thuận lợi.

Để hoàn thành được nhiệm vụ của một CVHT, giữa cố vấn và sinh viên cần thiết lập được mối quan hệ tốt đẹp, bền vững. Trên tinh thần hỗ trợ và hợp tác, CVHT phải thỏa thuận với sinh viên những quy định và những “điều khoản” cụ thể trong công việc. Những vấn đề này cần thiết được đưa ra vào buổi gặp mặt giữa CVHT và sinh viên vào đầu năm thứ nhất. Tùy theo tình hình thực tế và trường hợp ngoại lệ, những quy định có thể được thay đổi. Để công tác CVHT thực hiện thuận lợi, CVHT nên trao đổi với sinh viên những vấn đề sau:

- Thời gian có thể gặp sinh viên trong tuần.
- Thời gian có thể nhận và nghe điện thoại.
- Công việc và trách nhiệm của ban cán sự, ban chấp hành chi đoàn.

- Phải báo cáo với CVHT nếu có sự điều chỉnh kế hoạch học tập để CVHT dễ dàng theo dõi và kiểm soát tiến độ hoàn thành học phần của sinh viên. Những quy định đã nêu trên giữa CVHT và sinh viên là rất cần thiết. Nó giúp cho công tác của hai bên đi vào quỹ đạo, không gây phiền hà và ảnh hưởng đến công việc của nhau. Đồng thời, biện pháp này còn giúp CVHT và sinh viên chủ động về thời gian, công việc và giúp cho CVHT phát huy được vai trò trong công tác.

CVHT còn phải luôn luôn cập nhật những thông tin mang tính chất thời sự của Phòng Đào tạo như: thông tin mở mạng cho sinh viên lập kế hoạch học tập từng học kỳ; thông tin duyệt kế hoạch học tập cho sinh viên; thông tin về việc đăng ký học phần trên mạng đối với các khóa, các lớp; thông tin xóa các nhóm học phần;... Thường xuyên học tập, nghiên cứu, nội dung, chương trình đào tạo, phương pháp đào tạo, quy chế quy định, nội quy của trường về học tập, rèn luyện và công tác sinh viên; thường xuyên

cập nhật những thay đổi, bổ sung trong quy chế, quy định, nội quy để có thể tư vấn, hỗ trợ giúp đỡ sinh viên trong quá trình học tập, rèn luyện tại trường. Nắm rõ chức năng, nhiệm vụ các đơn vị liên quan trong công tác sinh viên để hướng dẫn sinh viên cách tìm hiểu thông tin, liên hệ công việc liên quan đến công tác học tập và rèn luyện. Đặc biệt CVHT phải nắm rõ chương trình đào tạo để tư vấn cho sinh viên về cách đăng ký môn học: nên đăng ký môn học nào trước, môn nào học sau, mỗi học kỳ nên đăng ký bao nhiêu môn học...trong quá trình học tập CVHT cũng nên nhắc nhở các e sinh viên chuẩn bị tin học và Anh văn đầu ra từ năm đầu tiên... Đây là yếu tố ảnh hưởng đến việc ra trường sớm cho các em.

Căn cứ vào đề cương chi tiết học phần để hướng dẫn cách học cho sinh viên như: lập kế hoạch học tập, nghe giảng và ghi chép trên lớp, tự học, học nhóm, đọc sách, nghiên cứu và giải quyết vấn đề...CVHT cần xem đây là một trong những mục tiêu lâu dài để nâng cao chất lượng dạy và học chứ không chỉ dừng lại ở các giải pháp tạm thời. Bên cạnh đó, CVHT phải luôn thể hiện tốt tinh thần trách nhiệm, sự tận tụy với sinh viên và nhất là không ngừng học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và năng lực công tác CVHT nhằm đáp ứng yêu cầu công việc được giao.

Trong quá trình làm công tác, CVHT nên dành thời gian thích hợp để hướng dẫn sinh viên rèn luyện một số kỹ năng tự học. Việc này cần phải được tiến hành ngay từ những học phần đầu tiên của chương trình đào tạo, nhằm giới thiệu tổng quát về yêu cầu, nội dung chương trình, giới thiệu về cách học, phương pháp học... Các phương pháp giảng dạy trong đào tạo theo tín chỉ đều phải hướng đến mục tiêu lấy người học làm trung tâm, vì vậy CVHT phải luôn quan tâm, nhắc nhở sinh viên việc tự học, tự nghiên cứu để có thể chủ động nắm bắt kiến thức hiệu quả hơn.

CVHT phải là người đồng hành cùng với sinh viên trên mọi nẻo đường. Khi đảm nhận vai trò CVHT, bản thân giảng viên phải nắm bắt tình hình lớp và phải có biện pháp để theo dõi thường xuyên và kịp thời giải quyết các vấn đề xảy ra trong lớp. Để làm được điều này, Bộ môn, Khoa cần hết sức hạn chế việc thay đổi CVHT mà nên để một giảng viên cố vấn một lớp từ năm thứ nhất cho đến khi tốt nghiệp. Bởi vì, muốn xây dựng mối quan hệ, muốn tạo sự tin tưởng lẫn nhau, giữa CVHT và sinh viên cần phải có đủ thời gian hiểu biết lẫn nhau. Một tập thể vững mạnh bao giờ cũng phải được xây dựng dựa trên sự đoàn kết, thống nhất và sự hiểu biết, thông cảm lẫn nhau. Do vậy, sự thay đổi thường xuyên CVHT có thể dẫn đến sự đảo lộn mọi hoạt động của lớp, kể cả kế hoạch học tập của sinh viên. Những trường hợp này xảy ra không nhiều nhưng nếu có xảy ra thì nó thường gây nên những tác động bất lợi.

3.2. Về phía nhà trường

Thứ nhất, quan tâm đẩy mạnh việc bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ kỹ năng công tác đội ngũ CVHT, đặc biệt là khả năng sử dụng thành thạo tin học, kỹ năng tư vấn hỗ trợ, kỹ năng giải quyết vấn đề...để đáp ứng yêu cầu công tác ngày càng cao, xây dựng đội ngũ CVHT để hỗ trợ, tư vấn kịp thời, đầy đủ cho từng sinh viên về đăng ký tín chỉ, thiết kế quy trình, kế hoạch học tập cá nhân...

Thứ hai, hoạt động CVHT không thể đạt hiệu quả tốt nếu như các điều kiện về cơ sở vật chất của nhà trường không được đảm bảo, đặc biệt là các phòng phục vụ cho công tác thường xuyên của đội ngũ CVHT: tư vấn, chia sẻ, trao đổi, lưu trữ hồ sơ...

Thứ ba, tăng cường chăm lo, hỗ trợ các điều kiện vật chất và tinh thần cho các CVHT thông qua việc ghi nhận, biểu dương kịp thời để đội ngũ CVHT có thêm niềm say mê, nhiệt huyết làm cho hiệu quả và chất lượng công tác ngày một nâng cao.

Thứ tư, định kỳ phối hợp với các Phòng/ban và các đơn vị chức năng trong trường như Phòng CTCT&SV, Đoàn TN - Hội sinh viên tổ chức các buổi Hội thảo chuyên đề, trao đổi kinh nghiệm về hoạt động giảng dạy, học tập nhằm tổng kết đánh giá và định hướng công tác tư vấn, CVHT cho sinh viên trong điều kiện học chế tín chỉ. Chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục giúp cho sinh viên nâng cao ý thức tự giác, tinh thần thái độ học tập nghiêm túc, nắm vững quy trình quy chế để thuận tiện đăng ký khối lượng học tập hiệu quả nhất.

Thứ 5, Cố vấn học tập phải được nhà trường trang bị Quy chế đào tạo:

- Chương trình đào tạo của ngành đào tạo, có đầy đủ đề cương chi tiết các học phần, môn học.

- Kế hoạch đào tạo suốt học kỳ.
- Sổ tay cố vấn, sổ tay công tác, sổ tay sinh viên.
- Danh sách sinh viên
- Sổ danh sách sinh viên có dán ảnh và tóm tắt thông tin cá nhân của sinh viên.
- Kết quả học tập của mỗi sinh viên trong các học kỳ
- Các tài liệu khác liên quan đến sinh viên trong quá trình học tập tại trường.

5. KẾT LUẬN

Cố vấn học tập là một hoạt động thứ hai của quá trình đào tạo cho hệ thống tín chỉ của các trường đại học và cao đẳng hiện nay. Chúng ta cần nghiên cứu để có các giải pháp nâng cao vai trò của cố vấn học tập trong đào tạo theo học chế tín chỉ để từng bước luôn ổn định, nâng cao vai trò và giá trị của công tác cố vấn học tập nhằm góp phần đưa công tác đào tạo theo hệ thống tín chỉ đi vào quỹ đạo của nó, góp phần khẳng định đào tạo theo hệ thống tín chỉ là loại hình đào tạo có giá trị cao, có tầm nhìn chiến lược trong đào tạo tại trường trước mắt cũng như lâu dài.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Bích Thuận và Nguyễn Ngọc Trân (2019), *Vai trò của cố vấn học tập trong việc nâng cao chất lượng học tập của sinh viên tại trường Đại học Đồng Tháp*, <<https://tapchigiaoduc.moet.gov.vn/vi/magazine/so-dac-biet-thang-9-358/13-vai-tro-cua-co-van-hoc-tap-trong-viec-nang-cao-chat-luong-hoc-tap-cua-sinh-vien-tai-truong-dai-hoc-dong-thap-6406.html>>, xem 1/12/2020
2. Phạm Thị Mộng Hằng. Thực trạng và một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác cố vấn học tập tại Khoa kinh tế - Quản trị, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai.
3. Lưu Thị Thúy. Thực trạng quản lý đội ngũ cố vấn học tập tại trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn Đại học Quốc Gia TPHCM.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG BÁO CÁO THỰC TẬP CỦA SINH VIÊN NGÀNH QTKD TỔNG HỢP

Nguyễn Thị Tĩnh

1. Đặt vấn đề.

“Thực tập” theo Từ điển tiếng Việt có nghĩa là: tập làm trong thực tế để vận dụng và củng cố kiến thức lý thuyết, trau dồi thêm về nghiệp vụ. Thực tập tốt nghiệp được hiểu là tập quan sát các hành động thực tế để so sánh đối chiếu với lý thuyết được học ở trường rồi phân tích dựa trên một trường hợp cụ thể ứng dụng vấn đề lý thuyết đó.

Thực tập tốt nghiệp là một khâu quan trọng trong quá trình đào tạo sinh viên ở các trường chuyên nghiệp nói chung và các trường đại học cao đẳng khối ngành kinh tế nói riêng, giúp sinh viên củng cố và bổ sung những kiến thức lý thuyết đã học trên lớp, nâng cao kỹ năng giải quyết các vấn đề trong thực tế, xây dựng mối quan hệ khăng khít giữa nhà trường và các doanh nghiệp theo phương châm "Đào tạo những gì xã hội cần". Bồi dưỡng cho sinh viên lòng yêu nghề, năng lực công tác thực tế để họ nhạy bén và năng động hơn trong quá trình công tác thực tế sau này

Thực tập là một học phần không thể thiếu đối với mỗi sinh viên dù ở bất kỳ ngành học nào bởi những lợi ích mà quá trình thực tập này mang lại cho sinh viên. Để thu hẹp khoảng cách giữa chương trình đào tạo và thực tiễn làm việc, đồng thời giúp sinh viên vận dụng các lý thuyết đã học vào thực tập, những năm qua, khoa QTKD luôn chú trọng quan tâm và không ngừng đổi mới nâng cao chất lượng thực tập tốt nghiệp cho sinh viên. Tuy nhiên không phải bất cứ sinh viên nào sau khi hoàn thành quá trình thực tập tại đơn vị, mang về một báo cáo tốt, đạt được điểm số cao cũng đồng nghĩa với việc sinh viên đó đã thực sự trải qua môi trường thực tế doanh nghiệp, có cơ hội áp dụng các kiến thức đã học và sẽ không ngỡ khi cầm tấm bằng tốt nghiệp để đi tìm việc làm. Trên thực tế, tỷ lệ sinh viên tìm được nơi thực tập thật sự hiệu quả còn thấp. Xuất phát từ thực trạng này, cùng với mong muốn nâng cao chất lượng đào tạo cũng như giúp sinh viên gắn kết nhiều hơn nữa giữa lý thuyết và thực tế, tác giả đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng bài báo cáo thực tập tốt nghiệp của sinh viên ngành QTKD tổng hợp gắn với thực tiễn.

2. Vai trò của thực tập tốt nghiệp đối với sinh viên khoa QTKD – Trường Cao Đẳng Công Thương TP HCM hiện nay

Khoa QTKD triển khai cho sinh viên đi thực tập từ kỳ thứ 5 của các chuyên ngành đào tạo của Khoa. Thời gian thực tập 8 tuần. Đợt thực tập này được coi như một học phần tương đương với 5 tín chỉ

và điểm chấm của giảng viên về thực tập được tính như điểm tổng kết của học phần. Đây là cơ hội để các em sinh viên trong khoa được làm việc với giảng viên hướng dẫn các em viết báo cáo, được trải nghiệm thực tế nhiều hơn, được làm quen với nghiên cứu khoa học, ... Cụ thể, quá trình này giúp các em thu được những điều gì?

- Sinh viên được trải nghiệm trong môi trường làm việc thực tế

Từ năm thứ nhất đến hết năm thứ 2, phần lớn thời lượng học trên giảng đường là thời gian sinh viên tiếp nhận, trau dồi kiến thức chuyên ngành. Thực tập là một môn trong chương trình đào tạo mà sinh viên phải hoàn thành như một môn học. Thời gian thực tập chính là cơ hội để sinh viên trực tiếp áp dụng những kiến thức trong nhà trường vào môi trường làm việc thực tiễn. Một môi trường công sở sẽ rất khác khi ngồi trên ghế giảng đường thu nhận kiến thức. Dù ở vị trí là thực tập sinh song sinh viên sẽ phải hoàn thành công việc được giao phù hợp với năng lực và yêu cầu hoàn thành như một nhân viên.

- Được nâng cao và hoàn thiện kỹ năng mềm

Dù ở trường có tổ chức các chuyên đề hay các môn kỹ năng mềm nhưng còn nặng về lý thuyết. Kỹ năng mềm chỉ được nâng cao và hoàn thiện dần trong thực tiễn cuộc sống, trong môi trường làm việc. Thông qua các hoạt động giao tiếp, ứng xử, thuyết trình hay làm việc nhóm trong khi thực tập tại DN, sinh viên sẽ dần dần trau dồi và rèn luyện, hoàn thiện kỹ năng mềm bản thân. Không thể phủ nhận ngoài kết quả học tập, kỹ năng mềm sẽ là nhân tố quan trọng không kém giúp sinh viên có cơ hội việc làm, phát triển sự nghiệp sau này.

- Cơ hội việc làm và khả năng phát triển

Thời gian thực tập tại cơ quan, công sở cũng là khi sinh viên được làm quen với môi trường mới, con người mới và công việc mới. Mọi quan hệ được mở rộng, khi năng lực bản thân được thể hiện qua vị trí làm và có cống hiến tốt chắc chắn sẽ được đền đáp.

Không ít sinh viên được giữ lại làm việc tại công ty, trở thành nhân viên chính thức sau khi kết thúc thời gian thực tập đó. Và khi đã có thời gian rèn giữa lúc thực tập, sinh viên, và giờ là nhân viên chính thức ấy, sẽ phát triển thuận lợi hơn, cơ hội thăng tiến cũng nhiều hơn.

Với những vai trò tích cực từ hoạt động thực tập tại DN đã nêu ở trên. Tuy nhiên, trên thực tế, nhiều sinh viên chưa thấy được hiệu quả tích cực của việc đi thực tập. Có sinh viên không đến nơi thực tập mà chỉ xin chữ ký để nộp. Một số sinh viên đến thì chỉ làm các việc dọn dẹp và photo tài liệu, chưa mạnh dạn xin tiếp cận với công việc mà mình sẽ làm trong tương lai vì thế chưa thấy được hiệu quả của việc đi thực tập. Nhiều bạn thì ngại, nhiều bạn thì có tâm lý ra trường chỉ cần có một tấm bằng rồi bố mẹ sẽ lo cho một nơi tử tế nên nghĩ không cần tới nơi thực tập, cứ ở nhà nghỉ ngơi, tha hồ đi chơi bay nhảy, đến thời gian gần phải nộp báo cáo thực tập thì mới bắt đầu xin số liệu ở cơ quan rồi lên mạng tìm tài liệu sẵn có copy vào. Đến ngày nộp thì chỉ cần xin nhận xét kèm chữ kí nữa là ổn. Tác giả xin chia sẻ một số thông tin về thực trạng hoạt động thực tập của sinh viên ngành QTKD tổng hợp như sau:

3.Thực trạng hoạt động thực tập của sinh viên ngành QTKD tổng hợp

Kỳ thực tập có ý nghĩa rất quan trọng đối với cả 3 đối tượng là khoa, sinh viên và đơn vị tiếp nhận sinh viên thực tập. Hoạt động này giúp sinh viên củng cố và bổ sung thêm những kiến thức lý thuyết đã học trên lớp, nâng cao kỹ năng giải quyết các vấn đề trong thực tế, bồi dưỡng cho sinh viên lòng yêu nghề, năng lực công tác thực tế để họ nhạy bén và năng động hơn trong quá trình xử lý công việc thực tế sau này. Bên cạnh đó, hoạt động thực tập của sinh viên còn giúp xây dựng mối quan hệ khăng khít giữa nhà trường và các doanh nghiệp (DN) theo phương châm "đào tạo những gì xã hội cần".

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, chất lượng thực tập của sinh viên còn nhiều vấn đề bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra. Cụ thể như sau:

Về địa điểm thực tập:

Hiện nay, nhiều cơ quan, DN không hào hứng với việc tiếp nhận sinh viên thực tập vì một số nguyên nhân sau:

- Khi tiếp nhận thực tập sinh, các đơn vị phải cử người hướng dẫn thực tập, điều này khiến công việc bị cản trở trong một thời gian.
- Các đơn vị chưa thấy trách nhiệm xã hội của mình trong việc đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao cho bản thân đơn vị mình và cho nền kinh tế.
- Tồn tại tâm lý không coi trọng khả năng của sinh viên thực tập.
- Thực tập sinh ở vị trí như quản lý các cấp bị e ngại sẽ tiếp xúc được với những thông tin cần bảo mật của đơn vị.

Theo Báo cáo kết quả rà soát số lượng DN năm 2020 của Tổng cục Thống kê, cho thấy DN nhà nước hiện chỉ chiếm 1% tổng số DN thực tế đang hoạt động; DN ngoài nhà nước chiếm 96,5%, DN có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 2,5%. Điều này lý giải lý do đa số sinh viên thực tập trong các công ty cổ phần, công ty TNHH, DN tư nhân, rất ít sinh viên thực tập trong các DN nhà nước.

Tương tự, theo số liệu điều tra hơn 100 sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp do tác giả hướng dẫn vào các năm 2021, 2022, có 47% sinh viên thực tập tại công ty TNHH, 27% sinh viên thực tập tại công ty cổ phần, công ty có vốn đầu tư nước ngoài là 2%, DN tư nhân là 19%, DN nhà nước 2% và DN khác 3%.

Về thời gian thực tập:

Về phía sinh viên, do chưa nhận thức được tầm quan trọng của quá trình thực tập nên đa số sinh viên chỉ đến xin số liệu phục vụ cho việc thực tập, chứ không dành thời gian làm thực tế. Với sinh viên, quan trọng là điểm số nhận được sau kỳ thực tập, tuy nhiên điểm số không thể hiện hết được chất lượng thực tập. Đây là một vấn đề đáng quan tâm và cần được khắc phục.

Về tính trung thực của báo cáo thực tập:

Một vấn đề đáng bàn là nạn sao chép báo cáo tốt nghiệp hiện nay ở mức độ khá phổ biến. Các số liệu trong báo cáo thực tập của sinh viên một phần do đơn vị cung cấp, một phần do sinh viên bổ sung thêm để dễ dàng hơn cho việc phân tích số liệu.

Về tính tích cực, chủ động của sinh viên trong quá trình thực tập:

Tính chủ động của sinh viên được đánh giá là yếu tố khá quan trọng quyết định đến chất lượng thực tập. Tuy nhiên, theo kết quả điều tra, hầu hết các sinh viên lại chưa thực sự chủ động trong thực tập, đặc biệt là trong việc tiếp cận với đơn vị thực tập dẫn đến chất lượng thực tập không cao.

Trong quá trình thực tập tại đơn vị, việc sinh viên có được tham gia vào hoạt động tại các bộ phận trong DN hay không phụ thuộc một phần vào sự chủ động của sinh viên. Tuy nhiên, số liệu điều tra cho thấy, một bất cập là số sinh viên được trực tiếp làm việc cùng nhân viên trong đơn vị bằng với số sinh viên chỉ ngồi nhà và tạo ra số liệu thực tập. Còn lại đa số sinh viên không được tin tưởng giao việc mà chỉ được đưa tài liệu để phục vụ cho việc làm báo cáo.

4. Các nhân tố ảnh hưởng tới chất lượng thực tập của sinh viên ngành QTKD tổng hợp.

- Các yếu tố thuộc về sinh viên:

Hạn chế lớn nhất của sinh viên trong quá trình thực tập là ít được làm quen với những công việc liên quan đến chuyên ngành học. Việc tìm hiểu, nghiên cứu các hoạt động thực tiễn của cơ sở còn gặp nhiều khó khăn. Trong quá trình học tập và rèn luyện tại trường, sinh viên hầu như chưa chú ý vào việc nâng cao các kỹ năng mềm. Do vậy, sinh viên chưa nắm được các phương pháp tiếp cận và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo, chưa rèn luyện được tác phong, phương pháp, quan điểm và ý thức của một người làm quản lý sau này.

- Các yếu tố thuộc về cơ sở thực tập:

Các đơn vị nhận sinh viên thực tập chủ yếu là để giải quyết mối quan hệ xã hội, vì vậy, dẫn đến thiếu trách nhiệm trong tạo điều kiện và quản lý sinh viên thực tập. Nguyên nhân của vấn đề này là do sự liên hệ thiếu chặt chẽ giữa nhà trường, khoa và các đơn vị nhận sinh viên thực tập. Ngoài ra, còn nguyên nhân khác là do họ rất bận với công việc, sợ xảy ra hư hỏng máy móc thiết bị khi sinh viên sử dụng hoặc là sợ lộ các bí mật kinh doanh...

- Các yếu tố thuộc về khoa chuyên ngành:

Bằng việc thiết kế kế hoạch thực tập, nhà trường và khoa chuyên ngành đã giúp sinh viên sớm định hình rõ được mục tiêu, nhiệm vụ đối với bản thân trong suốt quá trình thực tập. Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa khoa với các cơ sở thực tập trong việc quản lý và đánh giá kết quả thực tập nên phần nào giảm đi sự ràng buộc về trách nhiệm của cơ sở trong việc hướng dẫn sinh viên thực tập. Mặt khác, cách đánh giá kết quả thực tập của khoa đối với sinh viên thông qua điểm báo cáo và chuyên đề thực tập tốt nghiệp chưa có tính thúc đẩy mạnh mẽ sinh viên tìm hiểu về công việc ở đơn vị thực tập.

5.Đánh giá chung về quá trình thực tập tốt nghiệp của sinh viên ngành QTKD tổng hợp

Ưu điểm

Về phía sinh viên: Sinh viên là người được hưởng lợi nhiều nhất từ quá trình thực tập tốt nghiệp này. Trước tiên, sinh viên có cơ hội chính thức được cọ xát với môi trường làm việc cụ thể, được áp dụng những kiến thức học được ở trường vào thực tế, có cơ hội chứng tỏ bản thân với đơn vị thực tập và có cơ hội tìm được việc làm ngay khi kết thúc đợt thực tập. Đây là cơ hội tốt, cho sinh viên tích lũy kinh nghiệm cho nghề nghiệp sau này và tìm kiếm tài liệu để viết báo cáo thực tập hoặc viết khóa luận tốt nghiệp. Quy trình thực tập tốt nghiệp mà khoa và Nhà trường đang áp dụng rõ ràng, đơn giản, thuận tiện với từng mốc thời gian cụ thể khiến sinh viên có thể theo dõi và làm theo từng bước một cách dễ dàng. Quy trình này cũng tạo tính chủ động cho sinh viên khi cho phép sinh viên được tự liên hệ đơn vị thực tập, tự mang giấy giới thiệu đến đơn vị thực tập...

Về phía giáo viên: Đây là cơ hội để giáo viên trong Khoa được tiếp xúc riêng với sinh viên, hướng dẫn các em cách viết bài báo cáo thực tập tốt nghiệp, đôn đốc nhắc nhở sinh viên những thiếu sót cần được hoàn thiện để tự trang bị cho mình hành trang khi tốt nghiệp. Quy trình như hiện nay của nhà trường yêu cầu phải có giảng viên cùng tham gia hướng dẫn sinh viên trong quá trình thực tập tốt nghiệp, cho phép giáo viên được linh hoạt trong cách quản lý, hướng dẫn và chấm điểm sinh viên. Có những nhìn nhận chính xác về quá trình thực tập tốt nghiệp

Về phía đơn vị tiếp nhận sinh viên thực tập tốt nghiệp: Quy trình hiện nay cho phép sinh viên có thể tự đến liên hệ với doanh nghiệp. Với thời gian thực tập 8 tuần tại doanh nghiệp, đây sẽ là cơ hội để doanh nghiệp tìm kiếm nguồn nhân lực tiềm năng, có thể tuyển dụng vào làm ngay trước khi các em tốt nghiệp để làm chính thức. Doanh nghiệp sẽ có hướng đào tạo bổ sung cần thiết kết hợp giữa lý thuyết trong nhà trường với thực tế ngoài doanh nghiệp.

Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm, quy trình thực tập tốt nghiệp hiện nay còn tồn tại một số nhược điểm, thể hiện qua phần khảo sát các đợt thực tập của các khóa với 3 nhóm đối tượng có liên quan trực tiếp là sinh viên, giáo viên hướng dẫn và đơn vị tiếp nhận thực tập. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, thời gian thực tập cũng trùng với thời gian học nên giảng viên vừa hướng dẫn sinh viên thực tập lại vừa tham gia quá trình giảng dạy dẫn đến tình trạng có những sinh viên không gặp mặt trực tiếp giáo viên hướng dẫn mà chỉ liên hệ qua điện thoại hoặc thư điện tử nên hiệu quả công việc không như kỳ vọng.

Thứ hai, việc chỉ có một giáo viên chấm có thể gây ra tình trạng chấm điểm không khách quan, công bằng giữa các sinh viên trong một nhóm.

Thứ ba, giáo viên hướng dẫn chưa kiểm soát kỹ nơi thực tập, nhiều khi chỉ cần có nơi tiếp nhận là được đã khiến nhiều sinh viên đi thực tập ở những đơn vị ít hoặc không có liên quan đến chuyên môn mình được học, do đó, không phục vụ nhiều cho mục đích của đợt thực tập tốt nghiệp

Thứ tư, nhiều sinh viên cũng chưa hiểu được vai trò của thực tập và cho rằng đi thực tập chỉ mang hình thức đối phó, họ chỉ cần vượt qua kỳ thực tập với những lời nhận xét tốt của doanh nghiệp và bài luận được điểm số cao. Ngoài ra, khi vào môi trường làm việc thực tế, sinh viên luôn ngỡ ngàng với các công việc dù nhỏ nhất như photocopy, in ấn tài liệu, gửi, nhận tài liệu và soạn thảo văn bản... Bản thân sinh viên thấy kiến thức học được trong trường không giống với thực tế. Khi sinh viên không làm được lại ngại hỏi người hướng dẫn tại đơn vị và phải mất thời gian mày mò, khiến cho công việc không đạt được kết quả và tiến độ. Hơn nữa, kỹ năng giao tiếp của sinh viên còn yếu, thiếu tự tin và luôn bị động, luôn ngại ngùng, e dè, khiến việc trao đổi và chia sẻ thông tin giữa sinh viên và người hướng dẫn không thực sự hiệu quả.

Mặt khác, trong những trường hợp sinh viên chủ động liên hệ tìm nơi thực tập thông qua các mối quan hệ cá nhân thì thường không nhận được sự hướng dẫn chu đáo từ phía doanh nghiệp, hay có cơ hội được trải nghiệm công việc thực tế cũng như rèn luyện các kỹ năng. Thay vào đó, khi đến thực tập, sinh viên chỉ được ngồi một chỗ quan sát, hoặc làm các công việc lặt vặt, có thể được cung cấp số liệu theo yêu cầu hoặc không. Điều này dẫn đến một thực tế là sinh viên thường chán nản, không muốn đến doanh nghiệp, chỉ đến cho có mặt hoặc khi cần xin tài liệu. Chất lượng và hiệu quả thực tập của sinh viên vì thế không đảm bảo được yêu cầu. Kỳ thực tập trở lên ít có giá trị và càng không phải là bước đệm để sinh viên vững bước sau khi ra trường, vấn đề đáng quan tâm là sinh viên thực tập dưới hình thức này lại chiếm phần lớn.

Chính vì vậy, kết quả là kỳ thực tập chỉ thành công trên giấy tờ, sinh viên không tiếp cận được với công việc, không có thêm kinh nghiệm về nghề nghiệp, thậm chí bị rơi vào trạng thái tâm lý mệt mỏi, hoang mang và thất vọng

6. Giải pháp nâng cao chất lượng báo cáo thực tập của sinh viên ngành QTKD tổng hợp

Về phía Nhà trường và khoa chuyên ngành

Thứ nhất, để sinh viên thực tập thành công, điều căn bản nhất là chương trình đào tạo trong nhà trường cần được xây dựng có chất lượng, gắn liền với thực tiễn nghề nghiệp. Có một thực tế là hiện nay, các đơn vị sử dụng lao động phần lớn đều phải tái đào tạo nhân viên là sinh viên mới ra trường. Kiến thức sinh viên được học trên giảng đường đa phần nặng tính lý thuyết, ít được thực hành, ít được rèn luyện kỹ năng, ít được cập nhật các tri thức mới đi liền với sự phát triển của các ngành nghề. Điều này khiến sinh viên gặp không ít khó khăn, lúng túng khi tiếp cận với công việc, nhất là trong thời gian thực tập. Để biết được những hạn chế của chương trình đào tạo, Khoa nên tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các cơ quan, doanh nghiệp. Những ý kiến này thường rất thiết thực, giúp Nhà trường và khoa hiểu được

nhu cầu của thị trường lao động, nhằm trang bị kiến thức cho sinh viên. Có thể lấy phản hồi bằng nhiều cách như tổ chức hội thảo, tổng hợp thông tin thông qua bảng câu hỏi hay phỏng vấn trực tiếp...

Thứ hai, Nhà trường cần phát huy hiệu quả của Trung tâm hỗ trợ sinh viên và quan hệ DN để có nơi thực tập tại cho sinh viên. Trung tâm trước hết là nơi cung cấp các nguồn thông tin cho những em sinh viên khó khăn trong việc tiếp cận đơn vị thực tập. Ngoài ra, Trung tâm còn là cầu nối để doanh nghiệp phản hồi chất lượng đào tạo của Nhà trường, cũng là nơi cung cấp các ý kiến phản hồi của doanh nghiệp cho các Khoa chuyên môn.

Thứ ba, nếu có thể, Nhà trường nên tăng tiền hướng dẫn thực tập cho giáo viên hướng dẫn. Đây là sự khích lệ cần thiết bởi giáo viên hướng dẫn cũng phải đầu tư nhiều hơn khi giúp sinh viên nâng cao tính thực tế qua hoạt động thực tập.

Thứ tư, sau khi sinh viên nhận chỗ thực tập, GV cần liên hệ thường xuyên với nơi tiếp nhận để tìm hiểu về tình hình thực tập của sinh viên. Như vậy mới theo dõi được thực chất chất lượng kỳ thực tập của sinh viên, đồng thời trong nhiều trường hợp cũng cần có sự can thiệp, điều chỉnh đối với sinh viên.

Thứ năm, theo thông tin chung của các trường, nhiều bài báo cáo có thể bị “xào nấu” phần nội dung nền, vì vậy, cần có sự kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ của giảng viên hướng dẫn và thực hiện các phương pháp đánh giá khách quan. Vấn đề này có thể khắc phục được hay không phụ thuộc rất nhiều ở người hướng dẫn.

Về phía sinh viên:

Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của thực tập tốt nghiệp đối với công việc trong tương lai của mình. Vì thế, sinh viên cần phải cố gắng hết sức để bắt kịp công việc, không phải chỉ để đối phó lấy một bản nhận xét tốt. Và để có thể làm việc tốt, sinh viên cần có kiến thức vững vàng. Điều này cần phải được trau dồi trong suốt quá trình học tập của sinh viên trước đó. Muốn vậy, nhà trường, giáo viên cần củng cố ý thức này cho sinh viên ngay từ khi mới bước chân vào trường chứ không phải chỉ trước kỳ thực tập.

Sinh viên cần chủ động hơn trong việc tìm kiếm đơn vị cũng như vị trí thực tập phù hợp với chuyên ngành học. Việc tìm kiếm này không phải cứ đợi đến sát thời kỳ thực tập mới tiến hành tìm hiểu mà nên lưu tâm từ trước đó một thời gian đủ dài. Mỗi sinh viên nên luôn có ý thức chấp hành tốt nội quy đơn vị đi thực tập, cũng như những quy định của giáo viên hướng dẫn, luôn có tinh thần học hỏi và cầu tiến.

Đối với nội dung bài báo cáo thực tập tốt nghiệp, sinh viên nên tự tìm tòi, phân tích, đặc biệt là những chủ đề mới lạ trong doanh nghiệp. Sinh viên không nên lệ thuộc quá nhiều vào những bài báo cáo có sẵn tại đơn vị thực tập rồi đem “xào nấu”, copy lại và nộp cho giáo viên hướng dẫn.

Đối với giáo viên hướng dẫn

Giảng viên hướng dẫn cần có kế hoạch về nội dung hướng dẫn hàng tuần cho sinh viên, có lịch hướng dẫn mỗi tuần cho sinh viên để đánh giá và theo dõi tiến độ thực hiện của sinh viên kịp thời

Giảng viên tự học tập và bồi dưỡng để không ngừng nâng cao năng lực của bản thân. Bên cạnh việc hoàn thiện năng lực chuyên môn, giảng viên cũng cần bồi dưỡng thêm về năng lực nghiên cứu, mỗi bài báo cáo là một sản phẩm khoa học, mỗi giáo viên là một người hướng dẫn khoa học nên để giúp các em hoàn thành tốt bài báo cáo thì người hướng dẫn cần phải tự trau dồi các phương pháp nghiên cứu. Giáo viên hướng dẫn cần có sự cải tiến trong nội dung bài báo cáo hướng tới nâng cao tính thực tiễn, ứng dụng đối với sinh viên

Để gắn kết thực tiễn với chuyên ngành giảng dạy, mỗi giáo viên hướng dẫn cần tiếp cận nhiều hơn với doanh nghiệp. Khi giáo viên đi thực tế sẽ thu thập được nhiều thông tin, nhiều nội dung để có thể truyền đạt lại cho sinh viên qua giờ lên lớp, chia sẻ với sinh viên trong quá trình hướng dẫn. Qua việc đi thực tế tại doanh nghiệp, giáo viên sẽ có thể tổng hợp thông tin và viết thành các case study dùng cho giảng dạy và nghiên cứu. Bên cạnh việc hoàn thiện về chuyên môn, bổ sung kiến thức thực tế thì mỗi giảng viên cần nhiệt tình hơn nữa với sinh viên.

Về phía đơn vị thực tập

Để nâng cao chất lượng chương trình thực tập của sinh viên, chất lượng nguồn nhân lực tiềm năng, các cơ quan, tổ chức, DN cần có sự phối hợp tích cực, hỗ trợ nhà trường trong việc tiếp nhận sinh viên thực tập, tạo những điều kiện tốt nhất để thực tập sinh tiếp cận với công việc

Khi doanh nghiệp đã đồng ý tiếp nhận sinh viên đến thực tập thì cũng cần có sự quản lý chặt chẽ hơn như cử một cán bộ phụ trách theo dõi quá trình thực tập để chấm dứt tình trạng sinh viên muốn đến hoặc muốn đi tùy thích rồi cuối thời gian đến lấy dấu xác nhận và đạt yêu cầu. Doanh nghiệp cần duy trì, phối hợp thường xuyên với nhà trường để gắn kết tính thực tiễn cho quá trình thực tập của sinh viên.

Trên đây là một số ý kiến về thực trạng thực tập, làm báo cáo thực tập của sinh viên cùng những giải pháp nâng cao chất lượng của quá trình thực tập và viết báo cáo thực tập cho sinh viên. Hy vọng rằng với sự nỗ lực của Khoa, sự nhận thức đúng đắn của sinh viên và sự ủng hộ của các đơn vị thực tập, quá trình thực tập tốt nghiệp thực sự trở thành một chiếc cầu nối cho sinh viên bước tiếp những chặng đường tương lai của sự nghiệp học tập và công việc sau này.

Tài liệu tham khảo

1. Báo cáo Sự phát triển của Hệ thống Giáo dục Đại học, Các giải pháp đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo.
2. Nguyễn Thị Huệ, “Giải pháp nâng cao chất lượng thực tập của sinh viên khối ngành kinh tế”, Kỷ yếu hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học.
3. Nguyễn Thúy Phương, “Đề xuất một số biện pháp khắc phục khó khăn trong hướng dẫn sinh viên tham gia kiến tập và thực tập tốt nghiệp”, Kỷ yếu hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học.

4. Lập kế hoạch để đạt được hiệu quả đối với việc tuyển thực tập sinh, Tạp chí HR Focus, ABI/INFORM Global.
5. Castillo, D.E, Khuyến khích sinh viên thực tập tích cực làm việc, Tạp chí Business Mexico, ABI/INFORM Global.
6. *Tapchitaichinh.vn*

THỰC TRẠNG VÀ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT VỀ HOẠT ĐỘNG NGOẠI KHÓA CỦA SINH VIÊN KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH HƯỚNG ĐẾN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HỌC TẬP

Phan Nguyễn Phong Luân

Tóm tắt

Hoạt động ngoại khóa là yếu tố không thể thiếu trong việc đào tạo sinh viên nhằm phát triển một cách toàn diện về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Các ngành học của Khoa Quản trị kinh doanh, trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM đều gắn với thực tế nên việc tham gia các hoạt động ngoại khóa của sinh viên nhằm vận dụng lý thuyết vào thực tiễn đời sống là điều vô cùng quan trọng. Nghiên cứu sử dụng cơ sở dữ liệu thứ cấp cùng kết quả khảo sát 200 sinh viên của Khoa Quản trị kinh doanh nhằm tìm ra thực trạng cũng như những đánh giá của sinh viên về các hoạt động ngoại khóa hiện nay. Từ đó, nghiên cứu đưa ra các ý kiến đề xuất nhằm cải thiện các hoạt động này hướng đến nâng cao chất lượng học tập của sinh viên.

Từ khóa: *hoạt động ngoại khóa, sinh viên, quản trị kinh doanh, chất lượng học tập*

1. Đặt vấn đề

Khi nói về những hành trang mà người học cần có trong thời buổi ngày nay thì ngoài kiến thức và kỹ năng chuyên môn, sinh viên cũng cần phải trang bị kỹ năng mềm cùng các mối quan hệ cả trong và ngoài cơ sở giáo dục. Những kỹ năng như giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, xử lý tình huống, giải quyết vấn đề... có thể được rèn luyện thông qua nội dung chương trình học chính khóa cũng như dựa vào các hoạt động ngoại khóa. Trong đó, hoạt động ngoại khóa là nhóm hoạt động được nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng mang lại nhiều lợi ích bền vững cho người học tại các cơ sở giáo dục hiện nay về cả kiến thức lẫn kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm (Bush, 2003). Có thể thấy rằng đây là một trong những yếu tố góp phần giúp sinh viên phát triển một cách toàn diện (Bùi Thị Thu Huệ, 2013).

Đối với Khoa Quản trị kinh doanh (QTKD), trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM thì các ngành học của Khoa đều mang tính chất gắn liền với thực tiễn đời sống và yêu cầu nhiều kỹ năng cần thiết khi tốt nghiệp. Việc tham gia các hoạt động ngoại khóa sẽ giúp sinh viên của Khoa hiện thực hóa những kiến thức được học, rèn luyện kỹ năng thực tế và mở rộng mối quan hệ với nhiều người. Theo đó, mục tiêu của tham luận nhằm nghiên cứu về thực trạng sinh viên Khoa QTKD tham gia vào các hoạt động ngoại khóa hiện nay cũng như mức độ đánh giá của các bạn về những hoạt động ngoại khóa đã tham gia. Từ đó, tham luận cũng đưa ra một số đề xuất giải pháp nhằm cải thiện các hoạt động ngoại khóa, hướng đến việc nâng cao chất lượng học tập của sinh viên và giảm tỷ lệ bỏ học.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Khái quát về hoạt động ngoại khóa

Theo từ điển tiếng Việt, “ngoại khóa” là môn học hoặc hoạt động giáo dục ngoài giờ, ngoài chương trình chính thức, phân biệt với nội khóa hoặc chính khóa. Theo khái niệm này, ta có thể thấy hai đặc điểm quan trọng của hoạt động ngoại khóa bao gồm: được tổ chức ngoài giờ học chính thức và mang ý nghĩa giáo dục cho sinh viên. Do thời gian diễn ra nằm ngoài giờ học chính thức nên về cơ bản thì hoạt động ngoại khóa được tổ chức dựa trên tinh thần tự nguyện, tự giác của sinh viên (Hoàng Đức Giang, 2016). Mặc dù nhiều ý kiến vẫn cho rằng các hoạt động ngoại khóa đôi khi sẽ là yếu tố ảnh hưởng

đến khả năng tập trung học tập của sinh viên nhưng cũng không thể phủ nhận những lợi ích mà hoạt động ngoại khóa mang lại, kể cả đối với kết quả học tập (Bush, 2003). Việc tham gia hoạt động ngoại khóa không chỉ giúp sinh viên có môi trường giải tỏa căng thẳng sau giờ học mà đó còn là nơi hoàn thiện tính cách người học và góp phần giáo dục nghề nghiệp (Bùi Thị Thu Huệ, 2013). Do đó, hiện nay các cơ sở giáo dục thuộc các cấp đều xây dựng chủ trương lồng ghép các hoạt động ngoại khóa vào kế hoạch hoạt động của người học hướng đến mục tiêu phát triển toàn diện cũng như nâng cao chất lượng dạy và học.

Việc tổ chức hoạt động ngoại khóa cũng được quy định trong các văn bản của các cơ quan quản lý về giáo dục thể hiện rõ tầm quan trọng của hoạt động này. Cụ thể là Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã quy định về việc lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho sinh viên các trường Cao đẳng trong hoạt động ngoại khóa phải thực hiện một cách logic và phù hợp (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 2021). Cũng như việc tổ chức hoạt động ngoại khóa cũng nằm trong bộ tiêu chí đánh giá công tác học sinh sinh viên của các trường với nhóm tiêu chí số 5 bao gồm: cơ sở vật chất cho hoạt động ngoại khóa; kế hoạch tổ chức hoạt động, hội diễn văn nghệ; phối hợp với tổ chức Đoàn – Hội tổ chức phong trào tình nguyện; tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa; thành lập đội tuyển thể thao giao lưu, thi đấu (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 2017).

2.2. Phân loại hoạt động ngoại khóa của sinh viên

Việc phân loại hoạt động ngoại khóa của sinh viên sẽ dựa theo nhiều tiêu chí khác nhau. Trong phạm vi nghiên cứu hiện tại, tác giả phân loại các hoạt động ngoại khóa dựa theo mục đích, nội dung của hoạt động để chia thành ba nhóm chính: hoạt động học tập và nghiên cứu khoa học; hoạt động xã hội; hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao.

2.2.1. Hoạt động học tập và nghiên cứu khoa học

Dựa theo khái niệm về hoạt động ngoại khóa, có thể thấy rằng những hoạt động này dù mang hình thức nào đi chăng nữa cũng cần có sự liên kết với nội dung học tập và góp phần cải thiện chất lượng việc học. Do đó, nhiều hoạt động ngoại khóa được ra đời dưới dạng các hoạt động học tập và nghiên cứu khoa học với mục đích hỗ trợ sinh viên một cách trực tiếp trong quá trình học tập tại trường. Có thể kể đến một số hình thức ngoại khóa liên quan đến học tập và nghiên cứu khoa học như: học nhóm, buổi tập huấn (workshop) kỹ năng, câu lạc bộ ngoại ngữ, hoạt động thực tế do Trường hoặc Khoa tổ chức... Các hoạt động này dành phần lớn thời gian cho việc hệ thống hóa kiến thức, vận dụng kiến thức vào thực tiễn, quan sát môi trường thực tiễn nghề nghiệp... để bổ sung cho các nội dung lý thuyết được học trên lớp.

Thực tế hiện nay thời lượng học tập chính khóa của sinh viên không đủ để giảng viên có thể truyền đạt hết tất cả hàm lượng thông tin mà chỉ có thể giảng dạy những kiến thức cơ bản. Riêng đối với nhóm ngành nhà hàng khách sạn có những môn học thực hành thì thời gian trên lớp cũng không thể giúp

các bạn có thể rèn luyện các kỹ năng nghiệp vụ một cách thật sự thuần thục, tinh xảo. Do đó, các hoạt động ngoại khóa về học tập và nghiên cứu khoa học sẽ là cơ hội để sinh viên hệ thống hóa lại kiến thức, trau dồi kỹ năng và vận dụng chúng một cách hiệu quả (Bùi Thị Thu Huệ, 2013). Thông qua các hoạt động về học tập và nghiên cứu khoa học, sinh viên cao đẳng có thể bổ sung các kiến thức bổ trợ liên quan đến ngành, nghề đào tạo ở phạm vi rộng; kiến thức về chính trị, văn hóa, xã hội; kiến thức bổ trợ về quản lý, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát, đánh giá quá trình thực hiện... (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 2021).

2.2.2. Hoạt động xã hội

Đối với người học, đặc biệt là ở lứa tuổi sinh viên, thì việc quan tâm đến các hoạt động xã hội là một phần không thể thiếu bên cạnh việc học tập trên trường lớp. Bởi lẽ tầm nhận thức của lứa tuổi sinh viên đã có thể nhận diện các vấn đề xã hội cũng như tham gia góp phần cải thiện và giải quyết các vấn đề đó. Một số hình thức của hoạt động ngoại khóa liên quan đến xã hội có thể kể đến như: tập huấn kỹ năng mềm, hiến máu tình nguyện, các chiến dịch tình nguyện thường niên, giáo dục truyền thống, hoạt động vì xã hội... Việc tham gia hoặc tổ chức các hoạt động, sự kiện về xã hội sẽ giúp sinh viên cao đẳng rèn luyện các kỹ năng bổ trợ như thuyết trình, đàm phán, lãnh đạo, định hướng và phát triển nghề nghiệp, quản lý điều hành, giải quyết xung đột, kỹ năng ngoại ngữ và công nghệ thông tin... (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 2021).

2.2.3. Hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao

Theo định hướng phát triển nguồn nhân lực thế kỷ mới, sinh viên không chỉ cần được rèn luyện và bổ sung các kiến thức, kỹ năng chuyên môn mà còn cần được phát huy một cách tối đa những khả năng, sở trường của riêng mình. Do đó, việc tham gia các hoạt động ngoại khóa về văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao luôn là một trong những sự lựa chọn của nhiều bạn sinh viên. Một số hình thức hoạt động thuộc nhóm này có thể kể đến như các câu lạc bộ/ đội văn nghệ, cuộc thi văn nghệ các cấp, câu lạc bộ văn thơ, cuộc thi thể thao các cấp... Những hoạt động này giúp sinh viên nâng cao đời sống tinh thần, làm quen với nhiều bạn mới có cùng đam mê và phát huy tối đa năng khiếu của mỗi cá nhân. Riêng với nhóm các hoạt động về thể dục thể thao, Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng đã quy định về việc “tổ chức các hoạt động thể thao ngoại khóa trong nhà trường nhằm động viên, khuyến khích học sinh, sinh viên tự giác tham gia tập luyện thể thao; hình thành thói quen rèn luyện thân thể thường xuyên cho học sinh, sinh viên” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2008). Điều này cho thấy mức độ quan tâm của cơ quan Đoàn thể dành cho hoạt động ngoại khóa liên quan đến văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao.

3. Phương pháp nghiên cứu

Về phương pháp định lượng, tác giả tiến hành khảo sát 200 sinh viên thuộc 04 nhóm ngành của Khoa QTKD, trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM. Tỷ lệ giới tính Nữ/ Nam là 77,5% / 22,5%. Tỷ lệ các ngành học của sinh viên được khảo sát lần lượt là: Quản trị kinh doanh xuất nhập khẩu – 28,5%,

Quản trị kinh doanh tổng hợp – 26,5%, Quản trị khách sạn – 25,5%, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống – 19,5%. Đa phần sinh viên được khảo sát thuộc khóa K44 – sinh viên năm 2 (65%), tiếp theo là khóa K45 – sinh viên năm 1 (27,5%), còn lại là sinh viên K43 và K42. Bản hỏi khảo sát được thiết kế dưới dạng câu hỏi thang đo Likert 5 bằng công cụ Google Form nhằm đánh giá mức độ hài lòng và mức độ đồng ý của sinh viên về các vấn đề liên quan đến các hoạt động ngoại khóa đã tham gia. Bản hỏi cũng đưa ra các lựa chọn nhằm tìm hiểu về những hoạt động ngoại khóa mà sinh viên mong muốn tham gia trong tương lai cũng như các ý kiến đề xuất nhằm nâng cao chất lượng hoạt động ngoại khóa của nhà trường.

Nghiên cứu cũng sử dụng phương pháp tổng hợp cơ sở dữ liệu thứ cấp về hoạt động ngoại khóa cũng như kế thừa một số kết quả nghiên cứu tiền nhiệm về ảnh hưởng của hoạt động ngoại khóa đến việc học tập của học sinh sinh viên. Những dữ liệu này giúp nghiên cứu nhìn nhận một cách đúng mực về hoạt động ngoại khóa trong bối cảnh hiện nay cũng như là cơ sở để đưa ra các đánh giá và đề xuất giải pháp phù hợp.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Thực trạng tham gia hoạt động ngoại khóa của sinh viên Khoa QTKD

Dựa theo phân loại hoạt động ngoại khóa của sinh viên đã nêu trên, nghiên cứu tiến hành khảo sát sinh viên về những hoạt động ngoại khóa mà các bạn đã tham gia. Kết quả khảo sát được thể hiện thông qua bảng bên dưới:

Bảng 1. Khảo sát về tham gia hoạt động ngoại khóa của sinh viên Khoa QTKD (n = 200)

Hoạt động ngoại khóa	Đã tham gia	Muốn tham gia
Nhóm hoạt động về học tập, nghiên cứu khoa học		
Học nhóm	188	80
Workshop kỹ năng	11	53
Câu lạc bộ ngoại ngữ	14	80
Hoạt động thực tế do Trường, Khoa tổ chức	60	89
Nhóm hoạt động xã hội		
Tập huấn kỹ năng mềm	51	99
Hiến máu tình nguyện	93	78
Các chiến dịch tình nguyện	40	82
Giáo dục truyền thống, về nguồn	38	33
Hoạt động khác do Chi Đoàn, Đoàn Trường tổ chức	74	46
Khác	3	

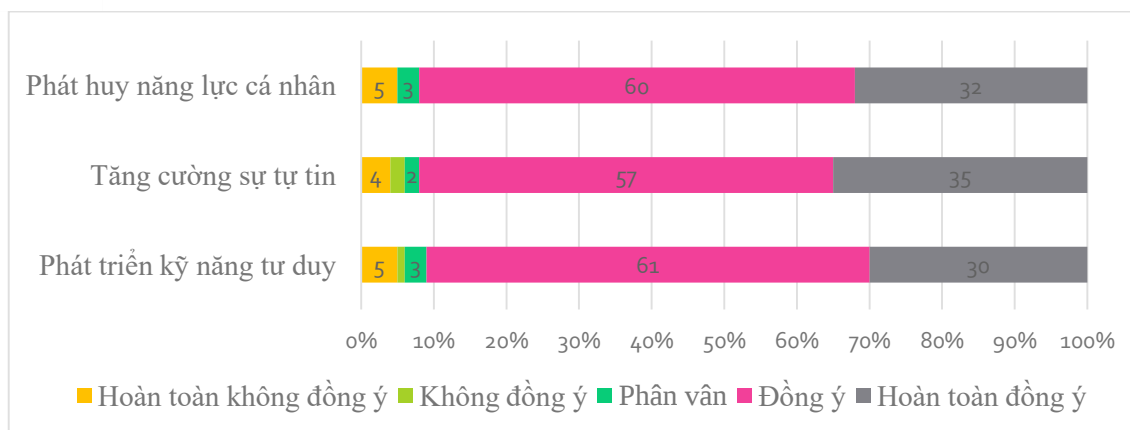
Nhóm hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao		
Câu lạc bộ/ Đội văn nghệ	100	46
Cuộc thi văn nghệ các cấp	26	46
Câu lạc bộ văn thơ	5	8
Câu lạc bộ/ Đội thể thao	49	54
Cuộc thi thể thao các cấp	20	32
Khác	5	

(Nguồn: kết quả khảo sát của nghiên cứu)

Kết quả khảo sát trên cho thấy sinh viên Khoa QTKD hiện nay cũng tham gia khá nhiệt tình các hoạt động ngoại ở trong và ngoài nhà trường. Trong đó, việc học nhóm chiếm tỉ lệ nhiều hơn cả (188/200 phản hồi), tiếp theo đó là tham gia Câu lạc bộ/ Đội văn nghệ (100/200 phản hồi) và hoạt động hiến máu tình nguyện (93/200 phản hồi). Thực trạng này khá tương đồng với các cơ sở giáo dục trình độ cao đẳng khác hiện nay khi hoạt động học tập chủ yếu vẫn là việc học nhóm cũng như tham gia các chương trình thực tế doanh nghiệp do Khoa và Trường tổ chức. Hoạt động văn nghệ cũng là một sự lựa chọn tương đối phổ biến đối với sinh viên Khoa QTKD nói riêng và tại các cơ sở giáo dục khác nói chung. Thực trạng này đặt ra yêu cầu về việc nâng cao hơn nữa chất lượng các hoạt động ngoại khóa cũng như đa dạng hóa và làm phong phú thêm hình thức các hoạt động ngoại khóa bởi các bạn sinh viên đều có tinh thần tham gia.

4.2. Ảnh hưởng của hoạt động ngoại khóa đến chất lượng học tập của sinh viên

Đặc điểm của hoạt động ngoại khóa là dù được tổ chức ngoài thời gian học chính thức nhưng bản thân những hoạt động này cũng là một phần của công tác giáo dục sinh viên, đồng nghĩa với việc chúng cũng mang giá trị giáo dục nhất định. Đây sẽ là những hoạt động bổ ích, có tác dụng bổ sung và hỗ trợ chương trình chính khóa, giúp nâng cao chất lượng đào tạo cũng như gắn kết thực tiễn với việc giáo dục sinh viên (Hoàng Đức Giang, 2016). Đặc biệt là với các ngành học của Khoa QTKD vốn gắn với thực tiễn đời sống đa dạng thì các hoạt động ngoại khóa lại càng có vai trò quan trọng hơn nữa. Kết quả khảo sát sinh viên về những lợi ích của hoạt động ngoại khóa liên quan đến việc học tập được thể hiện thông qua biểu đồ bên dưới:

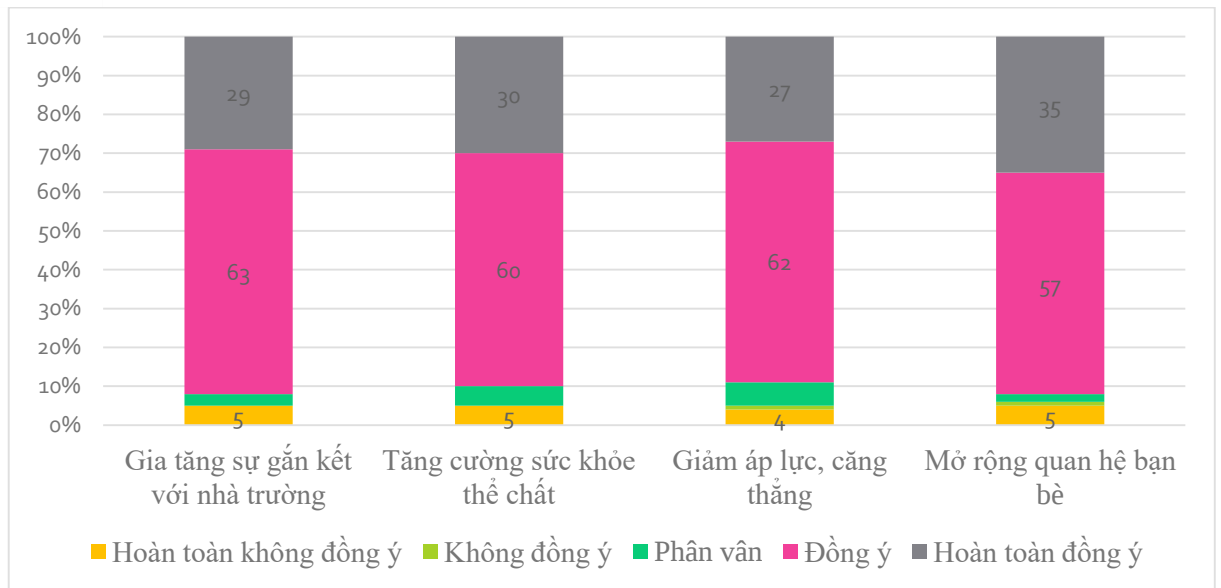


Biểu đồ 1. Đánh giá về ảnh hưởng của hoạt động ngoại khóa đến việc học tập

(Nguồn: kết quả khảo sát của nghiên cứu)

Theo kết quả trên, có thể thấy rằng đa phần sinh viên đều đánh giá cao sự ảnh hưởng của hoạt động ngoại khóa đến việc học tập. Tỷ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý luôn nằm ở mức cao khi cho rằng hoạt động ngoại khóa giúp các người học phát huy năng lực cá nhân (82%), tăng cường sự tự tin (92%) và phát triển kỹ năng tư duy (91%). Như đã trình bày về đặc điểm của hoạt động ngoại khóa thì đây là sự tiếp nối của các hoạt động chính khóa trên lớp, giúp gắn kết lý thuyết và thực tiễn đời sống và tạo sự thống nhất giữa nhận thức và hành động cho sinh viên (Bùi Thị Thu Huế, 2013). Do đó, khi tham gia hiệu quả các hoạt động ngoại khóa, đặc biệt là những hoạt động về học tập và nghiên cứu khoa học thì sinh viên sẽ có cơ hội vận dụng lý thuyết vào thực tiễn đời sống cũng như rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho việc học tập trên lớp.

Không chỉ về kiến thức mà hoạt động ngoại khóa còn là nơi để các bạn sinh viên có cơ hội rèn luyện, nâng cao các kỹ năng của bản thân bao gồm cả kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm. Trong đó, kỹ năng chuyên môn được trau dồi thông qua các cuộc thi về ngành học như hội thi tay nghề, các cuộc thi kiến thức tổng quát... Còn kỹ năng mềm như kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, quản lý thời gian, xử lý tình huống... được rèn luyện thông qua quá trình sinh viên tham gia các hoạt động cùng bạn bè, đội nhóm của mình. Qua đó, sinh viên sẽ trưởng thành hơn và có thể vận dụng được những kỹ năng này một cách hiệu quả trong cuộc sống và trong công việc ở tương lai (Bùi Thị Thu Huế, 2013). Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu về đánh giá của sinh viên về ảnh hưởng của hoạt động ngoại khóa đến các yếu tố cá nhân được thể hiện qua biểu đồ sau:



Biểu đồ 2. Đánh giá về ảnh hưởng của hoạt động ngoại khóa đến cá nhân

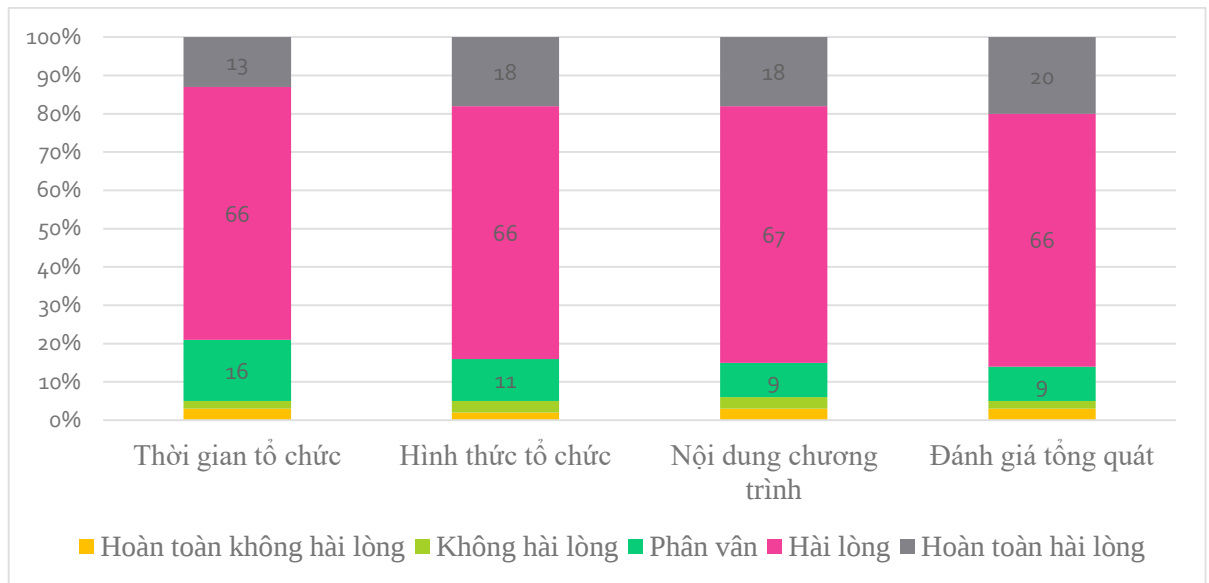
(Nguồn: kết quả khảo sát của nghiên cứu)

Theo kết quả trên, tương tự với việc học tập thì đa phần đối tượng được khảo sát cũng đánh giá cao ảnh hưởng của hoạt động ngoại khóa đến cá nhân của sinh viên. Không chỉ có sự liên kết trực tiếp với nội dung học trên lớp mà hoạt động ngoại khóa còn là nơi để sinh viên có thể thư giãn sau những giờ học căng thẳng. Điều này cũng đã được chứng minh bởi các nghiên cứu tiền nhiệm khi chỉ ra rằng đa phần các sinh viên tham gia tích cực vào các hoạt động ngoại khóa, bao gồm cả hoạt động thể thao hoặc văn hóa văn nghệ, đạt được mức kết quả học tập cao hơn mức phổ thông (Bush, 2003). Đặc điểm của hoạt động ngoại khóa cũng luôn có sự tham gia của nhiều người, từ đó tạo cơ hội mở rộng quan hệ bạn bè của sinh viên. Riêng với các hoạt động thể thao thì khả năng tăng cường sức khỏe thể chất, giúp sinh viên có đủ năng lượng để hoàn thành việc học tập là điều có thể dễ dàng nhận thấy.

Một yếu tố quan trọng khác liên quan đến lợi ích của hoạt động ngoại khóa chính là tác động đến việc giảm tỷ lệ bỏ học. Theo như kết quả khảo sát của Bush (2003) thì các sinh viên thường xuyên tham gia vào các hoạt động ngoại khóa sẽ có tinh thần thoải mái, năng động hơn và có mối quan hệ tốt hơn với các bạn cùng lớp cũng như cùng trường. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến tinh thần học tập của sinh viên bên cạnh kết quả học tập hoặc các lý do khách quan khác như gia đình, kinh tế, xã hội... Trong những tình huống mất tinh thần học tập, chính những mối quan hệ mà sinh viên xây dựng được thông qua việc tham gia hoạt động ngoại khóa sẽ là nguồn động lực to lớn để sinh viên lấy lại tinh thần và tiếp tục việc học (Bush, 2003). Hơn nữa, kết quả khảo sát cũng chỉ ra khả năng gia tăng sự gắn kết giữa sinh viên với nhà trường, khiến sinh viên cảm thấy tự hào và hãnh diện với ngôi trường mà mình đang theo học. Điều này sẽ góp phần giảm thiểu tỷ lệ bỏ học liên quan đến các nguyên nhân chủ quan.

4.3. Đánh giá của sinh viên về các hoạt động ngoại khóa đã tham gia

Biểu đồ bên dưới thể hiện mức độ đánh giá của sinh viên về các hoạt động ngoại khóa đã tham gia:



Biểu đồ 3. Đánh giá về các hoạt động ngoại khóa đã tham gia

(Nguồn: kết quả khảo sát của nghiên cứu)

Theo kết quả khảo sát, đa phần sinh viên đều khá hài lòng với các hoạt động ngoại khóa đã tham gia, bao gồm cả các yếu tố như thời gian tổ chức, hình thức tổ chức, nội dung chương trình cũng như về tổng quát hoạt động. Điều này cho thấy các hoạt động ngoại khóa trong và ngoài trường hiện nay đều được tổ chức ở mức hoàn thiện và đạt được hiệu quả nhất định, cũng như mang lại những giá trị tích cực cho sinh viên. Đây cũng là cơ sở để việc nâng cao chất lượng hoạt động ngoại khóa trở nên dễ dàng hơn dựa trên nền tảng các hoạt động hiện tại sẵn có.

4.4. Nhu cầu của sinh viên về các hoạt động ngoại khóa trong tương lai

Theo kết quả khảo sát trình bày ở Bảng 1, nhu cầu của sinh viên về việc tham gia các hoạt động ngoại khóa hiện nay là rất lớn. Một số hoạt động hiện nay tuy chưa có nhiều người tham gia nhưng lại là mục tiêu hướng đến của phần đông sinh viên như workshop kỹ năng, tập huấn kỹ năng mềm, câu lạc bộ ngoại ngữ, hoạt động thực tế doanh nghiệp, các chiến dịch tình nguyện... Đối với các hoạt động mà sinh viên đã tham gia thì kết quả phản hồi về nhu cầu tiếp tục trải nghiệm trong tương lai cũng ở mức xấp xỉ không quá chênh lệch.

Một số ý kiến của sinh viên cũng đề xuất về việc thành lập các câu lạc bộ thể thao hoặc tổ chức các giải thi đấu thể thao như bóng đá, bóng chuyền, cầu lông... nhằm tạo không gian sinh hoạt, giải trí và rèn luyện thân thể. Điều này về cơ bản cũng phù hợp với nội dung được Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về các hình thức tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa nên được phát triển như các câu lạc bộ thể thao, trung tâm thể thao của trường; tổ chức các hoạt động thi đấu thể thao giao lưu và trao đổi, phổ biến kiến thức tập luyện thể thao; tổ chức các giải hoặc hội thi thể thao... (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2008).

Bên cạnh đó, một số ý kiến cũng cho rằng nên có thêm các hoạt động liên quan đến chuyên ngành nhằm rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ cũng như ứng dụng lý thuyết được học vào thực tế. Những kết quả khảo sát về nhu cầu của sinh viên như trên sẽ là cơ sở để nghiên cứu đề ra các đề xuất giải pháp phù hợp trong tương lai.

5. Kết luận và đề xuất

5.1. Kết luận

Hoạt động ngoại khóa luôn là một phần không thể thiếu trong hoạt động dạy và học ở bất kỳ trình độ và hệ đào tạo nào. Đây là hoạt động mang lại nhiều lợi ích cho sinh viên không chỉ về việc học tập mà còn liên quan đến các yếu tố cá nhân cũng như góp phần giảm thiểu tỷ lệ bỏ học. Với những lợi ích đó thì số lượng sinh viên Khoa QTKD hiện nay tham gia vào các hoạt động ngoại khóa nằm ở mức tương đối cao và phân bố đều khắp các nhóm hoạt động khác nhau như học tập, nghiên cứu khoa học; hoạt động xã hội; hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao.

Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng sinh viên có sự đánh giá khá tốt về sự ảnh hưởng của hoạt động ngoại khóa đến việc học tập cũng như đến cá nhân người học. Ngoài ra, đối với các hoạt động đã tham gia thì sinh viên cũng đánh giá ở mức độ hài lòng cao về nhiều yếu tố như thời gian tổ chức, hình thức tổ chức, nội dung chương trình cũng như tổng quát về hoạt động. Những kết quả khả quan này là cơ sở để hình thành nhu cầu tham gia hoạt động ngoại khóa trong tương lai nằm ở mức cao với những yêu cầu về việc nâng cao chất lượng cũng như đa dạng hóa các hoạt động này.

5.2. Ý kiến đề xuất

5.2.1. Về phía nhà trường

Một trong những yếu tố góp phần nâng cao chất lượng hoạt động ngoại khóa hiện nay là cần xây dựng kế hoạch thực hiện một cách chi tiết, cụ thể để có cái nhìn tổng quát về những hoạt động sắp diễn ra. Bên cạnh đó, khi tổ chức các hoạt động ngoại khóa cần lên kế hoạch, kịch bản kỹ lưỡng cũng như xác định được chủ đề, tên gọi cụ thể, hình thức tổ chức cũng như đưa ra các phương án tổ chức phù hợp nhằm tạo được sức hấp dẫn đối với sinh viên Khoa QTKD nói riêng và nhà trường nói chung. Trong đó, nội dung hoạt động cần gắn với các ngành học để sinh viên cảm nhận được tính thực tiễn của lý thuyết được học và vận dụng chúng vào trong các công việc thực tế. Khi nhắc đến các yêu cầu về tổ chức hoạt động ngoại khóa cũng phải nói đến hình thức hoạt động. Hình thức phải vui tươi, sinh động và phù hợp với độ tuổi sinh viên mới tạo được hứng thú và thu hút nhiều sinh viên tham gia hoạt động (Bùi Thị Thu Huế, 2013).

Bên cạnh đó, việc đa dạng hóa các hoạt động ngoại khóa cũng là điều cần được thực hiện, giúp sinh viên cảm thấy hứng thú hơn với việc tham gia những phong trào phù hợp với sở thích và năng lực. Hiện nay các hoạt động phong trào vẫn chủ yếu tập trung vào các câu lạc bộ đã thành lập như Cán bộ Hội dự nguồn, Kỹ năng DSC, Kinh tế... Theo ý kiến của sinh viên vẫn còn thiếu các câu lạc bộ, đội,

nhóm liên quan đến các lĩnh vực khác như văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao hoặc các câu lạc bộ học thuật. Đây là vấn đề nhà trường có thể xem xét và đưa ra kế hoạch nhằm phát triển hơn nữa công tác phong trào, vừa góp phần nâng cao chất lượng học tập của sinh viên, vừa gia tăng sự kết nối và niềm tự hào của sinh viên đối với nhà trường.

Theo ý kiến khảo sát của sinh viên thì hiện nay việc tập luyện, chuẩn bị cho các chương trình ngoại khóa, hoạt động văn nghệ vẫn còn gặp khó khăn về cơ sở vật chất. Trong khi đó, một trong những tiêu chí đánh giá công tác học sinh sinh viên hiện nay có đề cập đến việc đầu tư cho cơ sở vật chất (hội trường, trang thiết bị, sân bãi, nhà thi đấu...) đảm bảo hoạt động văn hóa văn nghệ, luyện tập thể thao của học sinh, sinh viên (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 2017). Thực trạng hiện nay của nhà trường là không có những khu vực riêng hoặc phù hợp để sinh viên có thể tập luyện các hoạt động trên mà không ảnh hưởng đến việc học tập của các sinh viên khác. Nhà trường cần xây dựng và dành riêng một số khu vực phù hợp cho việc tập luyện về thể thao cũng như hát, múa... nhằm tạo sự thuận lợi hơn nữa cho các hoạt động phong trào của sinh viên.

5.2.2. Về phía Khoa QTKD và giảng viên

Một phần không nhỏ của các hoạt động ngoại khóa là việc lồng ghép các nội dung học tập cũng như vận dụng kiến thức đã học vào thực tế. Do đó, vai trò của giảng viên trong việc xây dựng nội dung cho các hoạt động ngoại khóa liên quan đến học tập là vô cùng quan trọng. Những nội dung này phải đảm bảo tính chính xác và khoa học theo nội dung đã giảng dạy, nhưng cũng phải mang tính thực tiễn cao để sinh viên có thể nắm bắt và vận dụng một cách dễ dàng.

Hiện nay ban tổ chức của các hoạt động ngoại khóa vẫn đa phần là giảng viên, chỉ riêng có các hoạt động của Câu lạc bộ - Đội – Nhóm hoặc của Đoàn Khoa là có sự tham gia tổ chức của đối tượng sinh viên. Với nhiều lý do khác nhau liên quan đến quỹ thời gian, kỹ năng tổ chức, khoảng cách thế hệ... mà công tác tổ chức hoạt động ngoại khóa đôi khi sẽ gặp một số hạn chế nhất định. Do đó việc trao quyền cũng như khuyến khích sinh viên tham gia vào ban tổ chức các chương trình, hoạt động cũng là hình thức có thể nâng cao chất lượng hoạt động. Bởi lẽ sinh viên sẽ có những ý tưởng sáng tạo cũng như khả năng nắm bắt xu hướng nhanh nhằm đưa ra các sáng kiến phù hợp với đối tượng tham gia cũng là sinh viên đồng trang lứa.

5.2.3. Về phía sinh viên

Một trong những yếu tố cần chuẩn bị đối với sinh viên chính là việc nắm chắc kiến thức học tập để vận dụng tốt trong hoạt động ngoại khóa. Bởi lẽ nhiều hoạt động ngoại khóa liên quan đến học tập như học nhóm, tập huấn kỹ năng, thực tế doanh nghiệp... đòi hỏi sinh viên phải có vốn kiến thức nhất định để áp dụng chúng một cách hiệu quả trong quá trình tham gia hoạt động. Sinh viên cần xác định tâm thế khi tham gia không chỉ để vui chơi, giải trí mà đây còn là cơ hội để hệ thống hóa kiến thức cũng như sử dụng chúng trong thực tiễn đời sống.

Vấn đề liên quan đến nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động ngoại khóa của sinh viên - vốn là lực lượng tham gia chính - cũng cần được nâng cao nhằm tạo sự hăng hái, tích cực và sáng tạo trong hoạt động. Sự năng động khi tham gia được thể hiện thông qua việc tương tác, đặt và trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống, tham gia tích cực vào các hoạt động được tổ chức... Sinh viên cũng cần động viên, khuyến khích bạn bè cùng tham gia nhằm gia tăng mối quan hệ khăng khít cũng như tạo nên những kỷ niệm đáng nhớ về thời sinh viên. Ngoài ra, với tư cách là thành phần chính tham gia vào các hoạt động ngoại khóa thì sinh viên cần đưa ra phản hồi về chương trình với ban tổ chức để cải thiện chất lượng hoạt động cũng như góp phần xây dựng kế hoạch phù hợp với nhu cầu thực tế của sinh viên trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2008). Quyết định ban hành Quy định tổ chức hoạt động thể thao ngoại khóa cho học sinh, sinh viên. Số: 72/2008/QĐ-BGDĐT.
2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. (2017). Thông tư Ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên trong trường Trung cấp, trường Cao đẳng. Số: 17/2017/TT-BLĐTBXH.
3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. (2021). Thông tư Quy định về lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Số: 32/2021/TT-BLĐTBXH.
4. Bùi Thị Thu Huế. (2013). Tổ chức hoạt động ngoại khóa cho sinh viên ngành Đa phương tiện nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển nguồn lực đơn vị.
5. Bush, J. M. (2003). The Effect of Extracurricular Activities on School Dropout. *Honors Projects*, (16).
6. Hoàng Đức Giang. (2016). Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động ngoại khóa cho sinh viên đáp ứng mục tiêu giáo dục toàn diện tại Trung tâm Giáo dục Quốc phòng-An ninh, Đại học Quốc gia Hà Nội. Kỷ yếu Trung tâm GDQP-AN.

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KHẢ NĂNG THỂ HIỆN NHẪM THU HÚT NHÀ TUYỂN DỤNG CỦA SINH VIÊN MỚI RA TRƯỜNG NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP. HCM

Nguyễn Thị Mai Vinh

Một trong những chương ngại lớn nhất của sinh viên mới ra trường đó là quá ít kinh nghiệm làm việc. Và điều đó gây khó khăn cho các bạn khi muốn thể hiện các kỹ năng mà mình có cho nhà tuyển dụng. Ấn tượng ban đầu vốn rất quan trọng, việc thể hiện chưa tốt bản thân làm cho rất nhiều cơ hội tốt sẽ đi qua.

Bài tham luận này tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thể hiện nhằm thu hút nhà tuyển dụng của sinh viên mới ra trường của Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Cao đẳng Công thương Tp.HCM. Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tìm được việc làm là Kỹ năng cứng, Kỹ năng mềm, Khả năng làm việc, Trình độ ngoại ngữ và Kết quả học tập, trong đó yếu tố Kỹ năng cứng tác động mạnh nhất.

Để nâng cao khả năng tìm được việc làm của sinh viên sau khi ra trường, cần có những nhóm giải pháp đối với sinh viên, nhà trường và người tuyển dụng. Và trong khuôn khổ tham luận này, tác giả xin trình bày về một số thực trạng và kỹ năng cần thiết cho sinh viên trước khi ra trường.

Từ khóa: việc làm, sinh viên, kỹ năng mềm, kết quả học tập, nhà tuyển dụng.

Đặt vấn đề

Sau khi tốt nghiệp ra trường, sinh viên luôn mong muốn tìm được công việc phù hợp với chuyên môn được đào tạo và có mức thu nhập ổn định. Sinh viên sau khi tốt nghiệp không tìm được việc làm do nhiều nguyên nhân khác nhau, bao gồm cả nguyên nhân khách quan và chủ quan như tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn nên nhu cầu tuyển dụng lao động bị thu hẹp và các cơ quan, tổ chức nhà nước ngày càng có yêu cầu cao hơn về chất lượng đào tạo trong tuyển dụng công chức, viên chức.

Bên cạnh đó, vấn đề tìm việc làm còn phụ thuộc vào phẩm chất, năng lực, trình độ, kỹ năng của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Trong thực tiễn, điều mà các bạn sinh viên mới ra trường cần có để được các nhà tuyển dụng mời vào làm việc là bạn hãy thể hiện được khả năng của mình thông qua lá đơn xin việc và chủ yếu là chỉ trong vài phút ít ỏi tiếp xúc với phỏng vấn viên. Điều quan trọng quyết định bạn có được chọn hay không là những kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ mà bạn đã gặt hái được trên giảng đường, trong quá trình học tập. Bên cạnh đó thì chìa khóa giúp bạn mở ra cánh cửa thành công và vượt qua những ứng viên khác chính là **kỹ năng mềm**, kỹ năng này sẽ giúp bạn phát huy hết những kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ để nhà tuyển dụng thấy rằng bạn xứng đáng được tuyển dụng.

Vì vậy, bài tham luận này trình bày sơ lược những yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thể hiện nhằm thu hút nhà tuyển dụng của sinh viên sau khi ra trường, và đưa ra một số giải pháp nâng cao khả năng tìm được việc làm.

Cơ sở lý thuyết

Nhiều nghiên cứu đã cho thấy rằng, có nhiều yếu tố khác nhau ảnh hưởng đến khả năng tìm được việc làm của sinh viên sau khi ra trường. Theo Nguyễn Thị Khánh Trinh (2016), kết quả học tập càng cao, cụ thể là điểm tốt nghiệp càng cao thì xác suất có việc sau khi ra trường của sinh viên càng cao. Bên cạnh đó, xếp loại tốt nghiệp có tác động tích cực đến việc có việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp (Võ Văn Tài và Đào Thị Huyền, 2016).

Nghiên cứu của Pandey và cộng sự (2014) cũng cho thấy việc thành thạo ngôn ngữ nước ngoài có thể giúp ứng viên để lại ấn tượng ban đầu tốt, có cơ hội cao hơn để có được vị trí mà ứng viên đang ứng tuyển. Trình độ ngoại ngữ có tác động tích cực đến việc có việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp (Võ Văn Tài và Đào Thị Huyền, 2016). Nghiên cứu của Nguyễn Thị Khánh Trinh (2016) cũng chỉ rõ điểm Anh văn càng cao thì xác suất có việc sau khi ra trường của sinh viên càng cao.

Yếu tố Kỹ năng cứng như kỹ năng chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ cũng tác động đến khả năng tìm được việc làm của sinh viên. Kantane và cộng sự (2015) đã chỉ ra rằng kỹ năng chuyên môn, kiến thức, khả năng lập kế hoạch cũng là các yếu tố quan trọng trong nhu cầu của nhà tuyển dụng đối với nhân viên. Kiến thức chuyên môn là một trong những yếu tố tác động tích cực đến việc tìm được việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp (Nguyễn Thị Thanh Vân, 2016).

Theo Nguyễn Thị Thanh Vân (2016), yếu tố kỹ năng mềm là một trong những yếu tố tác động tích cực đến khả năng có việc làm của sinh viên mới ra trường. Mặt khác, việc tham gia các khóa học kỹ năng mềm thì xác suất có việc làm sau khi tốt nghiệp sẽ cao hơn những sinh viên khác (Nguyễn Thị Khánh Trinh, 2016). Đồng thời, Majid và cộng sự (2012) đã chỉ ra rằng kỹ năng mềm phù hợp đóng một vai trò quan trọng trong thành công của sự nghiệp cũng như trong các tương tác xã hội trong xã hội, với năm kỹ năng mềm quan trọng hàng đầu là: làm việc nhóm và hợp tác, ra quyết định, giải quyết vấn đề, quản lý thời gian và kỹ năng tư duy phản biện. Bên cạnh đó, sinh viên tốt nghiệp cần phải có các kỹ năng mềm khác như lãnh đạo, giao tiếp, tư duy phân tích... để có thể đảm bảo tìm được việc làm (Hossain và cộng sự, 2018).

Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thể hiện của sinh viên nhằm thu hút nhà tuyển dụng

Ngoài việc chăm chỉ học tập những nội dung trong chương trình học ở trường thì việc có một công việc bán thời gian hay những buổi đi thực tế, thực tập ở Doanh nghiệp sẽ là một điểm cộng cho các bạn trước nhà tuyển dụng. Khoa Quản trị kinh doanh, trường Cao Đẳng Công Thương với rất nhiều hoạt động đoàn thể mạnh mẽ cũng là cơ hội cho các bạn rèn luyện về kỹ năng của mình. Tham gia các đợt tình nguyện, các Câu lạc bộ, thậm chí việc tham gia các đội bóng, các hoạt động thể dục thể thao cũng là một cách thể hiện cho nhà tuyển dụng thấy được kỹ năng mà họ đang tìm kiếm.

Nếu gặp những câu hỏi từ nhà tuyển dụng như làm sao để bạn hoà đồng trong công việc thì hãy kể về chương trình làm việc bất kỳ mà bạn đã tham gia, hay cách để tạo một ấn tượng mạnh mẽ chính là việc đã từng tham gia nhóm với đề tài nghiên cứu cấp khoa, cấp trường.

Có thể bạn là một sinh viên chăm chỉ, cần mẫn trên Giảng đường Đại học, nhưng chỉ bấy nhiêu thôi thì chưa đủ để giúp bạn thành công. Điều mà các nhà tuyển dụng yêu cầu khi phỏng vấn các ứng viên của mình là kinh nghiệm, nhưng với các bạn sinh viên mới ra trường thì các bạn không thể nào đáp ứng được điều này. Nó không có nghĩa là không có cơ hội nào dành cho bạn. Không có kinh nghiệm thì bạn hãy thể hiện khả năng ứng xử khéo léo và sự nhạy bén trong giao tiếp của mình. Công việc thực tế mà bạn sẽ làm không phải là những công thức, những nguyên lý trên sách vở mà nó là cả một thế giới bao la đòi hỏi bạn phải có những kỹ năng mềm để thích nghi với nó. Dưới đây là một số kỹ năng mềm có thể giúp bạn đến gần hơn với giấc mơ đi đến thành công của mình.

Ở phần này, tác giả muốn trình bày lại các kỹ năng mà một sinh viên ngành Quản trị kinh doanh nên có sẵn sàng trước khi ra trường để những cơ hội tốt sẽ đến và các bạn sẽ nắm bắt được.

Kỹ năng đầu tiên: **Khả năng thích nghi nhanh** Yêu cầu của lãnh đạo luôn đa dạng vì vậy bạn cần linh hoạt trong làm việc. Có thể bạn biết cách để viết các biên bản và thông báo theo đúng quy tắc nhưng sếp lại muốn bạn có cả khả năng ghi nhớ tốt và ghi chép nhanh trong công việc. Điều quan trọng là bạn cần có khả năng thích nghi nhanh với những yêu cầu mới thậm chí trong cả những thời điểm khó khăn, bất ổn.

Hai là **Nhẫn Nại và Nhún Nhường** vì nếu bạn ngay từ sớm đã đòi hỏi mức lương cao, chức danh hoặc đề nghị thăng tiến quá sớm mà không chứng tỏ được năng lực của mình thì cuối cùng cái bạn có chỉ là biệt danh “thùng rỗng kêu to”. Lãnh đạo luôn muốn nâng đỡ các cá nhân luôn sẵn lòng vượt thách thức và chứng tỏ mình hơn là những người lúc nào cũng “ngồi chờ sung rụng”.

Nếu có dịp, bạn hãy trò chuyện với các sếp lớn trong công ty về quá trình phấn đấu của họ để từ đó bạn trân trọng thành công và nỗ lực của người khác. Đó cũng là tấm gương phấn đấu cho chính bạn. Đây chính là biết người biết ta, biết nhẫn nại định hướng và nỗ lực cho bản thân.

Ba là **Cập nhật thông tin** Trong trường học, các Giảng viên có thể đã nhấn mạnh về tầm quan trọng của việc đọc tin tức. Thực tế, không gì ấn tượng hơn khi một “tân binh” có thể nắm bắt thông tin thời sự và liên hệ đến ngành cũng như là công việc của mình. Bạn có thể email cho sếp những thông tin nóng liên quan đến ngành nghề của công ty, hay thậm chí là tóm tắt khi bài báo quá dài. Hãy đọc tin tức và các ấn phẩm chuyên ngành để mở rộng kiến thức. Bạn có thể tham khảo sếp và đồng nghiệp về những trang web hoặc tạp chí chuyên ngành cần đọc.

Bốn là **Khả năng sắp xếp về thời gian** Sinh viên mới tốt nghiệp thường cảm thấy nhiệm vụ của mình trong công ty là gập đầu, tức không được từ chối bất kỳ công việc nào được giao. Nhưng nếu làm như thế, bạn có thể không cân bằng được thời gian và xao lãng công việc chính, hoặc phải “rướn” hết mình chịu trận. Khả năng sắp xếp về thời gian là cách bạn kiểm soát năng lượng và sự tập trung của mình. Hãy hỏi sếp về thứ tự ưu tiên của các công việc và hướng dẫn bạn công việc nào sếp cần gấp và bạn nên thực hiện trước. “Hãy hỏi bản thân xem những việc bạn làm quan trọng thế nào trong công việc, có giúp bạn thăng tiến hoặc nâng cao kỹ năng chuyên môn của mình hay không?”

Năm là **Nói trước công chúng** Nếu bạn không thể trình bày ý tưởng tốt, bạn sẽ gặp khó khăn khi tham gia các hoạt động của công ty. Rất nhiều sinh viên mới ra trường không được trang bị tốt kỹ năng nói trước công chúng. Vì thế họ không thể làm tốt việc giới thiệu công ty qua điện thoại hoặc khi mặt đối mặt với đối tác tại các sự kiện giao lưu, hội họp... Để khắc phục, bạn có thể tham gia các hoạt động tình nguyện mà tại đó, bạn có thể thực hành kỹ năng nói trước các thành viên. Ngoài ra, bạn cũng có thể tham dự các cuộc họp và cho ý kiến. Hãy nghĩ đến điều quan trọng nhất mà bạn muốn truyền tải đến người nghe và diễn đạt thành lời.

Sáu là **Kỹ năng xử trí xung đột** Những cuộc đối thoại căng thẳng, lắm lúc “nảy lửa” không phải là hiếm ở công sở và những ai thiếu kỹ năng xử trí vấn đề hiệu quả sẽ hẳn nhiên gặp khó khăn. Vấn đề mấu chốt là tập trung vào kết quả, chứ không phải là cảm xúc cá nhân. Cố gắng đánh giá đồng nghiệp bằng lý trí và hành xử tao nhã, cho dù bạn hoàn toàn không thể chấp nhận quan điểm của họ. Nếu bạn mở lòng với người khác thay vì vội vàng “tát nước lạnh” vào ý tưởng của họ, họ cũng sẽ mở lòng và lắng nghe bạn.

Bảy là **Kỹ năng soạn thảo văn bản** Những nhà tuyển dụng muốn nhân viên của họ có thể viết được những bản báo cáo với trình tự khoa học và không có bất cứ lỗi ngữ pháp hay chính tả nào trong câu.

Tám là **Kỹ năng về máy móc công nghệ** Có những công việc đòi hỏi khả năng cao về công nghệ thông tin như khả năng hiểu biết về ngôn ngữ lập trình. Tuy nhiên, có những công việc bạn xin tuyển không yêu cầu về khả năng công nghệ thông tin thì kỹ năng sử dụng thành thạo máy vi tính cũng vẫn là yếu tố cần thiết và cơ bản.

Chín là **Khả năng lãnh đạo** Vài năm gần đây, nhiều công ty đã cắt giảm việc thuê những nhà quản lý ở cấp độ thấp mà họ đang tìm kiếm những người có khả năng lãnh đạo ở nhiều cấp độ kể cả ở những cấp độ cao trong công ty

Mười là **Khả năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.**

Khả năng làm việc nhóm Những nhà tuyển dụng muốn tìm những nhân viên có khả năng làm việc hiệu quả, năng suất khi làm theo nhóm. Điều này đòi hỏi nhân viên đó cần có tính cách hòa đồng, tôn trọng thời hạn công việc, và sẵn sàng giúp đỡ những thành viên còn lại trong nhóm để kịp tiến độ dự án cho dù việc đó không thuộc nhiệm vụ của họ. Thông qua những công việc làm thêm hay hoạt động ngoại khóa bạn có thể tìm kiếm kinh nghiệm làm việc nhóm

Khả năng làm việc độc lập Nhà tuyển dụng cũng mong chờ nhân viên của họ có thể làm việc một cách độc lập khi cần thiết. Tuy trái ngược với khả năng trên nhưng đây cũng được coi là yếu tố rất quan trọng khi đi xin tuyển.

Giải pháp nâng cao khả năng tìm được việc làm của sinh viên khoa Quản trị kinh doanh, Trường Cao đẳng Công thương Tp.HCM

Thứ nhất, nhóm giải pháp đối với sinh viên, đó là sinh viên cần có định hướng nghề nghiệp cho bản thân, không ngừng trau dồi kiến thức, nắm vững chuyên môn ngành nghề, rèn luyện thái độ học tập và làm việc, tham gia tích cực các hoạt động rèn luyện kỹ năng trong các hoạt động của nhà trường và bên ngoài xã hội, đồng thời tìm hiểu và tích cực tham gia các khóa học rèn luyện kỹ năng mềm, tận dụng những tiết giảng trên giảng đường và các hoạt động ngoại khóa để phát triển kỹ năng mềm cho bản thân, sau cùng là tự học để nâng cao trình độ ngoại ngữ thông qua các khóa học tại trường, câu lạc bộ Tiếng Anh, các kênh truyền thống hoặc thông qua các kênh hiện đại.

Thứ hai, nhóm giải pháp đối với Nhà trường, đó là chương trình đào tạo cần có tính phù hợp, các môn học phải phù hợp với ngành nghề đào tạo và cung cấp các kiến thức về nghiệp vụ mà doanh nghiệp cần. Bên cạnh đó, Nhà trường cần có các giải pháp để nâng cao chất lượng đào tạo, đổi mới các hình thức đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho từng cá nhân học tập theo kế hoạch riêng, đẩy mạnh việc đi tham quan thực tế và thực hành nghiệp vụ chuyên môn tại doanh nghiệp, tăng cường thời gian thực tập tại doanh nghiệp, có thể bố trí một số môn học chuyên ngành yêu cầu sinh viên thực tập tại doanh nghiệp trong thời gian một tháng để viết báo cáo so sánh giữa lý thuyết và thực tế tại doanh nghiệp. Song song đó, Nhà trường cần tăng cường sự kết nối giữa nhà trường với doanh nghiệp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra, tạo điều kiện cho sinh viên có nhiều cơ hội để giao lưu, làm việc với các doanh nghiệp để họ có dịp tiếp xúc với các nhà tuyển dụng học hỏi kinh nghiệm, kiến thức nghề nghiệp, xác định mục tiêu phấn đấu rõ ràng hơn. Đồng thời, phối hợp giữa các ngành, tổ chức giải quyết việc làm cho sinh viên tốt nghiệp. Nhà trường cũng cần thường xuyên tổ chức câu lạc bộ tuổi trẻ sáng tạo, chú trọng giáo dục cho sinh viên những kỹ năng mềm về giao tiếp, xử lý tình huống, ngoại ngữ, tin học, khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học...

Thứ ba, nhóm giải pháp đối với Nhà tuyển dụng, cần thường xuyên tham vấn, kết nối với Nhà trường trong khâu tuyển dụng và đào tạo, phối hợp với Nhà trường xây dựng các chương trình đào tạo đảm bảo vừa phù hợp với thực tiễn nhu cầu việc làm vừa phù hợp với các quy định và chương trình khung của các bộ ngành quản lý công tác giáo dục và đào tạo như: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ

Lao động - Thương binh và Xã hội. Nhà tuyển dụng, các doanh nghiệp cũng cần tích cực hỗ trợ cho học sinh, sinh viên tiếp cận được với người thật, công việc thật tại đơn vị.

Kết luận

Bài tham luận đã trình bày các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thể hiện của sinh viên mới ra trường cùng với một số giải pháp nhằm nâng cao khả năng tìm việc làm của sinh viên khoa Quản trị kinh doanh, trường Cao đẳng Công thương TP.HCM. Kỹ năng mềm là một khái niệm được đề cập rất nhiều, vai trò của các kỹ năng này đối với sự thành công của người lao động là không thể phủ nhận.

Tóm lại, sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh cần phải tự nhận thức về vai trò và công việc của ngành nghề mình đang theo đuổi. Điều quan trọng là sinh viên phải nuôi dưỡng ước mơ và đam mê nghề nghiệp vì có yêu nghề thì mới tận tụy cho nghề và làm tốt chức trách được giao. Sinh viên phải tự trau dồi thật nhiều kỹ năng viết, kỹ năng sống vì mọi người, quan tâm đến công việc, hỗ trợ đồng nghiệp, phối hợp công việc giữa các bộ phận, thái độ khi nhận việc, tìm hiểu kỹ về cơ quan nơi nộp hồ sơ xin việc, mở rộng mối quan hệ xã hội, hiểu biết về các tổ chức, cơ quan có tầm ảnh hưởng đến đơn vị và có định hướng học tập nâng cao trình độ, bắt kịp sự tiến bộ của công nghệ ứng dụng vào thư viện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt:

[1]. Lê Phương Lan, Chu Thị Mai Phương, Nguyễn Thị Khánh Trinh (2016), *Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới khả năng có việc làm của sinh viên Đại học Ngoại thương sau khi tốt nghiệp*, Tạp chí Kinh tế đối ngoại (số 84), Đại học Ngoại thương.

[2]. Phan Thị Ngọc Khuyên và Nguyễn Huy Hoàng (2016), *Hiện trạng việc làm và các nhân tố kỹ năng cần thiết cho việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên ngành Kinh doanh quốc tế Trường Đại học Cần Thơ*.

[3]. Nguyễn Trọng Nhân, Nguyễn Mai Quốc Việt, Lý Mỹ Tiên (2015), *Thực trạng việc làm của sinh viên ngành Việt Nam học (hướng dẫn viên du lịch) tốt nghiệp từ Trường Đại học Cần Thơ*, Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ. Số 39, trang: 102-109.

[4]. Nguyễn Quang Thuần (2019), “Các nhân tố ảnh hưởng đến việc làm của học sinh, sinh viên tỉnh Cà Mau sau khi tốt nghiệp”, Báo điện tử Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Cà Mau, địa chỉ mạng <<http://lienhiephoikhkt.camau.gov.vn/cac-nhan-to-anhhuong-den-viec-lam-cua-hoc-sinh-sinh-vien-tinh-ca-mau-sau-khi-tot-nghiep.4171>>[Ngày truy cập: 20/10/2019].

[5]. Nguyễn Thị Thanh Vân (2016), *Phân tích các yếu tố tác động đến khả năng có việc làm của sinh viên mới ra trường thuộc Khoa kinh tế - Luật - Đại học mở TP. HCM. Đại học Mở TP.HCM*.

[6]. Võ Văn Tài và Đào Thị Huyền (2016), *Phân tích thống kê tỉ lệ có việc làm của sinh viên Khoa Khoa học Tự nhiên*, Trường Đại học Cần Thơ. Tạp chí Khoa học trường Đại học Cần Thơ. Số 44, trang: 56-61.

Tiếng Anh:

[7]. Harry, T. T., Chinyamurindi, W., Mijoli, T. (2018), *Perceptions of factors that affect employability amongst a sample of final-year students at a rural South African university*, SA Journal of Industrial Psychology.

[8]. Hossain, M. I., Yagamaran, K. S. A., Afrin, T., Limon, N., Nasiruzzaman, M., & Karim, A. M. (2018), *Factors Influencing Unemployment among Fresh Graduates: A Case Study in Klang Valley, Malaysia*, International Journal of Academic Research in Business and Social Sciences, 8(9), 1494-150.

- [9]. Kantane, I., Sloka, B., Buligina, I., Tora, G., Busevica, R., Buligina, A., Dzelme, J., Tora, P. (2015), *Expectations by Employers on Skills, Knowledge and Attitudes of Employees*, European Intergration Studies, No 9/2015, pages 224– 234.
- [10]. Majid, S., Liming, S., Tong, S., Raihana, S. (2012), *Importance of Soft Skills for Education and Career Success*, International Journal for Cross-Disciplinary Subjects in Education (IJCDSE), Special Issue Volume 2 Issue 2.
- [11]. Pandey, M. and Pandey, P. K. (2014), *Better English for Better Employment Opportunities*, International Journal of Multidisciplinary Approach and Studies, Vol 01, pages 93 – 100.
- [12]. Tabachnick and Fidell (1989), *Using Multivariate Statistics*. Northridge, USA: HarerCollins Publishers

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN CHÍNH QUY TẠI KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH – TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tác giả: Chu Chung Cang – Khoa Quản trị kinh doanh

1. Đặt vấn đề

Kết quả học tập là kiến thức, kỹ năng thu nhận được của sinh viên. KQHT là mục tiêu quan trọng nhất của các trường cao đẳng cũng của sinh viên. Các trường luôn cố gắng trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng và thái độ mà họ cần, còn sinh viên cũng kỳ vọng sẽ được nhận những kiến thức cần thiết để phục vụ quá trình làm việc và phát triển sự nghiệp trong tương lai.

Thực tế trong những năm gần đây, hiện tượng sinh viên Khoa QTKD bỏ học hay kết quả học tập thấp. Nguyên nhân của thực trạng này có thể kể đến đó là sự thay đổi môi trường học tập ở bậc cao đẳng đòi hỏi các sinh viên phải học tự lực, sáng tạo và tích cực cùng với phương pháp học tập hiệu quả mà bản thân người học chưa sẵn sàng chuẩn bị cho mình tâm lý học tập, kỹ năng học tập hiệu quả. Vì vậy việc tìm hiểu, nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên khoa QTKD là sự cần thiết để giúp cho Khoa QTKD và nhà trường có những giải pháp nhằm thay đổi kết quả học tập, tạo được động lực học tập cho sinh viên, nếu không thì mọi việc sẽ chuyển sang chiều hướng ngày càng xấu hơn, dẫn đến tình trạng bỏ học ngày càng nhiều.

Vì vậy để góp phần nâng cao kết quả học tập cho sinh viên Khoa QTKD, tác giả tiến hành nghiên cứu các yếu tố tác động đến KQHT của sinh viên, điều này sẽ góp phần giúp cho Khoa QTKD và Nhà trường phát huy các yếu tố tích cực, quan trọng và hạn chế các yếu tố tiêu cực để góp phần nâng cao KQHT của sinh viên.

2. Phương pháp và kết quả nghiên cứu

Có những quan điểm và cách thức đo lường KQHT của sinh viên khác nhau như của tác giả Hamer (2000), Clarke và cộng sự (2003), Young và cộng sự (2003). Trong bài tham luận này, KQHT của sinh viên được định nghĩa là đánh giá tổng quát của chính sinh viên về kiến thức và kỹ năng họ thu nhận được trong quá trình học tập các môn học cụ thể tại trường. Theo các tác giả Võ Thị Tâm (2010), Nguyen và cộng sự (2011) cho rằng xét về mặt tổng thể, có 3 nhóm yếu tố chính tác động đến KQHT của sinh viên bao gồm: đặc điểm của người học, điều kiện gia đình và tài nguyên của nhà trường trường.

Bảng 1: Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên

Đặc điểm người học	Điều kiện gia đình và xã hội	Tài nguyên của nhà trường
- Thái độ đối với việc học - Động cơ học tập của sinh viên - Ngành học không phù hợp với sở thích - Sự thích nghi với phương pháp giảng dạy mới - Phương pháp và kỹ năng học tập - Mức độ thương xuyên đến lớp - Khả năng tự học - Không tập trung khi học - Tình trạng sức khỏe - Bị stress, mệt mỏi - Thời gian cho việc học và giải trí - Tính kiên định trong học tập - Cạnh tranh trong học tập - Ấn tượng về trường học	- Tình cảm cá nhân - Mức độ quan tâm của gia đình đối với việc học - Mức độ tham gia vào các hoạt động đoàn thể xã hội - Việc làm thêm - Điều kiện sinh hoạt cá nhân	- Việc đăng ký môn học gây khó khăn cho việc học tập - Thời khóa biểu gây khó khăn đến lớp - Cơ sở vật chất của phòng học - Không gian phòng học chật hẹp - Khả năng truyền đạt của giảng viên - Phương pháp giảng dạy của giảng viên - Mức độ về trao đổi nội dung môn học với giảng viên - Hình thức đánh giá kết quả học tập với giảng viên - Thái độ giảng viên đối với sinh viên

Qua nghiên cứu và tổng hợp tài liệu, tác giả xác định các yếu tố chính có ảnh hưởng đến KQHT của sinh viên gồm: động cơ học tập (4 biến quan sát); phương pháp học tập (14 biến quan sát); phương pháp giảng dạy (11 biến quan sát); cơ sở vật chất (8 biến quan sát); gia đình xã hội (7 biến quan sát); kiên định học tập (5 biến quan sát); cạnh tranh học tập (4 biến quan sát); kết quả học tập (4 biến quan sát). Trong nghiên cứu này, các biến quan sát sử dụng thang đo likert 5 mức độ và sử dụng phần mềm SPSS 20 để thống kê mô tả, phân tích độ tin cậy của các yếu tố ảnh hưởng đến KQHT và các biến quan sát của nó.

Tác giả đã tiến hành thực hiện khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến KQHT đối với các SV thuộc Khoa QTKD và thu về được 100 quan sát cho 7 yếu tố với 53 biến quan sát. Tác giả tiến hành phân tích độ tin cậy Cronbach's Alpha cho 07 yếu tố và 53 biến quan sát; các yếu tố và biến quan sát được chấp nhận khi loại bỏ các biến quan sát có hệ số tương quan biến tổng lớn hơn 0,3 và hệ số Cronbach's Alpha lớn hơn 0,6. Kết quả được trình bày tại Bảng 2.

Bảng 2: Phân tích độ tin cậy Cronbach's Alpha các yếu tố ảnh hưởng đến KQHT của sinh viên

Yếu tố & Biến quan sát	Cronbach's Alpha	Yếu tố & Biến quan sát	Cronbach's Alpha
Động cơ	0,894	Cạnh tranh học tập	0,904
DC1	0,788	CTHT1	0,865
DC2	0,799	CTHT2	0,858
DC3	0,783	CTHT3	0,791
DC4	0,703	CTHT4	0,661
Phương pháp học tập	0,939	Phương pháp giảng dạy	0,872
PPHT1	0,598	PPGD1	0,216
PPHT2	0,758	PPGD2	0,392
PPHT3	0,788	PPGD3	0,729
PPHT4	0,660	PPGD4	0,467
PPHT5	0,793	PPGD5	0,691
PPHT6	0,714	PPGD6	0,690
PPHT7	0,663	PPGD7	0,657
PPHT8	0,751	PPGD8	0,717
PPHT9	0,758	PPGD9	0,707
PPHT10	0,818	PPGD10	0,746
PPHT11	0,682	PPGD11	0,752
PPHT12	0,589	Gia đình xã hội	0,845
PPHT13	0,708	GDXH1	0,520
PPHT14	0,611	GDXH2	0,662
Cơ sở vật chất	0,796	GDXH3	0,578

CSVC1	0,451	GDHX4	0,658
CSVC2	0,514	GDHX5	0,502
CSVC3	0,517	GDHX6	0,627
CSVC4	0,520	GDHX7	0,669
CSVC5	0,635	Kiên định học tập	0,888
CSVC6	0,498	KDHT1	0,787
CSVC7	0,497	KDHT2	0,815
CSVC8	0,499	KDHT3	0,653
		KDHT4	0,807
		KDHT5	0,608

Căn cứ vào kết quả phân tích độ tin cậy Cronbach's Alpha tại Bảng 1 cho thấy tất cả các yếu tố và biến quan sát đều thỏa điều kiện ngoại trừ biến quan sát PPGD1 có độ tin cậy không đạt yêu cầu ($PPGD1 = 0,216 < 0,3$) do vậy sẽ loại biến quan sát PPGD1. Tiếp theo tác giả tiến hành thống kê mô tả dựa vào giá trị trung bình của các biến quan sát và yếu tố để đánh giá thực trạng từ đó gợi mở một số giải pháp đối với từng yếu tố nhằm nâng cao KQHT cho sinh viên.

Bảng 3: Giá trị trung bình các yếu tố ảnh hưởng đến KQHT của sinh viên

Yếu tố và Biến quan sát	Giá trị trung bình	Yếu tố và Biến quan sát	Giá trị trung bình
Động cơ học tập	3,93	Cơ sở vật chất	3,65
DC1	3,97	CSVC1	3,69
DC2	3,98	CSVC2	3,89
DC3	3,91	CSVC3	3,97
DC4	3,85	CSVC4	4,11
Phương pháp học tập	3,87	CSVC5	3,46
PPHT1	3,75	CSVC6	3,39
PPHT2	3,78	CSVC7	3,27
PPHT3	3,87	CSVC8	3,45
PPHT4	3,71	Gia đình & xã hội	4,04
PPHT5	3,69	GDHX1	4,27
PPHT6	3,86	GDHX2	4,18

PPHT7	4,07	GDXH3	4,03
PPHT8	4,01	GDXH4	4,14
PPHT9	4,01	GDXH5	3,90
PPHT10	3,93	GDXH6	3,84
PPHT11	4,17	GDXH7	3,93
PPHT12	3,52	Kiên định học tập	3,92
PPHT13	3,66	KDHT1	4,01
PPHT14	4,14	KDHT2	4,02
Phương pháp giảng dạy	4,10	KDHT3	3,85
PPGD2	3,75	KDHT4	3,84
PPGD3	4,16	KDHT5	3,90
PPGD4	3,74	Cạnh tranh học tập	3,92
PPGD5	4,16	CTHT1	3,89
PPGD6	4,33	CTHT2	3,98
PPGD7	4,26	CTHT3	4,03
PPGD8	4,25	CTHT4	3,79
PPGD9	4,29		
PPGD10	4,00		
PPGD11	4,02		

Căn cứ vào Bảng 3 cho thấy được giá trị trung bình của các yếu tố đều trên mức bình thường (lớn hơn 3) khi được khảo sát về mức độ đồng ý theo thang đo likert từ 1 đến 5, Theo đó, ý nghĩa của giá trị các khoảng cách trong thang đo likert được xác định cụ thể:

- 1,0 – 1,80: Rất không đồng ý
- 1,81 – 2,60: Không đồng ý
- 2,61 – 3,40: Không ý kiến
- 3,41 – 4,20: Đồng ý
- 4,21 – 5,00: Rất đồng ý

Như vậy, giá trị trung bình của các yếu tố và biến quan sát đều ở mức độ từ đồng ý đến rất đồng ý (các giá trị trung bình > 3,41), điều này khẳng định rằng đối với sinh viên tại Khoa QTKD, họ

đều thể hiện sự đồng ý đối với các vấn đề ảnh hưởng đến kết quả học tập của họ và các biến quan sát đều đạt được mức độ đồng ý. Đây là cơ sở để giúp tác giả đưa ra những giải pháp cơ bản nhằm cải thiện từng yếu tố để từ đó giúp sinh viên nâng cao và cải thiện được kết quả học tập của mình. Cụ thể, bảng 2 đã cho thấy được tầm quan trọng có tính thứ tự của các yếu tố ảnh hưởng đến KQHT của sinh viên khoa QTKD dựa trên giá trị trung bình như sau: Phương pháp giảng dạy (4,1); gia đình xã hội (4,04); động cơ học tập (3,93); kiện định học tập (3,92); cạnh tranh học tập (3,92); phương pháp học tập (3,87); cơ sở vật chất (3,65).

3. Gợi ý một số giải pháp góp phần nâng cao kết quả học tập của sinh viên chính quy Khoa Quản trị kinh doanh

Dựa vào kết quả phân tích thực trạng và các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên chính qui khoa QTKD có thể đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao kết quả học tập của sinh viên như sau:

Đối với phương pháp giảng dạy: Giảng viên giảng dạy cần giảm bớt thời gian đọc thoại mà thay vào đó sử dụng phương pháp giảng dạy nêu vấn đề và tăng cường thêm thời gian thảo luận, trao đổi trên lớp theo từng case study khác nhau có liên quan đến nội dung học tập (dạy học theo dự án); đồng thời tạo khuyến khích động lực và khích lệ đủ mạnh cho sinh viên nêu lên những câu hỏi thắc mắc liên quan và trình bày quan điểm cá nhân dựa trên kiến thức, kinh nghiệm của sinh viên để thông qua đó sinh viên có thể nâng cao tính chủ động, tích cực trong học tập khi tham gia và tương tác với Giảng viên. Tổ chức các buổi thuyết trình tại lớp với những chủ đề cụ thể, rõ ràng cùng với các tài liệu được cung cấp đầy đủ cho sinh viên giúp cho sinh viên chủ động tìm hiểu, đọc tài liệu, nghiên cứu nội dung một cách hiệu quả. Trong quá trình giảng dạy, giảng viên cần đa dạng hơn về những hình thức kiểm tra đánh giá như trắc nghiệm, giải quyết các bài tập tình huống, thảo luận nhóm, ... nhằm gia tăng hứng thú học tập, kích thích khả năng học tích cực trong sinh viên.

Đối với yếu tố gia đình xã hội: đây là yếu tố thuộc ngoài tầm kiểm soát của Khoa và Nhà trường, tuy nhiên tùy theo từng trường hợp mà Nhà trường có thể tư vấn, chia sẻ và cung cấp thêm cho gia đình. Bên cạnh đó, nhà trường cũng nên chủ động cung cấp đến những giá trị lợi ích của yếu tố gia đình xã hội sẽ có tác động tích cực đến kết quả học tập của sinh viên, như vậy giúp cho gia đình của sinh viên hiểu rõ hơn và chủ động trong một số việc tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên có thể tập trung học tập, nâng cao được hiệu quả học tập các môn học và kết quả học tập của sinh viên.

Đối với động cơ và tính kiên định trong học tập: Khoa QTKD và Nhà trường cần tổ chức và thực hiện nhiều công tác, hoạt động giáo dục tư tưởng cho sinh viên đặc biệt là sinh viên năm thứ nhất để học tránh tình trạng nghỉ học, bỏ học. Đồng thời nhà trường tăng cường giáo dục và quản lý sinh viên để họ tập trung sức lực và thời gian đầu tư vào trong quá trình học tập, tránh sao nhãng và sa đà vào những hoạt động không lành mạnh.

Đối với yếu tố cạnh tranh trong học tập: để nâng cao kết quả học tập của sinh viên thì môi trường cạnh tranh trong học tập đóng vai trò hết sức quan trọng. Để có được môi trường cạnh tranh này thì nhà trường cần quán triệt giáo viên trong việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên một cách công bằng, minh bạch. Bên cạnh đó nhà trường cần áp dụng các biện pháp khen thưởng cho những sinh viên có thành tích cao trong học tập để sinh viên có động lực phấn đấu.

Đối với phương pháp học tập: Khoa QTKD và nhà trường cần phải giới thiệu và trang bị cho sinh viên phương pháp học tập thích hợp. Sinh viên phải kết hợp học tập ở trên lớp với học tập ở nhà, trên thư viện. Khi học tập trên lớp sinh viên chú ý nghe giảng để nắm bắt được nội dung chính của bài giảng, đặt câu hỏi và trao đổi bài với giáo viên. Ở nhà sinh viên tận dụng tối đa thời gian để đọc thêm những tài liệu tham khảo, làm bài tập, tiểu luận. Sinh viên có thể tổ chức học nhóm hoặc có thể tham gia các câu lạc bộ học thuật như tin học, ngoại ngữ. Và sinh viên phải tự nhận thức được rằng trong môi trường học ở bậc đại học, sinh viên phải chủ động trong việc học tập không giống như ở bậc giáo dục phổ thông.

Đối với cơ sở vật chất: bên cạnh việc áp dụng phương pháp học tập thích hợp, tính kiên định, môi trường cạnh tranh, ấn tượng trường học thì tài nguyên nhà trường cũng đóng góp một cách đáng kể đến kết quả học tập của sinh viên. Tài nguyên của nhà trường bao gồm cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, thương hiệu của nhà trường. Vì vậy nhà trường cần phải tranh thủ được các dự án đầu tư cơ sở vật chất cho nhà trường, xây dựng chiến lược dài hạn cho việc đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ đặc biệt là đội ngũ giảng viên. Nhà trường cần có chiến lược dài hạn cho việc xây dựng thương hiệu trường đại học trở thành trường đầu ngành về đào tạo và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực lâm nghiệp.

4. Kết luận

Việc nghiên cứu các nhân tố tác động đến KQHT của sinh viên chính quy tại Khoa Quản trị Kinh doanh – Trường Cao Đẳng Công Thương TP.HCM là rất cấp thiết sẽ giúp cho nhà trường phát huy các yếu tố tích cực, quan trọng và hạn chế các yếu tố tiêu cực để góp phần nâng cao KQHT của sinh viên từ đó nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường. Nghiên cứu này có mục tiêu tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến KQHT của sinh viên chính quy làm cơ sở cho việc đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao KQHT của sinh viên. Để đạt mục tiêu nghiên cứu trên, đề tài nghiên cứu đã hệ thống hóa cơ sở lý luận của vấn đề nghiên cứu về kết quả học tập của sinh viên và các nhân tố ảnh hưởng tiềm năng. Tác giả đã tiến hành khảo sát bằng bảng hỏi cho 100 sinh viên chính quy của khoa QTKD và đã tiến hành phân tích độ tin cậy của các yếu tố và biến quan sát nhằm xác định các yếu tố phù hợp để đánh giá sự ảnh hưởng của nó đến KQHT của sinh viên. Kết quả phân tích cho thấy có 07 yếu tố ảnh hưởng đến KQHT của sinh viên và được đánh giá ở mức độ đồng ý đến rất đồng ý dựa trên giá trị trung bình, bao gồm: Phương pháp học tập, kiên định trong học tập, cạnh tranh trong học tập, phương pháp giảng dạy, gia đình và xã hội, cơ sở vật chất và động cơ học tập. Trên cơ sở các

nhân tố ảnh hưởng, một số giải pháp cũng đã đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao kết quả học tập của sinh viên theo thứ tự ưu tiên của các giải pháp theo mức độ ảnh hưởng của các nhân tố.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Clarke, T., & Hermens, A. (2001). Corporate developments and strategic alliances in e-learning. *Education+ Training*, 43(4/5), 256-267.
2. Hamer LO. (2000). The Additive Effects of Semistructured Classroom Activities on Student Learning: An Application of Classroom-Based Experiential Learning Techniques. *Journal of Marketing Education*, 22(1):25-34.
3. Young, J. E., Klosko, J. S., & Weishaar, M. (2003). *Schema Therapy: A practitioner's guide*. New York: Guilford Publications.
4. Võ Thị Tâm (2010). Các yếu tố tác động đến kết quả học tập của sinh viên chính quy trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh. Luận văn thạc sĩ
5. Nguyen, T. D., Shultz, C. J., & Westbrook, M. D. (2011). Psychological Hardiness in Learning and Quality of College Life of Business Students: Evidence from Vietnam. *Journal of Happiness Studies*, 13(6), 1091-1103.

Hội thảo khoa học
"Nâng cao chất lượng dạy và học của giảng viên và sinh viên khoa Quản trị kinh doanh
trường Cao đẳng Công thương Tp.HCM"
